



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

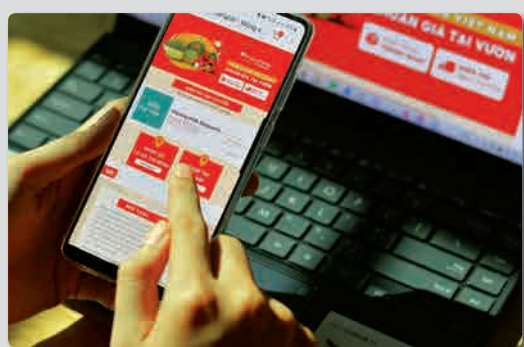
TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 60 - Số 607 / Kỳ I - 10/2021



**VIỆT NAM
TRONG CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN**



**TẬP TRUNG THẢO GIÕ KHÓ KHĂN
CHO CÁC DOANH NGHIỆP FDI**



**THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
CON ĐƯỜNG ĐỂ NÔNG SẢN
VƯỢT QUA ĐẠI DỊCH**



**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, MIỀN NÚI
GÓC NHÌN TỪ CHÍNH SÁCH**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 10/2021 (607) Ra hàng tháng. Năm thứ 60

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BUI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại **Công ty TNHH In Tân Thăng Long**

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỔ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hợp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng đầu năm 2021

2. Hợp trực tuyến báo cáo đánh giá dữ liệu tờ khai thuế

5. Hợp trực tuyến về Kinh tế số giữa Tổng cục Thống kê với Trường Đại học Kinh tế quốc dân

6. Sửa đổi, bổ sung danh mục Chỉ tiêu Thống kê quốc gia để thực hiện tốt hơn Luật Thống kê

Đào Ngọc Lâm

KINH TẾ - XÃ HỘI

9. Tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2021

14. Tổng quan thị trường giá tiêu dùng chín tháng, quý III và cả nước năm 2021

16. Việt Nam trong cộng đồng kinh tế ASEAN

Bích Ngọc

19. Quan hệ Việt - Mỹ: Nâng lên tầm cao mới

Thu Hường

22. Thị trường bán lẻ Việt Nam: Kỳ vọng tăng trưởng tích cực trong mùa dịch

Tiến Long

25. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp FDI

Ngọc Linh

28. Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam trong bối cảnh mới: Thành tựu và thách thức

Thu Hòa

31. Doanh nghiệp Việt đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài

Minh Ngân

34. Thương mại điện tử con đường để nông sản vượt qua đại dịch

TS. Trần Thị Minh Trâm

37. Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

Minh Linh

40. Nâng cao chất lượng giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi: Góc nhìn từ chính sách

TS. Đặng Quang Trung

43. An Giang: Nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế

ThS. Trương Văn Tấn

47. Du lịch Lào Cai: Những giải pháp phục hồi hậu Covid-19

Nguyễn Thị Như Quỳnh

50. Tin địa phương

QUỐC TẾ

52. Tổng quan kinh tế thế giới 9 tháng và quý III năm 2021

Vụ Thống kê Nước ngoài và Hợp tác quốc tế

Giá: 24.000 đ



HỌP BÁO CÔNG BỐ SỐ LIỆU THỐNG KÊ KINH TẾ - XÃ HỘI QUÝ III VÀ 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Thực hiện lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2021, sáng ngày 29/9/2021, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng đầu năm 2021 bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến. Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Nguyễn Thị Hương chủ trì buổi Hội báo. Tham dự trực tiếp buổi hội báo có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, thủ trưởng một số đơn vị thuộc Tổng cục và các cơ quan thông tấn báo chí. Cùng tham dự buổi hội báo có lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc Tổng cục, các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại các điểm cầu trực tuyến.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2021, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, những tháng đầu năm 2021, kinh tế vĩ mô nước ta tiếp tục ổn định và bắt đầu khởi sắc, tuy nhiên, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng Tư với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe, tính mạng của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, GDP quý III/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP quý đến nay. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 5,02%; khu vực dịch vụ giảm 9,28%. GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế,



khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%.

Mặc dù cũng chịu ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 trong chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản song ngành Nông nghiệp đã có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả thể hiện vai trò bệ đỡ của nền kinh tế, năng suất lúa tăng cao, chăn nuôi tăng trưởng ổn định, kim ngạch xuất khẩu một số nông sản 9 tháng năm 2021 đạt khá so với cùng kỳ năm trước. Ngành nông nghiệp tăng 3,32%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,3%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 0,66%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm.

Tính chung 9 tháng năm 2021, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp ước tính tăng 4,45% so với

cùng kỳ năm 2020 (quý I tăng 6,29%; quý II tăng 11,18%; quý III giảm 3,5%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,05%; ngành khai khoáng giảm 7,17% do sản lượng khai thác dầu thô giảm 6% và khí đốt tự nhiên giảm 17,6%. Tính riêng quý III/2021, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, tổng số doanh nghiệp thành lập mới đạt 85,5 nghìn doanh nghiệp, giảm 13,6% so với cùng kỳ năm trước; quy mô vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới đạt 14 tỷ đồng, giảm 3,1%; số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 90,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 15,3%. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 3.367,7 nghìn tỷ đồng, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 8,7% (cùng kỳ năm 2020 giảm 5,1%). Khách quốc tế đến nước ta ước đạt 114,5 nghìn lượt người, giảm 97% so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng,



chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế.

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 1.868,5 nghìn tỷ đồng, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước. Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 22,15 tỷ USD, tăng 4,4%. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 240,52 tỷ USD, tăng 18,8%; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 242,65 tỷ USD, tăng 30,5%; tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa vẫn duy trì tốc độ tăng cao, đạt 483,17 tỷ USD, tăng 24,4%. Cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 2,13 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 16,66 tỷ USD).

Bên cạnh đó, tính chung 9 tháng năm 2021, CPI tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 9 tháng tăng 0,88%. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 50,4 triệu người, giảm 216 nghìn người so với cùng kỳ năm 2020; lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 49,1 triệu người. Công tác an sinh xã hội định kỳ và công tác giảm nghèo bền vững tiếp tục được quan tâm. Tình hình dịch Covid-19 đang dần được kiểm soát và có những chuyển biến tích cực, số ca mắc trong cộng đồng và tử vong có chiều hướng giảm.

Cũng tại buổi họp báo, TCTK đã công bố Tình hình giá tháng Chín, quý III và 9 tháng năm 2021; Báo cáo xu hướng sản xuất kinh doanh ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và xây dựng quý III, dự báo quý IV năm 2021.

Tổng cục Thống kê đã dành nhiều thời gian giải đáp thỏa đáng câu hỏi của các nhà báo xoay quanh các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2021 như: Nguy cơ đứt gãy chuỗi sản xuất của nền kinh tế; Sức khỏe của doanh nghiệp trong đợt dịch lần thứ tư và những ảnh hưởng đến nền kinh tế; Tình hình thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, giải ngân vốn đầu tư công.../.

B.N

RÀ SOÁT, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA

Sáng ngày 23/9/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Họp rà soát, sửa đổi, bổ sung Danh mục chỉ tiêu thống kê Quốc gia. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì buổi họp.

Tham dự buổi họp có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo, chuyên viên các vụ liên quan trực thuộc cơ quan TCTK.

Phát biểu khai mạc, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương cho biết, để chuẩn bị khẩn trương nhất đối với việc hoàn thiện Danh mục chỉ tiêu đề xuất trong Luật Thống kê, đây là buổi làm việc tổng thể đầu tiên với các vụ sau khi Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê đã tổng hợp các ý kiến của Chủ tịch Quốc hội, các ủy viên Thường vụ Quốc hội, các nhà khoa học. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương yêu cầu các đại biểu tập trung vào nội dung quá trình xây dựng và các nội dung dự kiến giải trình từ phía đơn vị chủ trì, theo đó cụ thể những chỉ tiêu nào, cách làm ra sao và được phân công với các Vụ như thế nào sẽ được bàn chi tiết về cách làm, tiến độ hoàn thành, công tác tổ chức các phiên thảo luận chung và bên lề cũng như sự phối hợp với các Bộ, ngành.

Dự thảo danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia sửa đổi, bổ sung gồm: 20 nhóm với 215 chỉ tiêu. So với danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành theo Luật Thống kê năm 2015, danh mục này giữ nguyên 134 chỉ tiêu, sửa tên 41 chỉ tiêu, bổ sung 40 chỉ tiêu và bỏ 11 chỉ tiêu. Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê đã được đưa vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2021 và dự kiến trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XV theo quy trình một kỳ họp.

Tại buổi họp, các đại biểu đã nghe trình bày tổng hợp góp ý về dự thảo Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia. Đồng thời đóng góp cho ý kiến vào một số nội dung trong dự thảo Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia như: Nhóm "2 lao động việc làm và bình đẳng giới" tách lĩnh vực bình đẳng giới thành nội dung riêng; Nhóm "13 Công nghệ thông tin và truyền thông" sửa tên thành "13 Công nghệ thông tin bưu chính viễn thông và truyền thông"; tách kinh tế số thành nhóm riêng; Nhóm "19 trật tự an toàn xã hội và tư pháp" tách tư pháp thành nhóm riêng...

Kết thúc thảo luận, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đánh giá cao ý kiến đóng góp của các đại biểu và yêu cầu Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê - đơn vị chủ trì cần khẩn trương tiếp tục tiếp thu tổng hợp các ý kiến của đại biểu tại và gửi về các vụ liên quan trong thời gian sớm nhất. Căn cứ vào bản tổng hợp góp ý Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng Thống kê gửi các vụ, mỗi vụ theo nhóm ngành được phân công sẽ phối hợp với các bộ, ngành, chuyên gia cùng thảo luận và gửi lại bản góp ý chậm nhất vào ngày 26/9./.

M.T



HỌP TRỰC TUYẾN BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ DỮ LIỆU TỜ KHAI THUẾ

Chiều ngày 16/9/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Hội trực tuyến báo cáo đánh giá dữ liệu tờ khai thuế. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì cuộc họp.

Tham dự cuộc họp có Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến; đại diện lãnh đạo, chuyên viên một số đơn vị trực thuộc cơ quan TCTK.

Theo Báo cáo đánh giá dữ liệu tờ khai thuế hàng tháng/quý, đánh giá chất lượng dữ liệu tờ khai thuế Giá trị gia tăng (GTGT) và tờ khai thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) được thực hiện bằng cách so sánh dữ liệu của 2 loại tờ khai này với Báo cáo tài chính (BCTC). Dữ liệu BCTC đã được đánh giá và sử dụng trong một số năm gần đây cho thấy đây là dữ liệu tin cậy và có chất lượng tốt bảo đảm làm gốc để đánh giá các dữ liệu tờ khai thuế.

Về chất lượng số liệu doanh thu từ tờ khai thuế GTGT năm 2020 so với BCTC chỉ chênh lệch 1,1% cho thấy số liệu tờ khai và báo cáo quyết toán không có sự thay đổi nhiều, điều này cho thấy số liệu doanh thu từ tờ khai thuế GTGT hoàn toàn có thể sử dụng để phục vụ tổng hợp các số liệu hàng quý của ngành Thống kê. Từ kết quả đánh giá này, Cục TTDL đã tiến hành tính toán số liệu về doanh thu từ tờ khai thuế GTGT 6 tháng đầu năm 2021 để có thể là nguồn số liệu tốt cho việc so sánh, đối chiếu với các nguồn dữ liệu từ điều tra. Dữ liệu tờ khai được



kết nối với dữ liệu Tổng điều tra kinh tế 2021, dữ liệu đăng ký thuế lấy các chỉ tiêu về loại hình doanh nghiệp, ngành kinh tế để tổng hợp doanh thu chia theo ngành kinh tế và theo loại hình doanh nghiệp.

Về chất lượng số liệu doanh thu từ tờ khai thuế TNDN chỉ chênh lệch 1,4% so với BCTC, điều này cho thấy cả 3 nguồn dữ liệu từ tờ khai thuế GTGT, tờ khai thuế TNDN và BCTC của Tổng cục Thuế có sự thống nhất về mặt số liệu rất cao và đủ tin cậy để có thể sử dụng.

Báo cáo cũng chỉ ra ưu điểm số liệu doanh thu giữa 3 nguồn giữ liệu (2 tờ khai và BCTC) rất sát nhau nên việc điều chỉnh số liệu tờ khai và báo cáo quyết toán là rất ít. Đánh giá này đã khẳng định giữ liệu tờ khai hàng tháng/quý hoàn toàn có thể sử dụng cho mục đích thực hiện các báo cáo thống kê; Ngoài ra, dữ liệu tờ khai có doanh thu của các DN Việt Nam nên có thể đánh giá được quy mô tổng thể của nền kinh tế; là nguồn dữ liệu rất tốt để đối chiếu, kiểm tra đối với dữ liệu điều tra hàng tháng,

quý của ngành Thống kê; giúp tính được doanh thu năm trước vào thời điểm cuối tháng 1 năm sau. Điều này giúp cập nhật được thông tin dàn mẫu của điều tra DN, có thông tin để kiểm tra ngay trong quá trình thực hiện điển hình thông tin của các DN giúp giảm thiểu các sai sót về đơn vị tính.

Tuy nhiên bên cạnh những ưu điểm báo cáo cũng chỉ ra những nhược điểm như: DN thực hiện kê khai thuế GTGT chủ yếu theo Quý nên số liệu tờ khai chỉ có thể sử dụng để tổng hợp báo cáo quý. Thời hạn kê khai thuế GTGT là ngày cuối cùng của tháng đầu quý sau nên số liệu tờ khai chỉ có được số quý trước quý báo cáo của TVTK. Số doanh nghiệp thực hiện kê khai đúng thời hạn vẫn đạt 90% số doanh nghiệp cần kê khai.

Báo cáo đưa ra kiến nghị trong thời gian tới như: Tiếp tục hoàn thiện cầu nối Thuế và thống nhất lại cách thức vận hành để có thể đảm bảo nhận đầy đủ và cập nhật dữ liệu tờ khai thuế kịp thời. Tiếp tục phối hợp với Tổng

cục Thuế để cập nhật và hoàn thiện phụ lục cung cấp dữ liệu của 2 bên tiến tới sử dụng triệt để được nguồn dữ liệu hành chính của 2 bên. Xây dựng phần mềm riêng phục vụ công tác kiểm tra dữ liệu tờ khai hàng tháng/quý và phối hợp với TCT để làm sạch và hoàn thiện các bộ dữ liệu này. Kết nối dữ liệu tờ khai vào dữ liệu các cuộc điều tra để kiểm tra, tích hợp sử dụng.

Tại cuộc họp, các đại biểu thảo luận đóng góp vào Báo cáo đánh giá dữ liệu tờ khai thuế hàng tháng/quý, đề cập đến việc tổng hợp số liệu là rất tốt nhưng để đảm bảo cần kiểm tra làm sạch số liệu; đánh giá thời gian làm sạch số liệu; chú ý bổ sung thêm việc phân bổ theo ngành; số liệu từng tỉnh còn có sự bất hợp lý.

Kết thúc cuộc họp, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương khẳng định đây là xu hướng TCTK phải làm và đây là nguồn dữ liệu rất quý. Nhìn vào tổng thể còn có nhiều vấn đề nhưng TCTK sẽ xử lý được các vấn đề này nếu cùng nhau xem xét vừa ở mức tổng thể, vừa ở mức chi tiết. Với nguồn dữ liệu đã có TCTK sẽ huy động toàn ngành tham gia thực hiện xử lý nguồn dữ liệu./.

M.T

HỌP TRỰC TUYẾN VỀ XÂY DỰNG VĂN KIẾN DỰ ÁN CHO CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA 10

Nhằm trình bày và thảo luận về Chương trình Quốc gia lần thứ 10 (CP10), 2022-2026 và quá trình xây dựng và phê duyệt Văn kiện dự án, sáng ngày 16/9/2021, tại Hà Nội, Quỹ dân số Liên hợp quốc (UNFPA) và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) đã tổ chức Hội thảo trực tuyến về Xây dựng Văn kiện Dự án cho Chương trình Quốc gia 10. Bà Naomi Kitahara, Trưởng đại diện UNFPA Việt Nam và Ông Dương Hùng Cường, Phó Vụ trưởng Vụ Kinh tế Đối ngoại Bộ KH&ĐT đồng chủ trì cuộc họp.

Tham dự họp có đại diện Bộ KH&ĐT; nhân viên UNFPA và đại diện các Bộ Y tế, Bộ Nội vụ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Hội Nông dân Việt Nam.

Tại điểm cầu Tổng cục Thống kê (TCTK) có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cùng lãnh đạo các vụ liên quan trực thuộc cơ quan TCTK.

Phát biểu khai mạc, bà Naomi Kitahara, trưởng đại diện UNFPA tại Việt Nam đã trình bày tổng quan quá trình xây dựng chương trình văn kiện Quốc gia 10. Theo bà Naomi Kitahara, dựa trên kết quả phân tích chung về Việt Nam, dựa trên kết quả đánh giá giữa kỳ của chương trình quốc gia số 9, chương trình hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam và Quỹ dân số Liên hợp quốc CP10 được xây dựng theo định hướng kế hoạch chiến lược toàn cầu của Quỹ dân số Liên hợp quốc trong giai đoạn mới 2022-2025, nhằm góp phần đạt 3 mục tiêu đột phá gồm: Không có ca tử vong mẹ và các ca tử vong đó có thể phòng tránh được; Không có nhu cầu nào về kế hoạch hóa gia đình mà không được đáp ứng; Không có bạo lực dựa trên

cơ sở mới nào và các thực hành có hại. Ngoài ra, chương trình quốc gia số 10 hợp tác giữa UNFPA và Chính phủ Việt Nam còn được xây dựng dựa trên khung hợp tác phát triển bền vững của một Liên hợp quốc tại Việt Nam. Chương trình quốc gia số 10 được xây dựng với 6 đầu ra và đóng góp vào 2/4 kết quả và được thống nhất giữa các tổ chức Liên hợp quốc và Chính phủ Việt Nam của khung hợp tác phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Hiện, văn kiện chương trình quốc gia 10 đã được Ủy ban thẩm định của Quỹ dân số Liên hợp quốc toàn cầu thông qua với số điểm cao là 92.50/100 điểm. Tại Hội thảo, bà Naomi Kitahara gửi lời cảm ơn tới Bộ KH&ĐT đã hướng dẫn quá trình tham vấn với các Bộ, ngành và trợ giúp cho quá trình phê chuẩn của Phó Thủ tướng Chính phủ.

Theo dự án, đầu ra của chương trình là tăng cường xây dựng chính sách và chương trình dựa trên bằng chứng và đảm bảo quyền, bao gồm cả phân bổ ngân sách và giám sát, thông qua sản xuất, phân tích và sử dụng số liệu.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến đã cảm ơn sự quan tâm của UNFPA đối với 3 thành phần hỗ trợ, trong đó có hỗ trợ sử dụng công nghệ mới. Theo Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đây là 3 thành phần hỗ trợ rất thiết thực đối với TCTK và đã được TCTK đưa vào chiến lược phát triển TCTK trong giai đoạn tới. TCTK cũng cam kết sẽ thực hiện các công việc do UNFPA hỗ trợ sẽ đạt kết quả./.

P.V



HỌP TRỰC TUYẾN VỀ KINH TẾ SỐ GIỮA TỔNG CỤC THỐNG KÊ VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Chiều ngày 17/9/2021, tại Hà Nội đã diễn ra cuộc họp trực tuyến về Kinh tế số (KTS) giữa Tổng cục Thống kê với Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Tham dự cuộc họp tại điểm cầu TCTK có Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cùng lãnh đạo, chuyên viên các vụ liên quan trực thuộc cơ quan TCTK.

Tại điểm cầu Trường Đại học Kinh tế quốc dân có PGS.TS Bùi Huy Nhượng - Phó hiệu trưởng trường ĐH KTQD cùng các thầy cô giáo của Trường.

Phát biểu khai mạc cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho biết cuộc họp sẽ trao đổi về nội dung: (1) hợp tác nghiên cứu về kinh tế số giữa hai bên; (2) thỏa thuận quy chế số liệu và (3) hỗ trợ số liệu. Hiện, TCTK đang xây dựng bộ chỉ tiêu KTS. TCTK cũng đã nhận được ý kiến góp ý của Trường Đại học Kinh tế quốc dân về hệ thống bộ chỉ tiêu này.

Phát biểu tại cuộc họp, PGS.TS Bùi Huy Nhượng - Phó hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cảm ơn TCTK tạo cơ hội cho Trường có cuộc họp này để cùng trao đổi về các nội dung hai bên cùng quan tâm. PGS.TS Bùi Huy Nhượng cho biết, thời gian qua, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và các thầy cô giáo của Trường đã nhận được sự hỗ trợ của TCTK trong việc cung cấp số liệu phục vụ công tác phân tích và thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở biên bản ghi nhớ hợp tác hai bên, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân mong muốn thảo luận quy chế phối hợp và hợp tác về nghiên cứu số cũng như hỗ trợ về số liệu.

Cụ thể, nội dung 1 về hợp tác nghiên cứu về KTS giữa NEU và GSO:



Mục đích của nội dung này là cần sự thống nhất về định nghĩa và cách thức đo lường KTS cho cả nước và Hà Nội nói riêng; Cần sự thống nhất về bộ chỉ tiêu đánh giá (sự phát triển) KTS cho cả nước và Hà Nội; Tận dụng được năng lực và lợi thế của 2 đơn vị với cùng mục tiêu chung là đo lường đúng KTS và xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá (sự phát triển) KTS. Hợp tác hai bên đề xuất là: NEU đóng góp ý kiến vào dự thảo về các chỉ tiêu KTS và đo lường KTS của GSO; Đóng góp khung lý thuyết về đo lường và chỉ tiêu KTS trên cơ sở thảo luận với GSO; Đóng góp về phương pháp luận tính (đo lường KTS) trên cơ sở thảo luận với GSO. Về phía GSO sẽ chia sẻ các kết quả tính toán (Bảng IO,...), các chỉ tiêu KTS (với sự đóng góp về lý thuyết và phương pháp của NEU); Phối hợp với NEU tiến hành điều tra để đo lường KTS cho Hà Nội (Cục Thống kê TP.Hà Nội); Tham gia nhóm nghiên cứu KTS của NEU (với kinh phí từ đề tài với Thành phố Hà Nội).

Đối với nội dung 2 về thỏa thuận quy chế số liệu hai bên đề xuất nội dung phối hợp như: Theo Biên bản ghi nhớ giữa NEU và GSO, NEU đã có dự thảo Quy chế về hợp tác số liệu giữa GSO và NEU, đã có chỉnh sửa bước đầu theo công văn phúc đáp của GSO; NEU mong muốn được ký Quy chế về hợp tác số liệu với những quy định chung;

còn các Phụ lục số liệu có thể mỗi năm định kỳ rà soát để chỉnh sửa; Tài liệu đính kèm gồm (Quy chế và Phụ lục dự thảo).

Nội dung 3 về hỗ trợ về số liệu hai bên đề xuất, trước mắt, NEU mong muốn được hỗ trợ các số liệu sau: Điều tra lao động - việc làm Quý 1 và Quý 2; Cách thức GSO tư vấn (dữ liệu thô, các bảng tổng hợp).

Kết thúc cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến đánh giá cao các nội dung được trao đổi trong cuộc họp đã đạt hiệu quả và hy vọng các công việc hợp tác giữa hai bên trong thời gian tới tiếp tục đạt hiệu quả cao. Qua các ý kiến trao đổi tại cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho rằng, về nội dung hợp tác nghiên cứu KTS, TCTK sẽ giao đầu mối cho Vụ Phương pháp chế độ và Quản lý chất lượng thống kê. Về quy chế cũng như số liệu để phục vụ xây dựng chính sách, TCTK sẽ giao Cục Thu thập dữ liệu làm đầu mối và đề nghị các đơn vị của Trường liên hệ với các đơn vị nghiệp vụ TCTK giao làm đầu mối để thực hiện các nội dung trao đổi trong cuộc họp này. Đối với các nội dung khác, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho rằng, sau khi xây dựng quy chế hai bên sẽ cùng thống nhất công việc đảm bảo hợp tác đạt kết quả tốt hơn./.

P.V

HỢP TỔ CÔNG TÁC XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN XUẤT BẢN, PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM ĐIỆN TỬ



Sáng ngày 28/9/2021, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức họp Tổ công tác xây dựng và triển khai Đề án xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì cuộc họp.

Tham dự cuộc họp có đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc TCTK; lãnh đạo Nhà xuất bản Thống kê - đơn vị chủ trì.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết, thời gian qua, nhiều nhà xuất bản lớn của Việt Nam đã yêu cầu Bộ Thông tin truyền thông xây dựng hành lang pháp lý để phát triển xuất bản phẩm điện tử. Đây là điều kiện thuận lợi để Tổng cục Thống kê nói chung và Nhà xuất bản Thống kê nói riêng thực hiện xây dựng và triển khai Đề án xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với xu thế chung khi Chính phủ đang đẩy mạnh việc thực hiện chuyển đổi số quốc gia...

Tại cuộc họp, các đại biểu đã nghe báo cáo trình bày về yêu cầu xây dựng, triển khai Đề án xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử. Theo đó, việc triển khai Đề án xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử được chia thành ba bước: Xây dựng đề án và một số vấn đề có liên quan; Triển khai Đề án; Vận hành và khai thác Đề án.

Các đại biểu tham dự cuộc họp đã cùng nhau thảo luận một số vấn đề liên quan đến việc xây dựng và triển khai Đề án xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử như: hạ tầng công nghệ thông tin, đơn vị tư vấn, giấy phép xuất bản...

Kết luận cuộc họp, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến ghi nhận và đánh giá cao những ý kiến đóng góp của các đại biểu tham dự. Đồng thời, Phó Tổng cục trưởng yêu cầu Nhà xuất bản Thống kê sẽ tiếp tục hóa cụ thể chi tiết các bước trong Đề án xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử cũng như phối hợp với các đơn vị có liên quan khẩn trương triển khai công việc trong thời gian sớm nhất./

Thu Hường

Sự cần thiết phải sửa đổi, bổ sung

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia ban hành kèm theo Luật Thống kê số 89/2015/QH13 đã được thực hiện khẩn trương sớm đưa vào thực tiễn và đạt được nhiều kết quả tích cực. Danh mục chỉ tiêu này đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu đánh giá, dự báo tình hình, xây dựng kế hoạch, quy hoạch, chính sách quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội; đáp ứng yêu cầu kiểm tra, giám sát thực hiện trong thời kỳ 2016-2020. Danh mục chỉ tiêu này đã đáp ứng được phần lớn nhu cầu so sánh quốc tế; đáp ứng nhiều hơn nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và quốc tế. Do số lượng chỉ tiêu giảm so với trước, nên việc thu thập tổng hợp, công bố nhanh hơn, chính xác hơn, nghiêng về chất lượng hơn... nên đã đáp ứng được nhu cầu thông tin tốt hơn. Kết quả tích cực đó đã góp phần làm cho “ngũ giác” mục tiêu (tăng trưởng, lạm phát, cán cân thanh toán, thất nghiệp, môi trường) của Việt Nam trong thời kỳ 2016-2020 phù hợp với thực tế hơn, làm cho các mục tiêu của kế hoạch 5 năm (2021-2025), chiến lược 10 năm (2021-2030) vừa thể hiện quyết tâm cao, vừa có tính khả thi.

Bên cạnh những kết quả tích cực, Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia hiện hành còn có một số hạn chế, thể hiện trên một số mặt. Một số chỉ tiêu thống kê chưa thật cần thiết hoặc không còn cần thiết trong điều kiện mới cần được bỏ bớt; Một số chỉ tiêu thống kê do thiếu tính khả thi trong thực tế cũng cần thiết phải loại bỏ; Một số chỉ tiêu thống kê về tên gọi

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG DANH MỤC CHỈ TIÊU THỐNG KÊ QUỐC GIA ĐỂ THỰC HIỆN TỐT HƠN LUẬT THỐNG KÊ

Đào Ngọc Lâm

Nguyên Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ - TCTK

Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia là nội dung quan trọng của Luật Thống kê. Sau 5 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả tích cực, cũng còn những hạn chế và đứng trước những yêu cầu mới; danh mục này phải được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

hoặc nội hàm không phù hợp thực tiễn hay chuẩn mực quốc tế cũng cần được sửa đổi. Quan trọng hơn là cần bổ sung những chỉ tiêu phản ánh đầy đủ hơn thực tiễn và xu hướng phát triển mới của đất nước. Các chỉ tiêu này bao gồm các chỉ tiêu liên quan đến kinh tế số, logistics, đổi mới sáng tạo toàn cầu, cải thiện môi trường kinh doanh, chuyển đổi số quốc gia, mức độ ứng dụng công nghệ (chữ ký số), các chỉ tiêu thể hiện năng lực cạnh tranh quốc gia; các chỉ tiêu thống kê liên quan đến phát triển bền vững ở cấp độ quốc gia...

Các nguyên tắc cơ bản để sửa đổi, bổ sung

Để việc sửa đổi, bổ sung chỉ tiêu quốc gia, ngoài các yêu cầu của việc xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được quy định trong Luật Thống kê, còn phải tuân thủ các nguyên tắc nhất định.

Một là, Chỉ tiêu được sửa đổi, bổ sung quy định tại danh mục phải phản ánh tình hình kinh tế - xã hội chủ yếu của đất nước, phục vụ các cơ quan, lãnh đạo Đảng và Nhà nước các cấp trong việc đánh giá,

dự báo tình hình, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế; phản ánh, lượng hóa việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là những chủ trương, chính sách trong bối cảnh mới. Đó là những thông tin, số liệu về kinh tế - xã hội chủ yếu ở tầm quốc gia phản ánh các nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; chính sách về phát triển bền vững; cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tập trung vào các nhóm chuyển đổi số, kinh tế số; nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics; giới và bình đẳng giới; kinh tế tuần hoàn, phát triển kinh tế bao trùm và quan hệ hội nhập quốc tế, phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Hai là, chỉ tiêu được sửa đổi, bổ sung quy định tại danh mục bảo đảm tính khả thi - tức là chỉ tiêu phải thu thập, tổng hợp và biên soạn được trong thực tế. Đơn cử như sẽ bỏ chỉ tiêu "Chỉ số đổi mới

công nghệ, thiết bị", vì hiện nay dữ liệu để tính toán chỉ tiêu số đổi mới công nghệ, thiết bị không đầy đủ, không đồng nhất nên việc tính toán chỉ số này không khả thi trong thực tế. Mặt khác, đổi mới công nghệ, thiết bị chỉ là một phần hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và không mang tính bao quát và khó khăn khi tính cho cả nước.

Nguyên tắc này đòi hỏi phải bảo đảm kế thừa, phát huy hiệu quả những quy định mang tính ưu việt trong Luật Thống kê; khắc phục hạn chế, bất cập và bổ sung những quy định phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm thống nhất, tương thích và tính so sánh quốc gia, giữa các vùng miền nhưng vẫn đáp ứng được các điều kiện thực tiễn; bảo đảm thống nhất với các hệ thống chỉ tiêu thống kê Bộ, ngành, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh và các hệ thống chỉ tiêu thống kê đa ngành, đa lĩnh vực và liên kết vùng khác.

Ba là, chỉ tiêu được sửa đổi bổ sung quy định tại danh mục bảo đảm so sánh quốc tế; phù hợp

với thực tiễn thống kê và tuân thủ các nguyên tắc hoạt động thống kê chính thức của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc. Ví dụ như: Chỉ tiêu “Số lượng thuê bao truy nhập Internet” sửa tên thành “Số lượng thuê bao truy nhập Internet băng rộng” để thuận lợi cho việc thu thập số liệu cung cấp cho Liên minh Viễn thông quốc tế (ITU) và cũng để bảo đảm công bằng trong đánh giá, xếp hạng Việt Nam về Bộ chỉ tiêu số phát triển Công nghệ thông tin và truyền thông toàn cầu (IDI).

Ngoài những nguyên tắc chung trên, đối với chỉ tiêu cụ thể thì việc xác định, lựa chọn từng chỉ tiêu cũng bảo đảm nguyên tắc SMART. Theo đó, S (Simply): Đơn giản (dễ phân tích và dễ sử dụng); M (Measurable): Có thể đo lường được (dễ xác nhận số liệu thống kê, tái sản xuất và thể hiện rõ xu hướng); A (Accessible): Có thể tiếp cận (được giám sát định kỳ, hiệu quả và nhất quán); R (Reference): Tương thích (trực tiếp đáp ứng những vấn đề hoặc những mục đích và thống nhất); T (Timely): Kịp thời (cung cấp những cảnh báo sớm về các vấn đề tiềm năng).

Cùng với nguyên tắc cơ bản, các đặc điểm quan trọng khác cần được ngành Thống kê cân nhắc chỉnh sửa bổ sung các chỉ tiêu. Đó là: Có thể sử dụng với tất cả các bên liên quan; thích hợp với các khung quốc tế hiện hành; tính toàn cầu; định hướng hành động; rõ ràng, thống nhất về khái niệm; thích ứng rộng rãi với thông tin hệ thống; được xây dựng từ những nguồn dữ liệu tin cậy; được phân loại; tập trung kết quả nếu có thể; cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp số liệu; chức năng, nhiệm vụ

và quyền hạn của đơn vị có liên quan; tính sẵn có về số liệu của từng chỉ tiêu.

Một số kiến nghị cụ thể:

1. Bỏ bớt so với danh mục hiện hành

- Giá trị tăng thêm trên 01 đồng giá trị tài sản cố định của doanh nghiệp do ít có tính vĩ mô và không thật cần thiết.

- GDP xanh: Có thể cài đặt trong chỉ tiêu tốc độ tăng GDP

- Chỉ số giá xây dựng vì thực tế khó tính và không thật cần thiết.

- Diện tích rừng được bảo vệ.

2. Bổ sung

- “Tỷ lệ lao động có việc làm phi chính thức”, bởi tỷ lệ này của Việt Nam còn quá cao, cần phải giảm xuống nhanh.

- “Tổng diện tích nhà ở theo dự án hoàn thành trong năm” để thấy kế hoạch, tiềm năng.

- “Tổng số nhà ở và tổng diện tích nhà ở xã hội hoàn thành trong năm” để thấy được mục tiêu của nước ta là công bằng, không để ai tụt lại phía sau.

- “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của dịch vụ logistics trong tổng sản phẩm trong nước” để thấy rõ hơn vai trò của logistics.

- “Chi phí logistics so với tổng sản phẩm trong nước” để thấy rằng của Việt Nam còn quá cao, hiện phải giảm mạnh.

- “Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm trong nước” để thấy vai trò của kinh tế số và có giải pháp phát triển, bởi hiện chưa có số liệu, trong khi mục tiêu theo Đại hội XIII là khá cao.

- “Tỷ lệ tổng phương tiện thanh toán so với tổng sản phẩm trong nước” - tuy là chỉ tiêu phân tích, vì đã có chỉ tiêu tổng phương tiện thanh toán, nhưng do đây là chỉ tiêu rất quan trọng trong phục vụ

cho sự giám sát - một trong những

mục đích của hoạt động thống kê.

- “Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu” - đây là chỉ tiêu quan trọng của thị trường chứng khoán cần bổ sung.

- “Tỷ lệ vốn hóa thị trường cổ phiếu so với tổng sản phẩm trong nước” - Tuy là chỉ tiêu phân tích, nhưng do tầm quan trọng của vốn hóa nên có thể bổ sung.

- “Tốc độ tăng giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu” cũng là chỉ tiêu phân tích, có thể bổ sung.

- “Giá trị huy động vốn qua phát hành cổ phiếu trên thị trường chứng khoán”. Đây là chỉ tiêu thể hiện mục tiêu của thị trường nên cần bổ sung.

- Tỷ lệ mất an ninh lương thực

- “Doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản” là chỉ tiêu của thị trường quan trọng nên cần bổ sung.

- “Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính” là chỉ tiêu quan trọng cần bổ sung.

- “Tỷ lệ dân số được phủ sóng bởi mạng di động” là chỉ tiêu quan trọng cần bổ sung.

- Lưu lượng Internet băng rộng;

- Tổng số chứng thư số đang hoạt động;

- Tỷ lệ người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông;

- Tỷ lệ người dân có sử dụng dịch vụ công trực tuyến;

- Tỷ lệ người Việt Nam tham gia mạng xã hội;

- Tỷ lệ người Việt Nam đọc báo, tạp chí;

- Chi cho chuyển đổi số.

- “Tỷ lệ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có triển khai tư vấn khám, chữa bệnh từ xa” là xu hướng tốt của ngành Y tế.

- “Tỷ lệ nghèo đa chiều” thay cho tỉ lệ nghèo trước đây.

- “Tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều” là chỉ tiêu quan trọng cần bổ sung./.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2021

Tình hình kinh tế thế giới khởi sắc trong năm 2021 khi các quốc gia triển khai mạnh mẽ chiến lược tiêm chủng vắc-xin phòng Covid-19 đã giúp giảm nhanh số ca lây nhiễm và tử vong. Tuy nhiên, tăng trưởng của các nền kinh tế có sự khác biệt do tốc độ triển khai vắc-xin và chính sách hỗ trợ khác nhau ở các quốc gia.

Trong nước, tiếp nối kết quả đã đạt được của năm 2020, những tháng đầu năm 2021, kinh tế vĩ mô nước ta tiếp tục ổn định và bắt đầu khởi sắc. Tuy nhiên, làn sóng dịch Covid-19 bùng phát từ cuối tháng Tư với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, đặc biệt tại các tỉnh, thành phố kinh tế trọng điểm như: Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Long An, Cần Thơ... đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, sức khỏe, tính mạng của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trước tình hình đó, với sự quyết tâm cao nhất của cả hệ thống chính trị, nhân dân cả nước, cộng đồng doanh nghiệp và lực lượng tuyến đầu chống dịch, phát huy tinh thần đoàn kết, đồng lòng, chung sức, huy động mọi nguồn lực để đẩy lùi dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe, chăm lo, ổn định đời sống cho người dân và nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh. Kết quả đạt được của các ngành, lĩnh vực trong quý III và 9 tháng 2021 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2021 ước tính giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước, là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam tính và công bố GDP

quý đến nay. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 5,02%; khu vực dịch vụ giảm 9,28%.

GDP 9 tháng năm 2021 chỉ tăng 1,42% so với cùng kỳ năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, trong bối cảnh nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài thì đây là một thành công lớn của nước ta trong phòng chống dịch bệnh và duy trì sản xuất kinh doanh. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,74%, đóng góp 23,52% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,57%, đóng góp 98,53%; khu vực dịch vụ giảm 0,69%, làm giảm 22,05%.

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đóng vai trò là bệ đỡ của nền kinh tế trong đại dịch: Ngành nông nghiệp tăng 3,32%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành lâm nghiệp tăng 3,3%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 0,66%, đóng góp 0,02 điểm phần trăm.

Trong khu vực công nghiệp và xây dựng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là động lực tăng trưởng của toàn nền kinh tế với tốc độ tăng 6,05%, đóng góp 1,53 điểm phần trăm vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành sản xuất và phân phối điện tăng 5,24%, đóng góp 0,2 điểm phần trăm. Ngành khai khoáng giảm 7,17%, làm giảm 0,27 điểm phần trăm; Ngành xây dựng giảm 0,58%, làm giảm 0,04 điểm phần trăm.

Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động thương mại và dịch vụ. Tăng trưởng âm trong 9 tháng năm 2021 của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế. Ngành bán buôn, bán lẻ giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước, làm giảm 0,3 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 7,79%, làm giảm 0,47 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 23,18%, làm giảm 0,57 điểm phần trăm. Ngành y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt tốc độ tăng cao nhất với mức tăng 21,15%, đóng góp 0,26 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,37%, đóng góp 0,45 điểm phần trăm; ngành thông tin và truyền thông tăng 5,24%, đóng góp 0,32 điểm phần trăm.

Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2021, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 12,79%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,03%; khu vực dịch vụ chiếm 40,19%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,99%.

Về sử dụng GDP 9 tháng năm 2021, tiêu dùng cuối cùng tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2020; tích lũy tài sản tăng 4,27%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 14,21%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18,46%.

2. Sản xuất nông nghiệp 9 tháng năm 2021 diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, năng suất cây trồng và chăn nuôi đạt khá. Tuy nhiên, do đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương thực hiện

giãn cách xã hội làm ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng sản xuất - chế biến - tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trước những khó khăn, thách thức, ngành Nông nghiệp đã có nhiều giải pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để thực hiện an sinh, an dân trong đại dịch.

a) Nông nghiệp

Nhờ thời tiết thuận lợi và chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng tích cực, gieo trồng giống lúa mới cho giá trị kinh tế cao nên năng suất lúa đồng xuân của cả nước năm nay đạt 68,6 tạ/ha, tăng 2,2 tạ/ha so với vụ đông xuân năm 2020, sản lượng đạt 20,63 triệu tấn, tăng 755,1 nghìn tấn.

Tính đến trung tuần tháng Chín, diện tích gieo cấy lúa mùa cả nước đạt 1.577,4 nghìn ha, bằng 99,8% cùng kỳ năm trước. Vụ lúa hè thu năm nay cả nước gieo cấy ước đạt 1.954 nghìn ha, tăng 8,8 nghìn ha so với vụ hè thu năm trước, tăng chủ yếu ở vùng Bắc Trung Bộ và vùng Duyên hải miền Trung. Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đạt 1.509 nghìn ha, giảm 15,1 nghìn ha, do chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Tính đến ngày 15/9/2021, các địa phương đã thu hoạch được 1.643,8 nghìn ha lúa hè thu, chiếm 84,1% diện tích gieo cấy và bằng 101,5% cùng kỳ năm trước; năng suất ước tính đạt 56,5 tạ/ha, tăng 1,2 tạ/ha so với vụ hè thu năm 2020. Do diện tích gieo cấy và năng suất tăng so với vụ hè thu trước nên sản lượng chung toàn vụ đạt 11,03 triệu tấn, tăng 282,7 nghìn tấn.

Sản lượng thu hoạch nhiều loại cây ăn quả và cây công nghiệp 9 tháng năm 2021 tăng do thời tiết năm nay thuận lợi. Trong đó, điều ước tính đạt 365,2 nghìn tấn, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm trước; hồ tiêu đạt 275,6 nghìn tấn, tăng 2,3%; cao su đạt 822,8 nghìn tấn,

tăng 2,6%; xoài đạt 801,1 nghìn tấn, tăng 6,7%; bưởi đạt 511,3 nghìn tấn, tăng 6,1%; nhãn đạt 544,4 nghìn tấn, tăng 7,8%.

Chăn nuôi trâu, bò trong tháng nhìn chung ổn định, chăn nuôi lợn và gia cầm chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhiều chợ đầu mối, chợ truyền thống tạm ngưng hoạt động, chi phí sản xuất tăng, khâu lưu thông bị gián đoạn, nhu cầu thị trường giảm do nhà hàng, quán ăn đóng cửa, du lịch đình trệ nên các cơ sở chăn nuôi nhỏ lẻ gặp khó khăn trong khâu tiêu thụ, lượng vật nuôi tồn đọng trong chuồng cao, tăng nguy cơ thua lỗ. Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng 9 tháng tăng 2,4% so với cùng kỳ, lợn hơi xuất chuồng tăng 5,0%; thịt gia cầm tăng 4,3%...

b) Lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng tập trung 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 176,2 nghìn ha, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước (quý III đạt 65,8 nghìn ha, tăng 2,3%); số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 65,1 triệu cây, giảm 2,3% (quý III đạt 18,5 triệu cây, tăng 2,4%); sản lượng gỗ khai thác đạt 12.589,2 nghìn m³, tăng 4,3% (quý III đạt 4.643,6 nghìn m³, tăng 2%); sản lượng củi khai thác đạt 14,3 triệu ste, giảm 0,9% (quý III đạt 4,4 triệu ste, giảm 2,7%).

Diện tích rừng bị thiệt hại 9 tháng năm nay là 1.748,2 ha, tăng 31,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 1.020,2 ha, tăng 54,6%; diện tích rừng bị chặt, phá là 728 ha, tăng 8,3%.

c) Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản 9 tháng năm nay ước tính đạt 6.377,3 nghìn tấn, giảm 0,2% so với cùng kỳ năm trước (quý III đạt 2.281,4 nghìn tấn, giảm 5,2%), bao gồm: Cá đạt 4.612,5 nghìn tấn, giảm 1,2%; tôm đạt 810 nghìn tấn, tăng 3,4%; thủy sản khác đạt 954,8 nghìn tấn, tăng 1,5%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng 9 tháng ước tính đạt 3.320,1 nghìn tấn, giảm 1% so với cùng kỳ

năm trước (quý III đạt 1.215,3 nghìn tấn, giảm 8,8%).

Sản lượng thủy sản khai thác 9 tháng ước tính đạt 3.057,2 nghìn tấn, tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước (quý III ước tính đạt 1.066,1 nghìn tấn, giảm 0,6%).

3. Sản xuất công nghiệp trong quý III/2021 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến nhiều địa phương có khu công nghiệp lớn phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp quý III/2021 giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2021 ước tính tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,05%; ngành khai khoáng giảm 7,17%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo 9 tháng tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2021 tăng 28,2% so với cùng thời điểm năm trước. Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 9 tháng năm 2021 là 81,1%.

4. Dịch Covid-19 kéo dài đã làm nhiều doanh nghiệp phải đối mặt với nguy cơ phá sản. Tính chung 9 tháng năm 2021 có 90,3 nghìn doanh nghiệp rút khỏi thị trường, tăng 15,3% so với cùng kỳ.

a. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính chung 9 tháng, cả nước có 85,5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.195,8 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 648,8 nghìn lao động, giảm 13,6% về số doanh nghiệp, giảm 16,3% về vốn đăng ký và giảm 16,6% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đạt 14 tỷ đồng, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 1.677,2 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký

tăng thêm của 32 nghìn doanh nghiệp thay đổi tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng năm nay là 2.873 nghìn tỷ đồng, giảm 20,2% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 32,3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 9 tháng lên 117,8 nghìn doanh nghiệp, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 45,1 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,7% so với cùng kỳ năm trước; 32,4 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 17,4%; 12,8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 5,9%. Bình quân một tháng có 10 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

b) Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý IV/2021 với 73,7% doanh nghiệp đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn.

5. Hoạt động vận tải, thương mại trong tháng Chín tăng so với tháng trước khi dịch Covid-19 bước đầu được kiểm soát ở một số địa phương. Tuy nhiên, khách quốc tế đến nước ta đạt thấp do Việt Nam tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19, chưa mở cửa du lịch quốc tế.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm 2021 đạt 3.367,7 nghìn tỷ đồng, giảm 7,1% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá giảm 8,7%. (Riêng quý III năm 2021 đạt 916,7 nghìn tỷ đồng, giảm 28,3% so với cùng kỳ).

Tính chung 9 tháng, vận tải hành khách đạt 2.018,8 triệu lượt

khách vận chuyển, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 82,7 tỷ lượt khách.km, giảm 30,9%. Vận tải hàng hóa đạt 1.195 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, giảm 5,6% và luân chuyển 242,8 tỷ tấn.km, giảm 0,3%.

Doanh thu hoạt động viễn thông 9 tháng năm 2021 đạt 234 nghìn tỷ đồng, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 2,1%).

Tính chung 9 tháng năm 2021, khách quốc tế đến nước ta ước tính đạt 114,5 nghìn lượt người, giảm 97% so với cùng kỳ năm trước. Khách đến từ châu Á đạt 98.291 lượt người, chiếm 85,8% tổng số khách quốc tế đến nước ta, giảm 96,5% so với cùng kỳ năm trước; khách đến từ châu Âu đạt 10.383 lượt người, giảm 98,4%; khách đến từ châu Mỹ đạt 3.984 lượt người, giảm 98,3%; khách đến từ châu Úc đạt 909 lượt người, giảm 99,1%; khách đến từ châu Phi đạt 954 lượt người, giảm 92,2%.

6. Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, tăng trưởng tín dụng đạt 7,17%, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế 9 tháng năm 2021. Kinh doanh bảo hiểm tăng trưởng khá, đảm bảo quyền lợi người tham gia bảo hiểm...

Tính đến thời điểm 20/9/2021, tổng phương tiện thanh toán tăng 4,95% so với cuối năm 2020; huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,28%; tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 7,17% (cùng thời điểm năm 2020 tăng 4,99%).

Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường 9 tháng năm 2021 ước tính tăng 13% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2021 tăng 7%), trong đó doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực nhân thọ tăng 17%; lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tăng 5%.

Trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, thị trường chứng khoán phát triển ổn định với tổng mức huy động vốn cho nền kinh tế trong 9 tháng năm 2021

ước tính đạt 292,1 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm 2020.

7. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành 9 tháng năm 2021 ước tính đạt 1.868,5 nghìn tỷ đồng, chỉ tăng 0,4% so với cùng kỳ năm trước.

Quý III đạt 697,2 nghìn tỷ đồng, giảm 9,5% do nhiều địa phương áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội làm đứt gãy chuỗi sản xuất và cung ứng của hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 459,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 24,6% tổng vốn và giảm 4,7% so với cùng kỳ năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 1.100,5 nghìn tỷ đồng, bằng 58,9% và tăng 3,9%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 308,1 nghìn tỷ đồng, bằng 16,5% và giảm 3,4%.

Tổng số dự án đầu tư nước ngoài tính đến 20/9/2021 đăng ký cấp mới giảm 37,8% so với cùng kỳ năm 2020 nhưng số vốn đăng ký tăng 20,6%. Vốn đăng ký cấp mới bình quân 1 dự án trong 9 tháng năm 2021 đạt 10,3 triệu USD/dự án (cùng kỳ năm 2020 đạt 5,3 triệu USD/dự án).

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 22,15 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước.

8. Tổng thu ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2021 ước tính đạt 1.034,2 nghìn tỷ đồng, bằng 77% dự toán năm, trong đó: Thu nội địa đạt 836,2 nghìn tỷ đồng, bằng 73,8%; thu từ dầu thô đạt 27,4 nghìn tỷ đồng, bằng 118%; thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu đạt 170 nghìn tỷ đồng, bằng 95,3%.

Tổng chi ngân sách Nhà nước từ đầu năm đến thời điểm 15/9/2021 đạt 975,6 nghìn tỷ đồng, bằng 57,8% dự toán năm,

trong đó: Chi thường xuyên đạt 689,3 nghìn tỷ đồng, bằng 66,5%; chi đầu tư phát triển 202,2 nghìn tỷ đồng, bằng 42,4%; chi trả nợ lãi 77,7 nghìn tỷ đồng, bằng 70,6%.

9. Tính chung 9 tháng năm nay, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa vẫn duy trì tốc độ tăng cao, đạt 483,17 tỷ USD, tăng 24,4% so với cùng kỳ năm trước.

a) Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Trong quý III/2021, kim ngạch xuất khẩu đạt 83,89 tỷ USD, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 7,2% so với quý II năm nay. Tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 240,52 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 62,72 tỷ USD, tăng 8,5%, chiếm 26,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 177,8 tỷ USD, tăng 22,8%, chiếm 73,9%; có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,5% tổng kim ngạch xuất khẩu (6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,2%).

Trong quý III/2021, kim ngạch nhập khẩu đạt 84,55 tỷ USD, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,5% so với quý II năm nay. Tính chung 9 tháng năm 2021, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 242,65 tỷ USD, tăng 30,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 83,72 tỷ USD, tăng 25%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 158,93 tỷ USD, tăng 33,6%; có 36 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 90,4% tổng kim ngạch nhập khẩu.

Tính chung 9 tháng năm 2021, cán cân thương mại hàng hóa nhập siêu 2,13 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 16,66 tỷ USD), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 21 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 18,87 tỷ USD.

b) Xuất, nhập khẩu dịch vụ

Trong 9 tháng năm 2021, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước tính đạt 2,66 tỷ USD, giảm 59,6% so với cùng kỳ năm trước (quý III/2021 đạt 872 triệu USD, giảm 10,8%), trong đó dịch vụ du lịch đạt 107 triệu USD, giảm 96,6%; dịch vụ vận tải đạt 266 triệu USD, giảm 72,1%. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ 9 tháng ước tính đạt 14,35 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước (quý III đạt 4,8 tỷ USD, tăng 6,9%), trong đó dịch vụ vận tải đạt 7,4 tỷ USD, tăng 32,9%; dịch vụ du lịch đạt 2,7 tỷ USD, giảm 24,1%. Nhập siêu dịch vụ trong 9 tháng năm 2021 là 11,69 tỷ USD.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình lao động, việc làm quý III/2021, tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm trong độ tuổi lao động tăng cao nhất kể từ quý I/2020.

Quý III/2021, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả nước ước tính là 49,2 triệu người, giảm 1,9 triệu người so với quý trước và giảm 2,1 triệu người so với cùng kỳ năm trước; lao động 15 tuổi trở lên có việc làm ước tính là 47,5 triệu người. Tính chung 9 tháng, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 50,4 triệu người, giảm 216 nghìn người so với cùng kỳ năm 2020; lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm là 49,1 triệu người.

Tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi lao động của cả nước 9 tháng ước tính là 2,91% (quý III là 3,72%), trong đó tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị là 3,78%; khu vực nông thôn là 2,39%; Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi ước tính là 3,04%, trong đó tỷ lệ thiếu việc làm khu vực thành thị là 3%; tỷ lệ thiếu việc làm khu vực nông thôn là 3,07%.

2. Trong 9 tháng năm nay, trước tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo dài đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống

dân cư và phát triển kinh tế, đặc biệt tại một số địa phương phía Nam, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương chấp nhận hy sinh mục tiêu phát triển kinh tế, ưu tiên cho công tác phòng chống, kiểm soát dịch bệnh với nhiệm vụ trọng tâm là an sinh xã hội nhất là tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội, bảo đảm người dân có đủ ăn, đủ mặc.

Tính đến ngày 21/9/2021 tổng kinh phí đã hỗ trợ là gần 13,8 nghìn tỷ đồng cho gần 17,6 triệu đối tượng, trong đó có 11,4 nghìn tỷ đồng được chi cho 23 tỉnh, thành phố chịu ảnh hưởng nhiều do dịch bệnh; xuất cấp 136.349,6 tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho hơn 2,4 triệu hộ gia đình với gần 9,1 triệu nhân khẩu gặp khó khăn do dịch trên địa bàn 30 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Riêng Thành phố Hồ Chí Minh đã chi trên 5.446 tỷ đồng (chiếm 40% toàn quốc) hỗ trợ trên 4,8 triệu đối tượng (chiếm 27,3% toàn quốc) và trao 1,8 triệu túi an sinh xã hội cho người dân.

Công tác an sinh xã hội định kỳ và công tác giảm nghèo bền vững tiếp tục được quan tâm. Trong 9 tháng năm 2021, tổng trị giá tiền và quà hỗ trợ cho các đối tượng là 10.434,1 tỷ đồng, trong đó, hỗ trợ cho các đối tượng người có công, thân nhân người có công là 4.014,9 tỷ đồng, hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là 1.624 tỷ đồng; hỗ trợ cứu đói và các đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khác là 2.349,1 tỷ đồng;... Có hơn 29,3 triệu thẻ bảo hiểm xã hội/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng thụ hưởng.

3. Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến ngành giáo dục của cả nước, đặc biệt là Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam. Để thích ứng với tình hình thực tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kịp thời đưa ra các phương án

ứng phó; chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp để vừa đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa thực hiện kế hoạch năm học.

Theo đó, để đảm bảo an toàn cho các thí sinh, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia năm 2021 được tổ chức thành 2 đợt, đợt 1 tổ chức vào ngày 07-08/7/2021 và đợt 2 tổ chức vào ngày 06-07/8/2021.

Tính chung 8 tháng năm 2021, đào tạo nghề đã tuyển mới được 995 nghìn người, trong đó trình độ cao đẳng, trung cấp tuyển sinh được 95 nghìn người; trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác tuyển sinh được 900 nghìn người (trong đó số lao động nông thôn được đào tạo 450 nghìn người).

4. Dịch Covid-19 trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Tại Việt Nam, dịch Covid-19 đang dần được kiểm soát và có những chuyển biến tích cực, số ca mắc trong cộng đồng và tử vong có chiều hướng giảm.

Trong 9 tháng năm 2021, cả nước có 47.426 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (16 trường hợp tử vong); 37.733 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (11 trường hợp tử vong); 445 trường hợp mắc bệnh viêm màng não do vi rút (6 trường hợp tử vong)...

Tổng số người nhiễm HIV của cả nước hiện còn sống tính đến thời điểm 18/9/2021 là 212.526 người; số người đã chuyển sang giai đoạn AIDS là 89.710 người và số người tử vong do HIV/AIDS tính đến thời điểm trên là 108.061 người.

Về ngộ độc thực phẩm, tính chung 9 tháng năm 2021, cả nước xảy ra 52 vụ với 1.481 người bị ngộ độc (5 người tử vong).

5. Do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, các hoạt động văn hóa, thể thao không tổ chức; thể thao thành tích cao đạt được một số kết quả nổi bật. Hoạt động thư viện hướng tới ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là công nghệ

số nhằm nâng cao năng lực hoạt động và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại, cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng.

Thể thao thành tích cao của Việt Nam đạt được một số kết quả nổi bật: Việt Nam đạt 01 Huy chương bạc môn cử tạ hạng 49kg tại giải Paralympic Tokyo 2020; tại giải Futsal World Cup 2021, tuyển Futsal Việt Nam đã tạo được chiến tích khi lần thứ hai lọt vào vòng 16 đội.

6. Trong tháng Chín và 9 tháng năm 2021, số vụ tai nạn giao thông, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông giảm mạnh so với tháng trước và so với cùng kỳ năm trước do nhiều địa phương tiếp tục thực hiện dân cách phòng chống dịch. Trong 9 tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 8.135 vụ tai nạn giao thông làm 4.146 người chết, 2.695 người bị thương, giảm 21,4% số vụ tai nạn giao thông; giảm 15% số người chết so cùng kỳ.

Khái quát lại, trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, tuy nhiên bức tranh kinh tế - xã hội Việt Nam 9 tháng năm 2021 vẫn duy trì được mức tăng trưởng dương và đạt được một số kết quả tích cực trên các lĩnh vực là do sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân cả nước. Các cơ quan ở Trung ương và địa phương đã triển khai hiệu quả Quỹ Vắc-xin phòng chống Covid-19 để tiêm phòng miễn phí cho người dân...

Bước sang quý IV, kinh tế - xã hội nước ta còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhất là nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn nên chịu tác động đan xen nhiều mặt bởi tình hình kinh tế quốc tế ngày càng phức tạp, khó lường. Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những tháng còn lại năm 2021 và đạt mục tiêu kinh tế

- xã hội năm 2021 ở mức cao nhất có thể, cần tập trung vào những giải pháp sau:

Một là, trước hết, cần thực hiện kiểm soát tốt dịch Covid-19, tiếp tục triển khai mạnh mẽ, hiệu quả tiến độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 gắn với mở rộng cơ sở tiêm, đối tượng tiêm. Xây dựng và hướng dẫn thực hiện Khung Y tế phòng chống dịch để sống chung an toàn với dịch Covid-19, sớm ổn định đời sống nhân dân và thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống dịch bệnh, vừa khôi phục và phát triển kinh tế.

Chăm lo sức khỏe, đời sống của người dân, đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Trong đó, thực hiện đảm bảo lương thực, thực phẩm và các dịch vụ thiết yếu, dịch vụ y tế, an sinh xã hội cho người dân, có giải pháp hỗ trợ phù hợp với các nhóm đối tượng cụ thể. Phát huy, lan tỏa tinh thần đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau vượt qua khó khăn, sớm ổn định cuộc sống.

Hai là, tiếp tục triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ người dân, người lao động, doanh nghiệp chống chịu, vượt qua khó khăn, ổn định và phục hồi sản xuất trong những tháng cuối năm. Đặc biệt, hỗ trợ cho người lao động bị mất việc làm, mất thu nhập, lao động phi chính thức cần được triển khai hiệu quả với phương châm: "không để ai bị bỏ lại", từ đó tạo tâm lý yên tâm, không di dời khỏi địa phương nơi làm việc, dẫn tới xáo trộn, thiếu hụt nguồn lực lao động tại các địa phương có tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, kéo dài.

Ba là, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát giá cả, thị trường, bảo đảm cung ứng hàng hóa và các cân đối lớn của nền kinh tế; thực hiện chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ linh hoạt vừa đảm bảo kiểm chế lạm phát, vừa đảm bảo thúc đẩy tăng trưởng.

(Xem tiếp trang 33)

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ TIÊU DÙNG CHÍN THÁNG, QUÝ III VÀ CẢ NƯỚC NĂM 2021

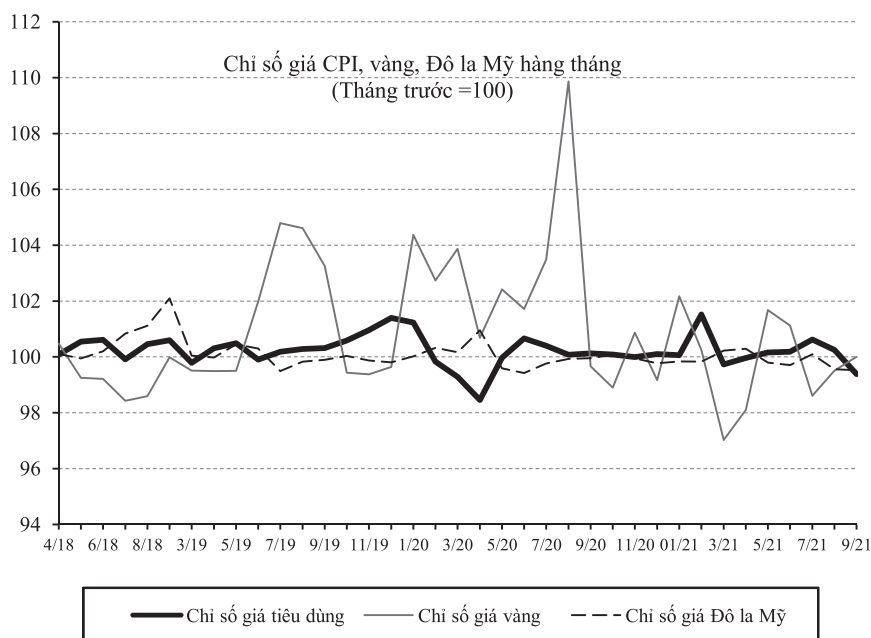
Giá thuê nhà giảm trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội; học phí năm học 2021-2022 được miễn, giảm tại một số địa phương; giá thực phẩm giảm do nguồn cung bảo đảm; thực hiện Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/7/2021 của Chính phủ về phương án hỗ trợ giảm giá điện, giảm tiền điện đợt 4 cho các khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 là các nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Chín năm 2021 giảm 0,62% so với tháng trước, tăng 1,88% so với tháng 12/2020. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng Chín tăng 2,06%; CPI bình quân quý III/2021 tăng 2,51%.

Tính chung 9 tháng năm 2021, CPI tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016⁽¹⁾. Lạm phát cơ bản 9 tháng tăng 0,88%.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng Chín năm 2021

So với tháng trước, CPI tháng Chín năm 2021 giảm 0,62% (khu vực thành thị giảm 0,6%, khu vực nông thôn giảm 0,64%). Tháng Chín, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính có 5 nhóm giảm giá so với tháng trước: Nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng giảm 1,99%, nhóm giáo dục tháng 9/2021 giảm 2,89%, nhóm giao thông giảm 0,16%, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,16%, nhóm bưu chính viễn thông giảm 0,06%. Có 6 nhóm tăng giá: Nhóm

1. Tốc độ tăng CPI bình quân 9 tháng so với cùng kỳ năm trước các năm 2016-2021 lần lượt là: tăng 2,07%; tăng 3,79%; tăng 3,57%; tăng 2,5%; tăng 3,85%; tăng 1,82%.



đồ uống và thuốc lá có mức tăng so với tháng trước cao nhất với 0,17%, nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,09%, nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng nhẹ 0,03%; Các nhóm hàng khác có mức giá tháng Chín tăng không đáng kể so với tháng trước: Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,02%, nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,01%, nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,02%.

Chỉ số giá vàng tháng Chín năm 2021 ổn định so với tháng trước, giảm 1,64% so với tháng 12/2020 và giảm 2,7% so với cùng kỳ năm 2020; bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 11,83%.

Trong điều kiện giãn cách xã hội kéo dài, nhu cầu mua bán ngoại tệ hạn chế, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Chín năm 2021 giảm 0,48% so với tháng trước; giảm 1,14% so với tháng 12/2020 và giảm 1,35% so

với cùng kỳ năm 2020; bình quân 9 tháng năm 2021 giảm 0,88%.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng Chín năm 2021 tăng 2,06%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 8 nhóm tăng giá và 3 nhóm giảm giá.

So với tháng 12/2020, CPI tháng Chín tăng 1,88%, trong đó có 8 nhóm hàng tăng giá và 3 nhóm hàng giảm giá (Nhóm giáo dục; nhóm bưu chính, viễn thông và nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm lần lượt 2,42%; 0,69% và 0,37%).

Chỉ số giá tiêu dùng quý III năm 2021

CPI bình quân quý III/2021 tăng 2,51% so với cùng kỳ năm 2020.

Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong quý III năm 2021: (i) Giá xăng dầu trong nước bình quân quý III/2021 tăng 41,98% so với cùng kỳ năm trước, tác động

làm CPI chung tăng 1,51 điểm phần trăm; giá dầu hỏa tăng 51,24% so với cùng kỳ năm 2020. (ii) Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới, giá gas quý III/2021 tăng 32,79% so với cùng kỳ năm trước làm CPI chung tăng 0,48 điểm phần trăm. (iii) Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở quý III/2021 tăng 8,88% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, góp phần làm CPI chung tăng 0,18 điểm phần trăm. (iv) Giá nhóm lương thực quý III/2021 tăng 4,92% so với cùng kỳ năm trước, trong đó giá gạo tăng 5,47% làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm. (v) Giá dịch vụ giáo dục quý III/2021 tăng 2,36% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, tác động làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm.

Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong quý III năm 2021: (i) Giá các mặt hàng thực phẩm quý III/2021 giảm 0,09% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,02 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn và mỡ ăn lần lượt giảm 13,07% và 24,66% do nguồn cung dồi dào. (ii) Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhu cầu đi lại, du lịch của người dân giảm so với cùng kỳ năm trước làm cho giá vé máy bay quý III/2021 giảm 28,1%; giá du lịch trọn gói giảm 2,37%.

Chỉ số giá tiêu dùng 9 tháng năm 2021

CPI bình quân 9 tháng năm 2021 tăng 1,82% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng bình quân 9 tháng thấp nhất kể từ năm 2016.

Một số nguyên nhân làm tăng CPI trong 9 tháng năm 2021: (i) Trong 9 tháng năm nay, giá xăng

dầu trong nước được điều chỉnh 16 đợt làm cho giá xăng A95 tăng 5.470 đồng/lít; giá xăng E5 tăng 5.200 đồng/lít và giá dầu diesel tăng 4.210 đồng/lít. So với cùng kỳ năm trước, giá xăng dầu trong nước bình quân 9 tháng tăng 24,8%, làm CPI chung tăng 0,89 điểm phần trăm. (ii) Giá gas trong nước biến động theo giá gas thế giới. Trong 9 tháng năm 2021, giá bán lẻ gas trong nước được điều chỉnh tăng 7 đợt và giảm 2 đợt, bình quân 9 tháng giá gas tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước, góp phần làm CPI chung tăng 0,32 điểm phần trăm. (iii) Giá dịch vụ giáo dục 9 tháng tăng 3,76% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm) do ảnh hưởng từ đợt tăng học phí năm học mới 2020-2021 theo lộ trình của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. (iv) Giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng gạo nếp và gạo tẻ ngon tăng trong dịp Tết Nguyên đán và nhu cầu tích lũy của người dân trong thời gian giãn cách xã hội làm cho giá gạo 9 tháng năm 2021 tăng 6,47% so với cùng kỳ năm trước (làm CPI chung tăng 0,16 điểm phần trăm). (v) Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở 9 tháng năm nay tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước do giá xi măng, sắt, thép, cát tăng theo giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, góp phần làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm.

Một số nguyên nhân làm giảm CPI trong 9 tháng năm 2021: (i) Giá các mặt hàng thực phẩm 9 tháng giảm 0,29% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI giảm 0,06 điểm phần trăm, trong đó giá thịt lợn giảm 7,22%; giá thịt gà giảm 0,98%. (ii) Chính phủ triển khai các gói hỗ trợ cho người dân và người sản xuất gặp khó khăn do dịch Covid-19,

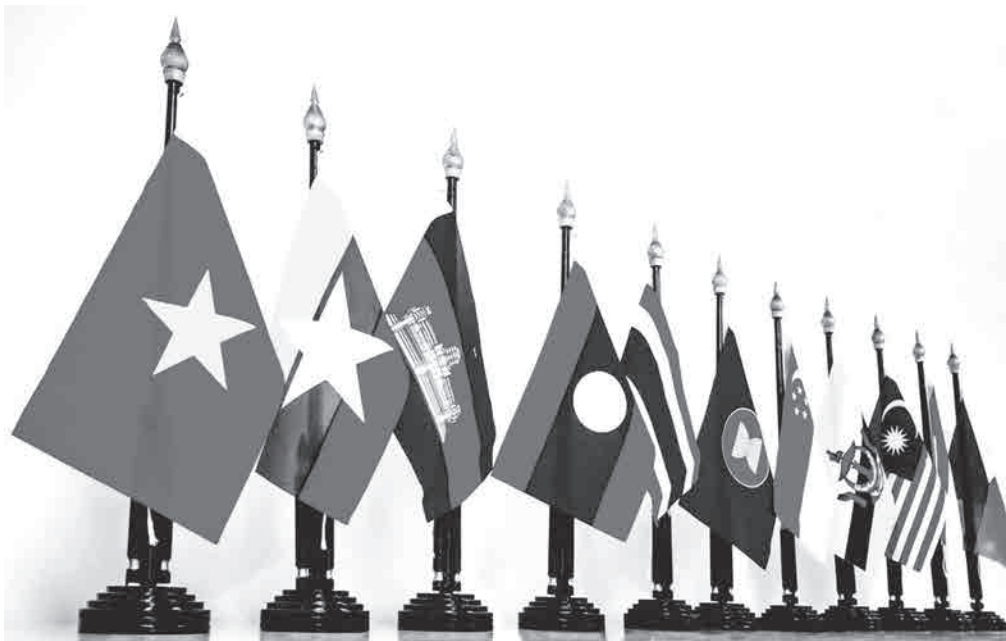
trong đó gói hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã giảm giá điện, tiền điện cho khách hàng trong quý II (bắt đầu giảm từ tháng 5/2020), quý IV năm 2020 (được thực hiện vào tháng 1/2021) và giảm giá điện, tiền điện cho người dân tại các địa phương thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg tại kỳ hóa đơn tháng 8, tháng 9/2021. Do đó, giá điện sinh hoạt bình quân 9 tháng năm 2021 giảm 0,99% so với cùng kỳ năm 2020, tác động làm CPI chung giảm 0,03 điểm phần trăm. (iii) Ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến người dân hạn chế đi lại, theo đó giá vé máy bay 9 tháng giảm 20,91% so với cùng kỳ năm trước; giá du lịch trọn gói giảm 2,69%. (iv) Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo sát sao của Chính phủ, các ngành các cấp đã tích cực triển khai thực hiện các giải pháp đồng bộ để ngăn chặn dịch bệnh và ổn định giá cả thị trường.

Lạm phát cơ bản

Lạm phát cơ bản⁽²⁾ tháng Chín năm 2021 giảm 0,26% so với tháng trước, tăng 0,74% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 9 tháng năm 2021, lạm phát cơ bản tăng 0,88% so với cùng kỳ năm 2020, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 1,82%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực, giá xăng, dầu và giá gas tăng. Mức lạm phát cơ bản tháng Chín và 9 tháng năm 2021 so với cùng kỳ năm trước đều là mức thấp nhất kể từ năm 2011./.

(Lược trích Thông cáo báo chí Chỉ số giá tiêu dùng tháng Chín, quý III và 9 tháng năm 2021 của Tổng cục Thống kê)

2. CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.



VIỆT NAM TRONG CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN

Bích Ngọc

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) hình thành nên một thị trường chung

Từ năm 1992, ASEAN đã thúc đẩy tiến trình hội nhập kinh tế khu vực thông qua trọng tâm là hình thành một hiệp định thương mại tự do giữa các nước trong khối ASEAN (AFTA). Hiệp định này đã được triển khai rất thành công giữa các nước đang phát triển, đưa ASEAN trở thành một trong những khu vực phát triển kinh tế năng động nhất trên thế giới. Tuy nhiên, thời điểm này khi thuế quan nội khối dần được loại bỏ thì ASEAN cần vượt qua nhiều thách thức như: Nền kinh tế của từng nước ASEAN vẫn còn ở quy mô nhỏ,

chưa đủ lực để có thể cạnh tranh với các trung tâm kinh tế khác trên thế giới; Nền kinh tế thế giới có nhiều thay đổi, trong đó nổi lên là sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0, sự phát triển nhanh chóng của đầu tư xuyên biên giới và thương mại dịch vụ...

Để có thể vượt qua những thách thức trên và đón trước được làn sóng thay đổi này, từng bước xây dựng một khu vực năng động, có tính cạnh tranh cao trên thế giới, các nước ASEAN đã nhanh chóng xây dựng Kế hoạch tổng thể xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC Blueprint) với các mục tiêu và lộ trình cụ thể. Ngày 31/12/2015, tại Hội nghị

thượng đỉnh ASEAN lần thứ 27 được tổ chức tại Malaysia, AEC chính thức được thành lập, với mục tiêu đưa ASEAN trở thành một thị trường chung và cơ sở sản xuất thống nhất, tập trung vào các biện pháp tạo thuận lợi hóa thương mại, dịch vụ, đầu tư, hoàn chỉnh các quy tắc về xuất xứ, tăng cường phát triển thị trường vốn ASEAN và tự do lưu chuyển hơn của dòng vốn, thuận lợi hóa di chuyển thể nhân..., song song với việc củng cố mạng lưới sản xuất khu vực thông qua đẩy mạnh kết nối về cơ sở hạ tầng, đặc biệt là trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông vận tải, công nghệ thông tin và viễn thông,...

Các biện pháp trên đã và đang được các nước thành viên ASEAN triển khai cụ thể thông qua các thỏa thuận và hiệp định quan trọng như Hiệp định Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN (AFTA) và Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA), Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS), Hiệp định khung về Khu vực Đầu tư ASEAN (AIA) và Hiệp định Đầu tư Toàn diện ASEAN (ACIA), Hiệp định khung về Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (MRA),... gồm các nguyên tắc điều chỉnh thương mại nội khối dựa trên cơ sở các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và mức độ mở cửa thị trường rất cao.

Nhằm mở rộng hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu, ASEAN đã và đang đẩy mạnh triển khai các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với các nước đối tác bao gồm FTA ASEAN - Trung Quốc, FTA ASEAN - Nhật Bản, FTA ASEAN - Hàn Quốc, FTA ASEAN - Ấn Độ, FTA ASEAN - Ốt-x-trây-li-a - Niu Di-lân, FTA ASEAN - Hồng Kông (Trung Quốc).

Đặc biệt, với mục tiêu mở rộng liên kết khu vực, sau 8 năm, ASEAN đã kết thúc đàm phán và thành công ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP) với 5 nước đối tác: Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Ốt-x-trây-li-a và Niu Di-lân vào ngày 15/11/2020 (bên lề Hội nghị Cấp cao ASEAN lần thứ 37 do Việt Nam làm Chủ tịch) đã thể hiện vai trò trung tâm của ASEAN trong quá trình hội nhập sâu rộng hơn trong khu vực. Đây là một hiệp định hiện đại, toàn diện, chất lượng cao và cân bằng về lợi ích, khi được 15 nước thực thi, sẽ tạo nên khu vực thương mại tự do lớn nhất thế giới với quy mô 2,2 tỉ người tiêu dùng, chiếm 30% dân số thế giới và GDP 26,2 nghìn tỉ USD.

Hiện ASEAN đang tiến hành đàm phán nâng cấp 03 FTA với các đối tác ngoại khối bao gồm: FTA ASEAN - Trung Quốc, FTA ASEAN - Hàn Quốc và FTA ASEAN - Ốt-x-trây-li-a - Niu Di-lân. Ngoài ra, ASEAN cũng đang cân nhắc về khả năng đàm phán FTA ASEAN - Ca-na-đa và FTA ASEAN - Liên minh châu Âu (EU).

Thành tựu về kinh tế của Việt Nam

Ngày 28/7/1995, tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN lần thứ 28 (AMM-28) tại Bru-nây, Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và trở thành thành viên thứ 7 của tổ chức này. Đây là quyết định mang tính lịch sử, mở ra một thời kỳ phát triển mới của Việt Nam với những bước hội nhập nhanh chóng và tham gia sâu rộng vào tất cả các lĩnh vực hợp tác của ASEAN. Riêng trong lĩnh vực kinh tế, gia nhập ASEAN là bước hội nhập kinh tế quốc tế đầu tiên của Việt Nam và là cơ sở để Việt Nam thúc đẩy chủ trương hội nhập kinh tế quốc tế.

Trong suốt 26 năm qua, song song với tiến trình tham gia ASEAN, mối quan hệ kinh tế của Việt Nam với các đối tác cũng không ngừng được mở rộng, tạo cơ sở để Việt Nam hội nhập cả về kinh tế và chính trị ở các cấp độ khác từ đa phương, khu vực đến song phương với dấu ấn là việc tham gia các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới với tiêu chuẩn cao nhất như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) hay Hiệp định Việt Nam - EU (EVFTA).

Sau hơn ¼ thế kỷ là thành viên của ASEAN, kinh tế Việt Nam đến nay đã có những thay đổi vượt bậc về mọi mặt. Bộ trưởng Bộ Công thương cho biết, nếu như năm 1995, GDP bình quân đầu người của Việt Nam đạt 289 USD

thì đến năm 2020 con số này đã là 3.520 USD, tăng hơn 12 lần so với năm 1995. Quy mô nền kinh tế tăng gần 17 lần, từ 20,8 tỷ USD vào năm 1995 lên khoảng 343 tỷ USD vào năm 2020, đứng thứ tư trong khu vực ASEAN (chỉ sau In-đô-nê-xia, Thái Lan và Phi-líp-pin).

Bên cạnh đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam có mức tăng đáng kể, từ 5,2 tỷ USD vào năm 1995 lên 283 tỷ USD vào năm 2020. Trong 9 tháng đầu năm 2021, dù Việt Nam đang phải căng mình chống chọi với làn sóng dịch bệnh Covid-19 nguy hiểm, hoạt động sản xuất trong nước cũng như hoạt động xuất khẩu bị ảnh hưởng, song kim ngạch xuất khẩu hàng hóa vẫn đạt khá, ước tính đạt 240,52 tỷ USD tăng 18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó có 31 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,5% tổng kim ngạch xuất khẩu (6 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 63,2%). Riêng trong khu vực ASEAN, trị giá xuất khẩu của Việt Nam sang các nước trong khu vực năm 2020 là trên 23,1 tỷ USD; 9 tháng đầu năm nay ước tính đạt 20,6 tỷ USD, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2020 (số liệu Tổng cục Thống kê).

Với những con số này, Việt Nam đang từng bước xác lập vị thế trong chuỗi cung ứng toàn cầu và ghi tên mình vào top những nước xuất khẩu lớn thế giới về các mặt hàng gạo, dệt may, điều... Ví dụ như, trong nhiều năm qua, kể cả trong những thời điểm đầy khó khăn, ngành điều Việt Nam luôn giữ vững vị trí số 1 thế giới về xuất khẩu nhân điều, thâm nhập vào thị trường của hơn 90 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm khoảng 80% lượng nhân điều xuất khẩu trên thế giới. Hay năm 2020, Việt Nam vượt Băng-la-đét thành nhà xuất khẩu hàng may mặc lớn thứ hai

thế giới trong bảng kết quả đánh giá thống kê thương mại thế giới mới nhất của WTO với trị giá 29 tỷ USD, chỉ xếp sau Trung Quốc. Hiện sản phẩm may mặc “made in Vietnam” chiếm 6,4% thị phần thế giới về hàng may mặc trên toàn cầu. Việt Nam cũng đồng thời nằm trong top đầu các nước xuất khẩu gạo của thế giới và đứng vị trí thứ 2 trong năm 2020 vừa qua...

Cùng với hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia vào các tổ chức trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài thể hiện ở nguồn vốn nước ngoài đầu tư (FDI) vào nước ta tăng mạnh qua các năm và đạt 29 tỷ USD vào năm 2020. Trong 9 tháng đầu năm nay, mặc dù trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp song Việt Nam vẫn tiếp tục trở thành địa điểm đầu tư tin cậy, hiệu quả trong mắt các nhà đầu tư nước ngoài. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 22,15 tỷ USD tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước.

Những thành tựu trên đã khẳng định vị trí và vai trò của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế đa phương, khu vực và thế giới.

Cơ hội song hành cùng thách thức

Có thể thấy Cộng đồng kinh tế ASEAN đã và đang tạo ra những cơ hội đối với nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân Việt Nam. Trước hết, AEC mở ra một khu vực thị trường chung rộng lớn giữa các nước ASEAN, đem lại những cơ hội kinh doanh lớn cho các doanh nghiệp trong khu vực. Do đó, việc gia nhập AEC cũng như tham gia

các hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN với các đối tác đã giúp Việt Nam tiếp cận các thị trường tiềm năng trong và ngoài khu vực. Bên cạnh đó, là một thành viên của AEC, Việt Nam không ngừng mở rộng, hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng minh bạch và bình đẳng hơn, tạo điều kiện để thu hút đầu tư nước ngoài không những từ các nước ASEAN mà cả từ các nước ngoại khối, đặc biệt là các nước đối tác FTA của ASEAN vào Việt Nam để tham gia và chuỗi giá trị khu vực.

Sự hình thành của AEC dù tạo ra sức ép không nhỏ nhưng cũng là động lực giúp các doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh để phát triển và khẳng định mình trong một sân chơi lớn hơn.

Hơn thế nữa, việc thực hiện các cam kết trong ASEAN đã và đang tạo nền tảng để Việt Nam tiếp tục mở rộng và tăng cường quan hệ với các đối tác ngoài ASEAN, nhất là các nước lớn, qua đó góp phần nâng cao vai trò và vị thế quốc tế của Việt Nam. Hội nhập ASEAN cho đến nay vẫn được coi là “điểm tựa” quan trọng cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam bởi

Cùng với những cơ hội trên, AEC cũng đặt ra các thách thức Việt Nam cần phải phải đối mặt và vượt qua. Với việc tham gia AEC, Việt Nam đang chịu một sức ép cạnh tranh không nhỏ từ hàng hóa các nước trong khu vực, đây là vấn đề khá đáng lo khi các doanh nghiệp trong nước có sức cạnh tranh chưa cao. Bên cạnh đó, một trong những mục tiêu của AEC khi được hình thành là tự do lưu chuyển lao động. Điều này đặt ra yêu cầu Việt Nam cần có sự chuẩn bị tốt hơn về trình độ lao động, trong khi hiện nay lao động Việt Nam hiện có tay nghề chưa cao, thiếu các kỹ năng cần thiết

như ngoại ngữ, tính chuyên nghiệp... Trong thời gian 26 năm qua, khoảng cách giữa Việt Nam với nhóm 06 nước thành viên ban đầu của ASEAN (ASEAN-6) là Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Malaysia, Philippines, Singapore và Thái Lan đã được thu hẹp một cách đáng kể. Thậm chí ở nhiều tiêu chí, trong đó quan trọng nhất là chỉ số phát triển con người (HDI) (chỉ số HDI năm 2019 của Việt Nam là 0,704, thuộc nhóm phát triển con người cao) và thu nhập bình quân đầu người (đạt 2.660 USD vào năm 2020), Việt Nam đã có bước tiến tiệm cận các nước ASEAN đi trước. Tuy nhiên, một trong những thách thức lớn nhất của Việt Nam khi tham gia vào AEC là sự chênh lệch về trình độ phát triển so với 6 nước thành viên ban đầu.

Định hướng của Việt Nam trong thời gian tới

Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng đã xác định chủ trương “*chủ động tham gia và phát huy vai trò tại các cơ chế đa phương đặc biệt là ASEAN và Liên hợp quốc*”. Tiếp theo đó, Chỉ thị số 25-CT/TW ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 cũng đã xác định phương châm “*nỗ lực vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt*” tại các tổ chức quốc tế có tầm quan trọng chiến lược như ASEAN. Chính vì vậy, việc thúc đẩy hơn nữa hội nhập của Việt Nam trong AEC thời gian tới là một nhiệm vụ có ý nghĩa hết sức quan trọng.

Để đạt được những thành tựu bền vững trong công cuộc hội nhập kinh tế ASEAN, Bộ trưởng Bộ Công thương cho rằng, trong thời gian tới cần có những định hướng, chính sách phù hợp, cụ thể:

Một là, cần cùng các nước ASEAN khẳng định và thúc đẩy

vai trò trung tâm của ASEAN trong việc điều phối các hoạt động hợp tác kinh tế trong khu vực.

Hai là, cần thúc đẩy thực hiện Kế hoạch Tổng thể xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN đến năm 2025, điều chỉnh các chương trình hợp tác trong ASEAN theo hướng đáp ứng tình hình mới.

Ba là, cần sớm phê duyệt Hiệp định RCEP để đưa Hiệp định thương mại tự do có quy mô lớn nhất thế giới về dân số vào thực thi, góp phần thúc đẩy các chuỗi cung ứng khu vực. Đồng thời, chúng ta cũng cần phối hợp với các nước ASEAN khác thúc đẩy việc xây dựng các khuôn khổ hợp tác mang tính ổn định, bền vững, dựa theo luật lệ với các đối tác ngoại khối nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu, thu hút đầu tư từ ngoài khối.

Duy trì động lực từ những thành công của năm Chủ tịch ASEAN 2020, trong thời gian tới, Việt Nam cần thể hiện định hướng tiếp tục coi hội nhập ASEAN là một trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, khẳng định tinh thần chủ động, năng động trong việc triển khai các sáng kiến thực hiện Cộng đồng Kinh tế ASEAN, góp phần tăng cường sự gắn kết chặt chẽ, phát huy tổ chức của một khu vực kinh tế ASEAN năng động, khẳng định vai trò trung tâm trong hợp tác kinh tế ở khu vực./.

Tài liệu tham khảo:

- Bài viết của Bộ trưởng Bộ Công Thương kỷ niệm 26 năm Việt Nam gia nhập ASEAN.

- Niên giám Thống kê - TCTK



QUAN HỆ VIỆT - MỸ: NÂNG LÊN TẦM CAO MỚI

Thu Hường

Vào cuối tháng 8/2021, Phó Tổng thống Mỹ Kamala Harris đã có chuyến thăm chính thức đầu tiên tại Việt Nam. Giới quan sát nhận xét, chuyến thăm của bà Harris cùng với hàng loạt động thái mới của Mỹ cho thấy mối quan hệ hai nước đang đứng trước rất nhiều triển vọng, hứa hẹn hợp tác song phương sẽ đi vào chiều sâu và thực chất hơn nữa, nâng lên tầm cao mới.

Những bước tiến đáng kể trong quan hệ Việt - Mỹ

Theo thông báo của Nhà Trắng, chuyến công du châu Á của Phó Tổng thống Harris vào cuối tháng 8/2021 góp phần tăng cường quan hệ và mở rộng hợp tác kinh tế giữa Washington và các đối tác quan trọng trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương.

Với Việt Nam, một trong hai quốc gia Đông Nam Á được nhắc đến trong Hướng dẫn Chiến lược an ninh quốc gia tạm thời của chính quyền Tổng thống Mỹ Joe Biden, càng khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của quan hệ

Việt Nam - Mỹ trong tầm nhìn Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của chính quyền Tổng thống Joe Biden, tạo cơ hội thuận lợi cho Việt Nam nâng cao thế và lực trên trường quốc tế.

Nhà Trắng cũng cho biết, trong vài thập niên qua, mối quan hệ song phương giữa Mỹ và Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể. Hai bên đang hợp tác trong nhiều vấn đề, từ quan hệ kinh tế đến đối phó với đại dịch Covid-19 và chuẩn bị cho các mối đe dọa an ninh y tế trong tương lai, chống biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả chiến tranh...

Về thương mại, Mỹ là đối tác thương mại lớn thứ hai và là thị trường nhập khẩu hàng đầu của Việt Nam. Quan hệ thương mại giữa hai nước được nhận xét là "củng cố cho nhau", trong đó "nền kinh tế sôi động của Việt Nam là rất quan trọng đối với chuỗi cung ứng mà các doanh nghiệp Mỹ phụ thuộc vào". Sự tương hỗ này càng được thể hiện rõ nét khi nền kinh tế thế giới đối mặt với thách thức do COVID-19 gây ra.

Về an ninh, mối quan hệ giữa hai nước "đã mở rộng đáng kể" với việc Washington ủng hộ độc lập và chủ quyền của Việt Nam, đặc biệt là trong lĩnh vực hàng hải.

Về y tế, Mỹ và Việt Nam đã nâng cao năng lực phòng ngừa, phát hiện và ứng phó với các mối đe dọa từ bệnh truyền nhiễm thông qua quan hệ đối tác trong Chương trình An ninh Y tế Toàn cầu.

Về giáo dục, gần 30.000 người Việt Nam đang học tập tại Mỹ, đóng góp gần 1 tỉ USD (khoảng 22.800 tỉ đồng) cho nền kinh tế nước sở tại.

Về hoạt động nhân đạo, Mỹ đã mở văn phòng của Phái đoàn Hòa bình - sáng kiến hỗ trợ phát triển kinh tế và xã hội quốc tế do cựu Tổng thống Mỹ John F. Kennedy

sáng lập chỉ hơn 1 tháng sau khi nhậm chức năm 1961 - tại Hà Nội.

Nhà Trắng nhấn mạnh rằng chuyến công du của bà Harris "thể hiện cam kết sâu sắc của Mỹ, không chỉ đối với khu vực, mà cả với quan hệ Mỹ-Việt". Khi gặp gỡ các lãnh đạo Việt Nam, bà Harris luôn tái khẳng định cam kết của Mỹ về "một nước Việt Nam vững mạnh, thịnh vượng và độc lập", cũng như về "khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, rộng mở, lành mạnh và kiên cường".

Tăng cường quan hệ đối tác toàn diện

Trong khuôn khổ chuyến thăm của bà Harris, Nhà Trắng đã phát đi thông điệp tăng cường Quan hệ Đối tác Toàn diện giữa Việt Nam và Mỹ. Washington cũng nêu rõ những lĩnh vực mà hai nước có thể tăng cường hợp tác nhằm xây dựng mối quan hệ ngày càng tốt đẹp hơn.

Trước hết, Mỹ cam kết hỗ trợ Việt Nam và khu vực chống dịch COVID-19. Hợp tác chống dịch COVID-19 và các vấn đề an ninh y tế được nêu lên đầu tiên. Trong chuyến thăm, Phó Tổng thống Harris đã củng cố cam kết của Mỹ về việc dẫn dắt cuộc chiến chống COVID-19 toàn cầu, thông báo các khoản ủng hộ vaccine mới cho Việt Nam, hỗ trợ phân phối vaccine.

Theo đó, Mỹ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam 1 triệu liều vaccine ngừa COVID-19 của hãng Pfizer - loại vaccine duy nhất đã được cấp phép đầy đủ tại Mỹ, nâng tổng số liều vaccine Mỹ tài trợ cho Việt Nam kể từ đầu dịch lên 6 triệu liều. Các chương trình hỗ trợ phát triển của Mỹ sẽ hỗ trợ thêm 23 triệu USD cho Việt Nam cho công tác tiêm chủng và phòng chống COVID-19. Bộ Quốc phòng Mỹ sẽ hỗ trợ Việt Nam 77 tủ cấp đông lạnh sâu để tăng cường năng lực



bảo quản vaccine trong cả nước. Mỹ cũng hỗ trợ hai Trung tâm Điều hình tình trạng khẩn cấp y tế công cộng khu vực hoạt động 24/7 để hỗ trợ Bộ Y tế Việt Nam thu thập và chia sẻ dữ liệu giám sát dịch bệnh.

Bà Harris đã cùng lãnh đạo Việt Nam và quan chức y tế các nước trong khu vực tham dự lễ khai trương văn phòng khu vực của Trung tâm Kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh Mỹ (CDC) tại Hà Nội. Văn phòng "sẽ thúc đẩy an ninh y tế toàn cầu bằng cách duy trì sự hiện diện bền vững trong khu vực, cho phép ứng phó nhanh và hiệu quả trước các mối đe dọa về y tế và củng cố sứ mệnh cốt lõi của CDC là bảo vệ con người".

Cũng trong khuôn khổ chuyến thăm của Phó Tổng thống Mỹ Kamala Harris, Mỹ cam kết tiếp tục phát triển quan hệ kinh tế và ngoại giao song phương giữa hai nước.

Trong lĩnh vực hợp tác kinh tế, Phó Tổng thống Harris nhấn mạnh các nỗ lực của Chính quyền Biden-Harris nhằm thúc đẩy tăng trưởng và cơ hội kinh tế. Mỹ đã làm sâu sắc thêm các mối quan hệ kinh tế của mình với tư cách là đối tác thương mại lớn thứ hai của Việt Nam và thị trường xuất khẩu hàng đầu trên toàn thế giới.

Trong lĩnh vực thương mại, chính quyền Biden xem Việt Nam

là một trong 10 đối tác thương mại hàng đầu của Mỹ, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong chuỗi cung ứng của Mỹ. Đó là một lĩnh vực trọng tâm của Mỹ ở khu vực Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

Phó Tổng thống Mỹ Kamala Harris cho biết, với mong muốn xây dựng mối quan hệ kinh tế bền vững có chiều sâu, tin cậy lẫn nhau, Mỹ sẽ tạo điều kiện cho Việt Nam tiếp cận công nghệ mới, mở rộng thị trường và hội nhập tốt hơn với các nước khu vực và thế giới.

Hiện nay, Mỹ đang hỗ trợ Việt Nam cải thiện năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân, thúc đẩy vai trò của phụ nữ và người dân tộc thiểu số, hỗ trợ Việt Nam chuyển đổi sang nền kinh tế số.

Ngoài ra, Mỹ cũng đang thuyết phục Việt Nam giảm thuế đối với hàng hóa Mỹ, nhất là hàng nông sản khi Việt Nam là nước nhập khẩu nông sản Mỹ nhiều thứ 7 thế giới.

Mỹ cam kết “đầu tư vào quan hệ song phương” với Việt Nam trên cơ sở mối quan hệ đối tác toàn diện hiện có giữa hai nước. Trong chuyến thăm của bà Harris, Mỹ đã thành lập Phái đoàn Hòa bình tại Việt Nam - kết thúc 17 năm đàm phán. Chương trình đầu tiên của Phái đoàn Hòa bình Việt Nam sẽ bắt đầu từ năm 2022.

Đặc biệt, Phó Tổng thống Harris đã tham dự lễ ký kết thỏa thuận thuê đất xây dựng Khu phức hợp Đại sứ quán Mỹ mới ở Hà Nội. Với cảm hứng từ Vịnh Hạ Long, thắng cảnh danh tiếng của Việt Nam, Khu phức hợp Đại sứ quán Mỹ mới sẽ là biểu tượng cho tương lai của mối quan hệ đối tác giữa hai nước. Nhà Trắng nhấn mạnh rằng, bước tiến này sẽ giúp Washington tiếp tục phát triển

quan hệ với Việt Nam trong tầm nhìn 25 năm, hoặc hơn.

Quan hệ Mỹ-Việt tiếp tục được khẳng định bằng việc vượt qua trở ngại trong quá khứ, củng cố hợp tác an ninh. Nhà Trắng nhấn mạnh rằng, Việt Nam và Mỹ “đã vượt qua một quá khứ đầy khó khăn để trở thành đối tác đáng tin cậy”, biểu hiện rõ nét qua các hợp tác giải quyết các vấn đề do chiến tranh.

Mỹ cam kết cung cấp thêm 17,5 triệu USD cho công tác rà phá bom mìn và vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh cũng như các dự án hỗ trợ người khuyết tật do hậu quả của chiến tranh giúp người khuyết tật cải thiện cuộc sống và hòa nhập với xã hội với tổng kinh phí 4 triệu USD.

Về hợp tác an ninh, Mỹ nhấn mạnh sự ủng hộ Việt Nam tăng cường năng lực thực thi pháp luật trên biển và đảm bảo an ninh hàng hải. Hai nước đã “khẳng định cam kết tiếp tục hợp tác an ninh cấp cao”, thúc đẩy các hoạt động nhân đạo trên biển và các chuyến thăm của tàu hải quân Mỹ, kể cả tàu sân bay, tới Việt Nam.

Mỹ sẽ tiếp tục hợp tác, hỗ trợ phát triển lực lượng Cảnh sát biển Việt Nam. Trong đó, Mỹ sẽ xem xét khả năng cung cấp cho Việt Nam chiếc tàu tuần duyên thứ ba. Trước đó, Mỹ đã chuyển giao hai tàu tuần duyên lớp Hamilton cho Việt Nam. Bên cạnh đó, hai nước cũng đã cam kết thiết lập cơ chế trao đổi về chấn thương y tế giữa lực lượng vũ trang hai nước nhằm mở rộng năng lực ứng phó thảm họa và vấn đề nhân đạo, đồng thời hợp tác thúc đẩy chăm sóc cho binh lính, cựu chiến binh và người dân của Việt Nam.

Mỹ và Việt Nam cũng không ngừng tăng cường hợp tác trong vấn đề chống biến đổi khí hậu. Phó Tổng thống Harris và các nhà lãnh đạo Việt Nam đã “nhất trí

về tầm quan trọng của việc chống khủng hoảng khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu và hợp tác hướng tới một tương lai năng lượng sạch”. Các trọng tâm hợp tác trong lĩnh vực này là tăng cường vai trò của khu vực tư nhân, mở rộng sử dụng năng lượng sạch và xe điện, đẩy mạnh nông nghiệp thông minh và phù hợp với khí hậu.

Đặc biệt, Washington sẽ hợp tác với các đối tác, khởi động một chương trình bảo tồn ở sông Mekong. Thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Mỹ (USAID), Washington đã khởi động dự án Bảo tồn Biển đồng bằng sông Cửu Long với ngân sách 2,9 triệu USD kéo dài 3 năm. Mục tiêu của dự án là bảo vệ sinh cảnh ven biển trọng điểm ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long hướng tới đánh bắt thủy hải sản bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học. Trong lĩnh vực nông nghiệp, hai nước sẽ đẩy nhanh phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với khí hậu.

Ngoài ra, Mỹ và Việt Nam còn cam kết hợp tác đảm bảo các hoạt động không gian “có trách nhiệm và bền vững”.

Cùng với đó, USAID cũng công bố chương trình Đối tác về Cải cách giáo dục đại học - dự án kéo dài 5 năm, tổng kinh phí 14,2 triệu USD, nhằm tăng cường giảng dạy, nghiên cứu, đổi mới và quản trị trong ba trường đại học quốc gia lớn nhất Việt Nam, cũng như cung cấp các cơ hội được hỗ trợ tài chính cho sinh viên Việt Nam.

Có thể thấy, trong 26 năm qua, quan hệ Việt Nam - Mỹ đã ghi nhận những thành quả ấn tượng, góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc, thúc đẩy quan hệ song phương lên tầm cao mới. Mối quan hệ Việt - Mỹ không chỉ ngày càng trở nên nồng ấm, có chiều sâu mà còn ngày càng mang tính chiến lược./.

THỊ TRƯỜNG BÁN LẺ VIỆT NAM: KỲ VỌNG TĂNG TRƯỞNG TÍCH CỰC TRONG MÙA DỊCH

Tiến Long

Tăng trưởng bất chấp khó khăn do dịch bệnh

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tháng 4/2021, ngành bán lẻ Việt Nam đã có bước “đại nhảy vọt” khi tăng kỷ lục 30,9% so với cùng kỳ năm trước. Đây là kết quả khá ấn tượng sau những ảnh hưởng từ làn sóng dịch Covid-19 lần thứ 3 vào tháng 1/2021, tiếp tục khẳng định sự tăng trưởng của ngành bán lẻ bất chấp dịch bệnh Covid-19 vẫn đang diễn biến phức tạp.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 4,9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 giảm 1,1%). Doanh thu bán lẻ hàng hóa 6 tháng ước tính đạt 1.985,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 80,6% tổng mức và tăng 6,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2020 tăng 3,6%). Mặc dù chưa quay lại mức tăng trưởng tích cực của năm 2019, song những số liệu trên cho thấy, ngành bán lẻ Việt Nam đang trên đà hồi phục rất tốt so với năm ngoái.

Theo giới chuyên gia, trong 6 tháng đầu năm kết quả tăng trưởng tích cực của ngành bán lẻ là tất yếu. Theo đó, có 2 nguyên nhân chính dẫn đến sự khởi sắc của ngành bán lẻ. Đó là

Đại dịch Covid-19 đang ảnh hưởng đến hầu hết các ngành, lĩnh vực; trong đó thị trường bán lẻ cũng không phải ngoại lệ. Mặc dù vậy, các nghiên cứu cho thấy, ngành bán lẻ Việt Nam đã chứng minh được sức bền cùng sức bật tốt vượt trội trong bối cảnh đại dịch. Covid-19 đã hình thành nên những xu hướng tiêu dùng mới, đồng thời mở thêm “cơ hội trong sự khó khăn” cho các thương hiệu trong và ngoài nước nhằm chiếm lĩnh “miếng bánh” thị phần 200 tỷ USD.

sức mua người tiêu dùng dần quay trở lại và doanh nghiệp bán lẻ ngày càng đầu tư để phục vụ tốt hơn. Cụ thể, tâm lý người dân đã thích nghi với trạng thái bình thường mới, ổn định và có biện pháp an toàn để sống chung với dịch bệnh. Thậm chí, nhiều người dân đang có xu hướng tăng chi tiêu để bù cho những giai đoạn giãn cách vì dịch bệnh.

Theo báo cáo của Fitch Solution, thị trường bán lẻ sẽ có nhiều triển vọng năm 2021, khi thu nhập của người dân ổn định trở lại thì các mặt hàng nhu yếu phẩm và vật dụng cao cấp sẽ hút chi tiêu. Bên cạnh đó, BMI cũng kỳ vọng mức tăng trưởng chi tiêu hộ gia đình sẽ phục hồi mạnh lên 9,7% trong năm 2021. Một số danh mục chi tiêu của người tiêu dùng dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng trở lại trong 2021.

Ngoài ra, sức hút của thị trường bán lẻ Việt Nam vẫn rất hấp dẫn, đặc biệt với các doanh nghiệp nước ngoài. Số liệu của Savills Việt Nam cho thấy, dù chịu 2 “cú đánh” của Covid-19 vào các tháng 4 và 7/2020 nhưng công suất của các trung tâm thương mại (TTTM) và cửa hàng bách hóa trong năm 2020 đều duy trì ổn định ở mức 95 - 98%. Đặc biệt, hàng loạt thương hiệu quốc tế lớn như Uniqlo, Fila, Decathlon, Haidilao Hot Pot, The Faceshop... vẫn tiếp tục mở rộng hệ thống cửa hàng tại Việt Nam, tập trung chủ yếu vào hệ thống TTTM Vincom tại Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và một số thành phố đô thị loại I. Thực tế, trong 10 năm trở lại đây, Việt Nam luôn đứng vị trí thứ 6 trong nhóm 30 quốc gia có lĩnh vực bán lẻ có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới.



Trong quý III năm 2021 ngành bán lẻ tiếp tục hứng chịu đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 khiến tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng đầu năm (đạt 3.367,7 nghìn tỷ đồng) giảm 7,1% so cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên các chuyên gia tiếp tục kỳ vọng vào sức bật của ngành bán lẻ sau đợt dịch lần thứ 4, đặc biệt khi Việt Nam đang khẩn trương triển khai chiến dịch tiêm vắc xin cho toàn dân. Theo các chuyên gia kinh tế với việc triển khai tiêm vắc xin trên diện rộng để bảo đảm miễn dịch cộng đồng ngay trong năm 2021, bán lẻ sẽ là lĩnh vực được hưởng lợi nhiều nhất do không còn rào cản từ việc giãn xã hội. Các hoạt động kinh doanh sẽ bình thường trở lại, hoạt động mua sắm, tiêu dùng của người dân sẽ cải thiện, thúc đẩy ngành bán lẻ phát triển. Đây là cơ hội vàng để các doanh nghiệp bán lẻ mở rộng kênh bán hàng, nhanh chóng nắm bắt thị trường mới tiềm năng chưa được khai thác nhiều như các cực đô thị mới của thành phố lớn hay các đô thị loại I.

Xu hướng mới, cơ hội mới

Các chuyên gia cho rằng, đại dịch Covid-19 không chỉ là “phép thử” làm rõ nét hơn thói quen tiêu dùng mà còn là liều “thuốc tăng lực” kích hoạt thêm những xu hướng mới, tạo nên sự sôi động và sức bật mạnh mẽ của thị trường bán lẻ Việt Nam sau đại dịch.

Bán hàng đa kênh, đa phương tiện, vừa online (trực tuyến) vừa offline (trực tiếp tại điểm bán lẻ) hiện đang là một trong những xu hướng mua sắm mới của ngành bán lẻ giữa bối cảnh dịch Covid-19 đang có nhiều diễn biến phức tạp. Các kênh mua sắm từ app (ứng dụng) đi chợ hộ, mạng xã hội, thương mại điện tử, kể cả tổng đài chăm sóc khách hàng của các siêu thị đều vận hành hết công suất trong thời gian qua. Điều này đã tạo động lực tăng trưởng cho các nhà bán lẻ, chuỗi cung ứng hàng hóa, cũng như giúp người tiêu dùng hạn chế đến mức thấp nhất việc tiếp xúc trực tiếp, giảm nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh.

Dịch Covid-19 đang khiến người tiêu dùng quan tâm hơn đến an toàn sức khỏe. Điều này đã tạo ra thay đổi đáng kể trong xu hướng tiêu dùng theo hướng an toàn, tăng cường mua sắm online qua nền tảng thương mại điện tử (TMĐT). Từ khi mạng Internet phát triển, chỉ cần ngồi ở nhà, thông qua các website, mạng xã hội như facebook, zalo hay các sàn TMĐT,... đều có thể mua sắm và xu hướng này đang dần trở thành thói quen mới của người tiêu dùng Việt Nam và trong tương lai có thể thay đổi vĩnh viễn thói quen mua sắm thời hậu Covid. Chính vì vậy, việc phát triển bán hàng đa kênh, vừa trực tuyến vừa trực tiếp đang là nhu cầu thiết yếu của ngành bán lẻ Việt Nam.

Trên thực tế, vài năm trở lại đây, một số các doanh nghiệp bán lẻ tại Việt Nam đã đẩy mạnh áp dụng mô hình bán lẻ đa kênh để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, giúp hành trình mua sắm không bị gián đoạn. Công ty VinCommerce, quản lý chuỗi siêu thị VinMart và VinMart+ đã rất thành công trong việc tạo thói quen mua sắm các loại hàng hóa tiêu dùng thiết yếu hằng ngày cho người tiêu dùng thông qua app VinID. Với danh mục hàng hóa mua sắm đa dạng, từ nhu yếu phẩm thiết yếu như: rau, quả, thịt tươi sống, đồ khô... lấy từ nguồn tại các siêu thị VinMart và VinMart+, khách hàng có thể yên tâm bảo đảm nhu cầu sinh hoạt hằng ngày mà không phải trực tiếp đến siêu thị. Chỉ cần chọn tính năng “Đi chợ” trên app VinID, cập nhật địa chỉ nhận hàng, lựa chọn những món hàng cần mua và tiến hành thanh toán online thông qua tài khoản ngân hàng đã liên kết, chỉ trong thời gian ngắn, toàn bộ đơn hàng sẽ được giao ngay đến người tiêu dùng.

Siêu thị Lotte Mart cũng đã cho triển khai app Speed L, cho phép người tiêu dùng có thể lựa chọn thoải mái từ 2.000 đến 3.000 mặt hàng khác nhau tại siêu thị online ngay trên smartphone. Ưu điểm của dịch vụ này là giao diện trên app thân thiện, dễ sử dụng, đồng thời, thuận tiện cho việc thanh toán cũng như giao hàng nhanh.

Ở khối sản xuất, nhiều doanh nghiệp cũng bắt đầu chú trọng hơn đến thương mại đa kênh, dù hầu hết đều thừa nhận kênh online gần như chưa đem lại nhiều lợi ích. Đơn cử, Công ty CP Việt Nam Kỹ nghệ sủi sản (Vissan) ngay từ đầu năm 2020 đã triển khai bán hàng trên nền tảng TMĐT thông qua các đối tác như: Sendo, Grab, Now cùng việc đẩy mạnh bán hàng online thông qua hotline và website của doanh nghiệp với nhiều hình thức khuyến mãi, miễn phí giao hàng. Mục tiêu tăng trưởng kênh bán hàng online năm 2021 là 20%, hướng tới chiếm đến 30% tổng doanh số trong tương lai. Tương tự, Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) cũng cho biết,

mảng TMĐT đã được chú trọng từ vài năm trở lại đây, nhưng giá trị đóng góp chưa lớn do người tiêu dùng vẫn giữ thói quen tiện đâu mua đấy. Mặc dù vậy, doanh nghiệp vẫn đang đẩy mạnh phát triển các hệ thống cửa hàng hỗ trợ giao hàng cho kênh online vì đây là nhu cầu tất yếu trong thời điểm dịch bệnh hiện nay.

Có thể thấy, bên cạnh việc phát triển ngày càng nhiều các chuỗi cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini nằm trong xu thế tất yếu của thị trường thì với sự phát triển công nghệ, bán lẻ online được xem là một kênh tiềm năng, có nhiều điều kiện phát triển. Tại TP Hồ Chí Minh, chuỗi siêu thị Co.op mart vừa qua đã thí điểm triển khai hình thức bán lẻ sáng tạo, phục vụ “đi chợ” hộ ngay tại siêu thị cho khách hàng. Đây được gọi là phương thức “lựa chọn và vận chuyển” (pick & ship). Theo cách này, người tiêu dùng đến mua sắm tại siêu thị không phải tiếp xúc trực tiếp với nhau như trước đây mà được phục vụ tận nơi, bố trí ngồi giãn cách ở một nơi thoáng mát để chờ nhận đồ.

Đây được xem là cách làm sáng tạo, giúp hạn chế gần như tuyệt đối việc tụ tập đông người tại các quầy thu ngân, gian hàng, nhất là vào giờ cao điểm.

Thực tế trên cho thấy, ngành bán lẻ Việt Nam đang ngày càng sáng tạo, tạo thế chủ động trên thị trường. Sự thay đổi trong hình thức mua sắm của nhiều doanh nghiệp đã góp phần giúp tiêu thụ hàng hóa thuận lợi hơn và hạn chế lây nhiễm, nhất là trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, khó lường hiện nay. Số liệu của Bộ Công Thương cho thấy, có khoảng 53% dân số tham gia mua bán trực tuyến, đưa thị trường thương mại điện tử Việt Nam trong năm 2020 tăng trưởng 18%, đạt 11,8 tỷ USD.

Theo kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn năm 2021-2025, đến năm 2025, có 55% dân số tham gia mua sắm trực tuyến với giá trị mua hàng hóa và dịch vụ trực tuyến đạt trung bình 600 USD/người/năm. Doanh số thương mại điện tử mô hình B2C tăng 25%, đạt 35 tỷ USD, chiếm 10% tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước.

Với những tiềm năng trên, các chuyên gia kinh tế dự báo, doanh thu bán lẻ trong thời gian tới sẽ tiếp tục có nhiều khởi sắc. Dự kiến, năm 2021 doanh thu thương mại điện tử trên di động sẽ đạt 7 tỷ USD và đến năm 2023 có khả năng sẽ chạm tới mức 10,2 tỷ USD. Tổ chức khảo sát, nghiên cứu và công bố dữ liệu kinh tế thương mại toàn cầu Trading Economics cũng đưa ra nhận định, doanh số bán lẻ của Việt Nam dự báo tăng 11% trong năm 2021, vượt xa nhiều quốc gia Đông Nam Á khác./



TẬP TRUNG THẢO GỖ KHÓ KHĂN CHO CÁC DOANH NGHIỆP FDI

Ngọc Linh

Trước ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19 tới hoạt động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngoài những chính sách dành cho các doanh nghiệp trong nước, Chính phủ Việt Nam cũng đã đồng cảm, chia sẻ những khó khăn và đưa ra những giải pháp cụ thể nhằm giúp các doanh nghiệp FDI nhanh chóng khôi phục, ổn định sản xuất, tạo sức khỏe cho nền kinh tế.

Trong những năm qua, với lợi thế chính trị ổn định, môi trường kinh doanh có nhiều cải thiện, thủ tục hành chính dần thông thoáng, Việt Nam đã trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Số liệu thống kê từ Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tính đến ngày 20/12/2020 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn,

mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 28,5 tỷ USD. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện năm 2020 ước tính đạt gần 20 tỷ USD. Trong 9 tháng đầu năm 2021, dù nước ta bị ảnh hưởng mạnh bởi đại dịch Covid-19 song các nhà đầu tư nước ngoài vẫn tiếp tục duy trì lòng tin với nền kinh tế Việt Nam trong trung và dài hạn, thể hiện ở tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2021 bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài

đạt 22,15 tỷ USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới đạt 12,5 tỷ USD, tăng 20,6% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký điều chỉnh tăng thêm 6,43 tỷ USD, tăng 25,6%.

Từ tháng 4/2021 đến nay, trong bối cảnh làn sóng dịch bệnh lần thứ 4 bùng phát có sự lây lan mạnh trên phạm vi rộng, các địa phương trong cả nước thực hiện giãn cách xã hội, nhiều doanh nghiệp FDI (đặc biệt ở các tỉnh phía Nam) phải áp dụng mô hình 3 tại chỗ hay phương án "1 cung đường 2 địa điểm" để đảm bảo an toàn cho người lao động và hoạt động



sản xuất của doanh nghiệp.

Việc áp dụng các hình thức trên đã mang lại hiệu quả cho một cơ chế tạm thời tuy nhiên đã đẩy chi phí của doanh nghiệp FDI tăng đáng kể, với con số phát sinh lên hàng tỷ đồng, thậm chí là hàng trăm tỷ đồng mỗi công ty bởi hàng loạt các khoản chi cho sinh hoạt, ăn ở, chi phí hỗ trợ thêm cho người lao động ngoài chế độ lương, tiền ngoài giờ đầy đủ.

Trên thực tế, những khoản chi này tại các doanh nghiệp FDI là không nhỏ. Theo đại diện Phòng Thương mại và Công nghiệp Đức tại Việt Nam, việc thực hiện các phương án “3 tại chỗ” và “1 cung đường 2 điểm đến” đang trở thành thách thức cho các công ty của Đức tại Việt Nam do kinh phí quá lớn. Ước tính mỗi tuần, doanh nghiệp “3 tại chỗ” chi khoảng 600.000 đồng/công nhân, tương đương 600 triệu đồng cho một nhà máy có 1.000 công nhân. Tại hội nghị trực tuyến “Thành phố Hồ Chí Minh đồng hành cùng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tháo gỡ khó khăn, phục hồi kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 do UBND TP. Hồ Chí Minh tổ chức vào tháng 8 vừa qua, đại diện Công ty TNHH Intel Products Việt Nam cho biết, khi áp dụng phương án “1 cung đường 2 điểm đến”, đã bố trí chỗ ở tập trung cho gần 1.870 lao động trực tiếp và khoảng 1.500 lao động gián tiếp từ các nhà thầu tại nhiều khách sạn. Chỉ trong 1 tháng, chi phí phát sinh tạm tính là hơn 140 tỷ đồng. Nếu tính cả thời gian doanh nghiệp áp dụng các phương án sản xuất trên thì khoản chi phí phát sinh trên sẽ lớn hơn rất nhiều. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn vốn và kế hoạch sản xuất của công ty trong dài hạn. Cũng tại Hội nghị này,

đại diện một doanh nghiệp trong Khu công nghệ cao TPHCM cũng cho biết đang thực hiện phương án “1 cung đường, 2 địa điểm” cho khoảng 2.500 lao động, chủ yếu tại các khách sạn trong trung tâm Thành phố. Các chi phí phát sinh cho việc thực hiện phương án này rất lớn, trung bình mỗi ngày khoảng 4 tỷ đồng.

Hay như tại Đồng Nai, Lãnh đạo Tập đoàn Phong Thái (100% vốn Đài Loan) cho biết dù ngưng hoạt động 2 tháng nay, nhưng doanh nghiệp phải chi trung bình 388 tỉ đồng/tháng, trong đó tiền lương cho công nhân lên đến 290 tỉ đồng.

Bên cạnh đó, do phải duy trì hoạt động ở quy mô hạn chế so với công suất bình thường (khoảng 30% số lao động được làm việc) đã kéo theo những khó khăn về xuất khẩu cho các doanh nghiệp FDI. Nhiều công ty đã sụt giảm doanh thu xuất khẩu do không thực hiện được đúng hạn giao hàng đến khách hàng và mất đi những đơn hàng xuất khẩu khi các đối tác lựa chọn các nhà cung cấp khác.

Bên cạnh gánh nặng kinh phí

“3 tại chỗ”, các doanh nghiệp FDI còn phải đối mặt với thách thức chi phí logistics đang không ngừng leo thang trong khi chi phí này là một yếu tố cấu thành quan trọng đối với năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu.

Trước hàng loạt những khó khăn trên, trong tháng 9/2021, Chính phủ Việt Nam đã có nhiều buổi gặp gỡ, làm việc cùng các hiệp hội doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam và một số tập đoàn, doanh nghiệp để chia sẻ, đồng đồng hành cùng doanh nghiệp FDI tháo gỡ khó khăn, phục hồi kinh doanh trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Tại các buổi gặp gỡ làm việc, các hiệp hội doanh nghiệp FDI đã đưa ra nhiều đề xuất như: Điều chỉnh mô hình “3 tại chỗ” cho phù hợp hơn; Xem xét lùi thời hạn nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và miễn giảm thuế, các chi phí liên quan đến sản xuất để giúp doanh nghiệp có đủ nguồn lực hỗ trợ tài chính tạm thời cho nhân viên, duy trì sản xuất kinh doanh trong thời gian dịch bệnh; Tối ưu và đơn giản hóa các thủ tục xuất nhập khẩu, để đẩy nhanh hoạt động xuất



nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI nhằm chuẩn bị cho giai đoạn hậu Covid-19 khi nhu cầu hàng hóa tăng trở lại; Hỗ trợ thủ tục xin cấp thị thực và giấy phép lao động cho người nước ngoài, đặc biệt là trường hợp tái nhập cảnh của các chuyên gia.

Qua các buổi làm việc, Thủ tướng Phạm Minh Chính cho biết Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực triển khai nhiều giải pháp để kiểm soát, đẩy lùi dịch bệnh; đã thành lập Tổ công tác đặc biệt để xử lý vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp. Ngoài những chính sách, hỗ trợ doanh nghiệp được ban hành thời gian trước, ngày 09/9/2021 Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị quyết số 105 về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch Covid-19, thể hiện những giải pháp cụ thể, trong đó có những cam kết của Việt Nam mà Thủ tướng đã đưa ra trong các cuộc gặp gỡ với những đối tác lớn. Theo đó, bên cạnh các giải pháp đảm bảo việc duy trì sản xuất, chuỗi cung ứng, lưu thông hàng hóa, thì Nghị định 105 có một điểm nhấn quan trọng đối

với doanh nghiệp FDI và các nhà đầu tư nước ngoài là các chuyên gia và lao động nước ngoài thực hiện nới lỏng một số quy định, điều kiện về việc cấp, gia hạn, xác nhận giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam phù hợp với bối cảnh mới nhưng phải tuyệt đối an toàn về phòng, chống dịch Covid-19 để các doanh nghiệp FDI yên tâm đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong chủ trương miễn phí cho người dân, Chính phủ đã có chỉ đạo cụ thể về thiết lập đầu mối liên lạc và tiêm vắc xin cho người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam; ưu tiên tiêm vắc xin cho người lao động tại khu công nghiệp, chế xuất, khu công nghệ cao, làm việc trong các chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp FDI.

Bên cạnh những chỉ đạo cụ thể của Thủ tướng, Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam cũng đã có văn bản về việc hỗ trợ thêm tiền ăn cho người lao động tham gia "3 tại chỗ" tại các địa bàn đang áp dụng Chỉ thị 16/CT-TTg. Theo đó, mức hỗ trợ cho bữa ăn là 1 triệu đồng/người (hỗ trợ một lần) do công đoàn cấp trên trực tiếp cấp cho công đoàn cơ sở bằng nguồn tài chính tích lũy của đơn vị. Ngoài ra, Bộ Tài chính đang chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương để xuất chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện sản xuất theo mô hình "3 tại chỗ" và "1 cung đường 2 điểm đến".

Còn tại các địa phương, tỉnh ủy, UBND một số tỉnh thành cũng đã tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại với các hiệp hội, doanh nghiệp FDI trên địa bàn để ghi nhận, giải quyết những khó khăn, kiến nghị của các doanh nghiệp. Ví dụ như TP.Hồ Chí Minh, đã đưa ra một

số phương án nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động trở lại của các doanh nghiệp FDI nói riêng và doanh nghiệp của Thành phố nói chung như các doanh nghiệp được sáng tạo các phương án khác, ứng dụng linh hoạt các biện pháp miễn sao phù hợp với doanh nghiệp và bảo vệ được sức khỏe người lao động, bảo vệ doanh nghiệp sản xuất an toàn. Đồng thời đẩy nhanh tốc độ tiêm chủng cho công nhân, người lao động. Hiện nay, có 85% người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đã được tiêm vaccine mũi 1.

Là một trong những địa phương có số ca nhiễm cao mỗi ngày, Đồng Nai có 1.143 doanh nghiệp đăng ký thực hiện phương án "3 tại chỗ", "1 cung đường, 2 địa điểm", chiếm 73,3% tổng số doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh. Để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp FDI nói riêng ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, tỉnh Đồng Nai cũng đã có văn bản đề nghị Chính phủ tiếp tục ưu tiên vaccine để tiêm cho 100% người trong độ tuổi nhằm mở cửa khôi phục lại kinh tế bình thường. Bên cạnh đó, lãnh đạo tỉnh giao cho các sở, ngành hướng dẫn thông thương hàng hóa, không gây cản trở cho doanh nghiệp sẽ giải quyết nhanh việc nhập cảnh của các chuyên gia nước ngoài.

Có thể nói, trong đại dịch, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang nhận được nhiều sự quan tâm, chia sẻ của Chính phủ, các bộ, ngành và lãnh đạo các địa phương. Điều này sẽ giúp các nhà đầu tư nước ngoài thêm vững tin vào Chính phủ Việt Nam và tiếp tục đầu tư trong thời gian tới./.



Công nghiệp hỗ trợ (CNHT) những thành tựu đạt được

Thời gian qua, Chính phủ Việt Nam luôn khuyến khích và tạo điều kiện, cơ chế tốt nhất để phát triển ngành CNHT theo tinh thần của Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, đã xác định ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, CNHT là động lực phát triển kinh tế.

Với việc triển khai thực hiện đồng bộ nhiều cơ chế, chính sách đã giúp cho lĩnh vực CNHT được quan tâm thúc đẩy, tăng cường liên kết, đặc biệt là trong những ngành sản xuất chủ lực của Việt Nam như: dệt may, da giày, điện tử, công nghiệp chế biến nông sản...

Nhờ vậy, doanh nghiệp CNHT của Việt Nam đã phát triển cả về số lượng và chất lượng, cải thiện năng lực sản xuất và tham gia ngày càng sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Tính đến hết năm 2020, cả nước có khoảng 4.840 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực CNHT, cung cấp nguyên vật liệu, phụ tùng, linh kiện cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm cuối cùng trong các ngành ô tô, điện tử, cơ khí, dệt may, da giày.

Theo thống kê, số lượng doanh nghiệp hoạt động trong ngành CNHT hiện chiếm gần 4,5% tổng số doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, tạo việc làm cho hơn 600 nghìn lao động, chiếm 8% lao động toàn ngành chế biến, chế tạo. Doanh thu sản xuất, kinh doanh đạt hơn 900 nghìn tỷ đồng, đóng góp gần 11% tổng doanh thu toàn ngành chế biến, chế tạo. Tỷ lệ nội địa hóa của một số ngành công nghiệp tại Việt Nam đã được cải thiện. Cụ thể, đối với ngành điện tử gia dụng, tỷ lệ nội địa hóa là



CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ VIỆT NAM TRONG THÀNH TỰU VÀ THÁCH

Với sự ra đời và dần được hoàn thiện của nhiều cơ chế, chính sách về đẩy mạnh và phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ đã góp phần thúc đẩy lĩnh vực này phát triển. Số lượng và chất lượng của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam được cải thiện đáng kể, các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phần nào đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, năng lực tổ chức quản lý sản xuất và công nghệ kỹ thuật của phần lớn doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam còn hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy do dịch Covid-19, ngành công nghiệp hỗ trợ đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức để có thể đạt được mục tiêu đặt ra cũng như duy trì đà phát triển bền vững.

từ 30 - 35% nhu cầu linh kiện; điện tử phục vụ các ngành ô tô - xe máy đạt khoảng 40% - chủ yếu cho sản xuất xe máy. Với sản xuất, lắp ráp ô tô, một số dòng xe tỷ lệ nội địa hóa đạt tỷ lệ tới 55%...

Cơ cấu sản phẩm có sự dịch chuyển tích cực khi tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao và vừa của Việt Nam tăng lên đáng kể, tạo cơ sở hình thành một số tập đoàn công nghiệp tư nhân có quy mô lớn,



BỐI CẢNH MỚI THỨC

Thu Hòa

có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu qua chế biến trong tổng giá trị xuất khẩu tăng từ 65% năm 2016 lên 85% năm 2020; Tỷ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao tăng từ 44,3% năm 2016 lên 49,8% năm 2020.

Cùng với đó, các hoạt động thu hút đầu tư với sự tham gia của nhiều tập đoàn kinh tế lớn và công ty đa quốc gia hàng đầu tại Việt Nam, các doanh nghiệp trong nước cũng đã có bước phát triển, vươn lên mạnh mẽ. Đã hình thành và phát triển được các tập đoàn kinh tế lớn hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp cơ bản, vật liệu, cơ khí chế tạo... như: Viettel, Vingroup, Trường Hải, Thành Công, Hòa Phát..., tạo nền tảng cho CNHT, giúp Việt Nam từng bước tham gia sâu hơn vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Đặc biệt, các bộ, ngành đã phối hợp đẩy mạnh triển khai nhiều

chương trình, dự án hợp tác quốc tế trong lĩnh vực CNHT để mở rộng thị trường và nâng cao trình độ các doanh nghiệp CNHT Việt Nam. Cụ thể như: Dự án hợp tác với Samsung trong Chương trình phát triển nhà cung cấp; Chương trình đào tạo chuyên gia tư vấn Việt Nam trong lĩnh vực cải tiến sản xuất và chất lượng; Chương trình tư vấn cải tiến doanh nghiệp...

Bộ Công Thương đã triển khai thành lập 3 trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp tại 3 vùng kinh tế trọng điểm khu vực miền Bắc, miền Trung và miền Nam nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và CNHT đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ sản xuất thử nghiệm, nâng cao năng suất chất lượng, tạo giá trị gia tăng cũng như tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Tháng 6/2020, khai trương Hệ thống cơ sở dữ liệu các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và CNHT Việt Nam. Hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin này đã có hơn 3.600 doanh nghiệp triển vọng của Việt Nam trong các lĩnh vực như: cơ khí chế tạo, ô tô, điện tử, dệt may, da giày.

Các hỗ trợ trên đã giúp các doanh nghiệp trong ngành cải thiện năng suất và chất lượng sản

phẩm, góp phần đáp ứng nhu cầu cho sản xuất nội địa. Doanh nghiệp CNHT trong nước ngày càng tích cực áp dụng các tiêu chuẩn, công cụ quản lý hiện đại vào sản xuất, chế tạo. Hiện nhiều doanh nghiệp sản xuất linh kiện Việt Nam đã có năng lực khá tốt tại một số lĩnh vực như: sản xuất khuôn mẫu các loại; linh kiện xe đạp, xe máy; linh kiện cơ khí tiêu chuẩn; dây cáp điện; linh kiện nhựa - cao su kỹ thuật, săm lốp các loại. Các sản phẩm này đã đáp ứng được nhu cầu trong nước và được xuất khẩu.

Ngoài ra, một số doanh nghiệp CNHT đã có sự đổi mới, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiếp cận kỹ thuật công nghệ mới đảm bảo các tiêu chuẩn của các đối tác...

Khó khăn, thách thức trong bối cảnh mới

Mặc dù sự phát triển của CNHT thời gian qua đã đạt được một số thành tựu đáng khích lệ, song trong bối cảnh hội nhập và kinh tế toàn cầu đang gặp nhiều thách thức do đại dịch Covid-19 đã và đang khiến tất cả các ngành kinh tế, trong đó ngành công nghiệp của Việt Nam gặp nhiều khó khăn, thách thức. Nghị quyết 115/NQ-CP đã đặt mục tiêu, năm 2025, doanh nghiệp Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm CNHT có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng nội địa, chiếm 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. Hiện có khoảng 1.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 30%. Tuy nhiên, theo nhận định cho đến thời điểm hiện nay đây vẫn được coi là mục tiêu có nhiều

thách thức với ngành CNHT trong nước.

Báo cáo việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề nhiệm kỳ khóa XIV và một số Nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII lĩnh vực công thương của Chính phủ cho biết, năng lực tự cung ứng các sản phẩm CNHT trong nước còn nhiều bất cập; tỷ lệ nội địa hóa trong nhiều ngành công nghiệp còn thấp. Điển hình như đối với ngành dệt may: Hiện tỷ lệ nội địa hóa của các doanh nghiệp dệt may mới đạt khoảng 40%-45%. Tương tự với ngành da giày, nguyên phụ liệu chiếm tới 68%-75% trong cơ cấu giá thành sản phẩm giày dép, nhưng tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm này của doanh nghiệp Việt Nam hiện chỉ đạt 40%-45%. Thậm chí, với ngành điện tử tin học, viễn thông; điện tử chuyên dụng và các ngành công nghiệp công nghệ cao, tỷ lệ nội địa hóa còn thấp hơn nhiều, cụ thể lần lượt là 15% và 5%. Ngành điện tử của Việt Nam phụ thuộc rất lớn vào các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là Samsung. Hầu hết các linh kiện nội địa hóa đều do các doanh nghiệp FDI cung cấp. Mới chỉ có khoảng 35 doanh nghiệp Việt Nam là nhà cung cấp cấp 1 cho Samsung. Các doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu cung cấp vật tư tiêu hao, bao bì, in ấn... với giá trị cung ứng rất nhỏ so với nhu cầu linh kiện và phụ tùng của Samsung.

Bên cạnh đó, Bộ Công Thương cho biết, thực tế các sản phẩm CNHT trong nước chủ yếu vẫn là linh kiện và chi tiết đơn giản, với hàm lượng công nghệ trung bình và thấp, có giá trị nhỏ trong cơ cấu giá trị sản phẩm. Việt Nam chưa có các doanh nghiệp đứng đầu chuỗi sản xuất tầm cỡ khu vực và quốc tế đóng vai trò dẫn dắt phát triển và

lan tỏa trong ngành công nghiệp. Dung lượng thị trường trong nước còn nhỏ, chưa đảm bảo quy mô công suất sản xuất kinh tế đối với sản phẩm CNHT và gần như không có sản phẩm công nghiệp chủ lực, đủ khả năng cạnh tranh với sản phẩm nhập khẩu và thiếu sự chủ động về các vật liệu cơ bản. Trong khi đó, thị trường xuất khẩu phải chịu sự cạnh tranh gay gắt đặc biệt từ các đối thủ cạnh tranh.

Cùng đó, quy mô chủ yếu của các doanh nghiệp CNHT Việt Nam là nhỏ và siêu nhỏ nên đa số có trình độ công nghệ, quản lý thấp, nguồn nhân lực hạn chế... dẫn tới khó có thể đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của đối tác về tiêu chuẩn, chất lượng, giá thành, thời gian giao hàng...

Bên cạnh đó sự thiếu liên kết giữa các doanh nghiệp cũng đang kìm hãm sự phát triển của CNHT. Theo đó, các doanh nghiệp trong nước chưa tham gia được sâu vào hệ sinh thái và chuỗi giá trị của các doanh nghiệp đầu chuỗi và doanh nghiệp nước ngoài. Theo tổng hợp, trong số doanh nghiệp cung cấp cho các công ty của Nhật Bản tại Việt Nam, có 58,9% các doanh nghiệp là doanh nghiệp FDI có trụ sở tại Việt Nam và chỉ khoảng 13% nguồn dịch vụ, sản phẩm đầu mua tại địa phương được cung cấp bởi các doanh nghiệp Việt Nam.

Mối liên kết giữa các doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp nước ngoài, giữa các doanh nghiệp nhỏ và các doanh nghiệp lớn vẫn còn hạn chế. Cụ thể, trong ngành công nghiệp ô tô có 20 doanh nghiệp lắp ráp ô tô lớn đang hoạt động, chỉ có 81 nhà cung cấp cấp 1 và 145 nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3. Trong khi đó tại Thái Lan chỉ có 16 nhà lắp ráp ô tô lớn nhưng quốc gia này có tới 690 nhà cung

cấp cấp 1 và 1.700 nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3.

Ngoài ra, do phụ thuộc rất lớn vào nguồn cung cấp nguyên phụ liệu, linh kiện đầu vào nhập khẩu, đặc biệt là các ngành công nghiệp chủ lực, như: điện tử; dệt may; da giày - túi xách; sản xuất, lắp ráp ô tô... nên khi dịch bệnh Covid-19 bùng nổ tại các quốc gia cung ứng linh phụ kiện sản xuất chủ yếu cho Việt Nam, như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản..., các ngành công nghiệp đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc bảo đảm các yếu tố đầu vào sản xuất.

Một trong những thách thức, khó khăn khác cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất CNHT hiện nay là sự thiếu sự đồng bộ, nhất quán trong các quy định, chính sách áp dụng của các địa phương. Trong khi đặc trưng của CNHT có tính kết nối sản xuất theo chuỗi không phân biệt địa giới hành chính, song các địa phương áp dụng các chính sách, quy định khác nhau về giãn cách, kiểm soát lưu thông hàng hoá... điều này đã tạo thêm khó khăn cho doanh nghiệp trong duy trì hoạt động sản xuất, giao dịch, lưu thông hàng hoá...

CNHT vẫn luôn được xác định là lĩnh vực quan trọng, không chỉ tạo động lực thúc đẩy ngành công nghiệp trong nước phát triển, mà còn thúc đẩy thu hút đầu tư nước ngoài và nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu. Chính vì vậy, để tiếp tục tạo động lực thúc đẩy lĩnh vực CNHT trong nước phát triển, bên cạnh sự nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất của mỗi doanh nghiệp thì hệ thống cơ chế chính sách về CNHT cần được hoàn thiện và triển khai đồng bộ, hiệu quả hơn nữa, có như vậy CNHT mới có thể vượt qua những khó khăn, thách thức và phát triển bền vững./.



DOANH NGHIỆP VIỆT ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Minh Ngân

Doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài đạt hiệu quả tích cực

Trong những năm qua, bên cạnh việc mở rộng tiếp nhận nguồn vốn đầu tư nước ngoài, Việt Nam cũng ngày càng có nhiều doanh nghiệp đổ vốn đầu tư vào các dự án ngoài nước để mở rộng cánh cửa kinh doanh, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 7 tháng đầu năm 2021, tổng vốn đầu tư Việt Nam ra nước ngoài cấp mới và tăng thêm 570,1 triệu USD, tăng gần 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, có 28 dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, với tổng vốn đăng ký đạt 145,3 triệu USD, bằng 70,4% so với cùng kỳ và 11 lượt dự án điều chỉnh vốn đầu tư với tổng vốn tăng thêm là 424,8 triệu USD, tăng 9,1 lần so với cùng kỳ.

Về ngành nghề, trong 7 tháng các nhà đầu tư Việt Nam đã đầu tư ra nước ngoài ở 12 lĩnh vực, trong đó lĩnh vực hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ dẫn đầu với 3 lượt dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm là 270,8 triệu USD,

Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn tìm thấy cơ hội khi đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài. Theo các chuyên gia kinh tế, dư địa và tiềm năng thị trường quốc tế còn rất lớn cho các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh đầu tư vươn ra thị trường nước ngoài.

chiếm 47,5% tổng vốn đầu tư. Lĩnh vực bán buôn, bán lẻ đứng thứ 2, với tổng vốn đầu tư 148,6 triệu USD, chiếm 26,1%; tiếp theo là các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ,...

Về thị trường, các doanh nghiệp Việt Nam đã đầu tư vào 18 quốc gia, vùng lãnh thổ, trong đó, Mỹ là thị trường nhận vốn đầu tư nhiều nhất của các doanh nghiệp Việt Nam với 3 dự án đầu tư mới và 2 dự án điều chỉnh vốn, tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 302,8 triệu USD, chiếm 53,1% tổng vốn đầu tư. Đứng thứ hai là Campuchia với tổng vốn đầu tư 89,2 triệu USD, chiếm 15,6% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo lần lượt là Lào, Canada... với vốn đầu tư đạt 47,8 triệu USD và 32,1 triệu USD.

Lũy kế đến ngày 20/07/2021, Việt Nam đã có 1.423 dự án đầu tư ra nước ngoài còn hiệu lực, tổng vốn đầu tư là 21,8 tỷ USD. Lĩnh vực được doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài tập trung nhiều nhất là khai khoáng (36,3%); nông, lâm nghiệp, thủy sản (15,3%). Các địa bàn nhận đầu tư của Việt Nam nhiều nhất lần lượt là Lào (23,8%); Campuchia (13,1%); Nga (12,9%)...

9 tháng đầu năm 2021, tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và tăng thêm) đạt 572,3 triệu USD, tăng 32,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong 9 tháng đầu năm có 20 quốc gia và lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó Mỹ dẫn đầu với 302,8 triệu USD, chiếm 52,9% trong tổng vốn đầu tư. Tiếp nối các tập đoàn lớn của Việt Nam đang gặt hái thành công khi đầu tư ra nước ngoài như: Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel), Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk), Tập đoàn TH...,

Tập đoàn Vingroup và Công ty VitaDairy đã thổi thêm một "luồng gió" mới vào thị trường đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp Việt trong những tháng đầu năm 2021. Chỉ trong tháng 3/2021, Vingroup đã đóng góp lớn vào khoản đầu tư ra nước ngoài của Việt Nam khi đăng ký đầu tư 4 dự án ra nước ngoài và tăng vốn đầu tư ở Mỹ, Đức với tổng vốn đăng ký lên tới 448,5 triệu USD. Cụ thể, Vingroup có 3 dự án ở Pháp, Hà Lan và Canada, với vốn đầu tư mỗi dự án là 32 triệu USD. Một dự án ở Singapore, vốn đầu tư 20,5 triệu USD. Trong điều chỉnh tăng vốn cho dự án đầu tư, Vingroup đã mạnh tay đầu tư thêm 300 triệu USD vào dự án tại Mỹ và tăng vốn thêm 32 triệu USD vào dự án của Vinfast tại Đức. Hiện Vingroup đang đẩy nhanh chiến lược mở rộng hoạt động kinh doanh tại các thị trường trọng điểm như: Mỹ, Canada, Pháp, Hà Lan và Đức. Vingroup tập trung đầu tư vào lĩnh vực ô tô với mục tiêu từng bước đưa VinFast trở thành hãng ô tô điện thông minh toàn cầu. Cũng trong tháng 3/2021, Công ty VitaDairy đã chính thức công bố sở hữu trang trại bò sữa tại bang Tasmania (Australia). Trang trại hiện có 1.000 con bò sữa và đã bắt đầu cho sữa non để chuyển về Việt Nam sản xuất.

Đánh giá về bức tranh đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2021, các chuyên gia kinh tế cho rằng, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên thế giới nhưng số vốn đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam tăng lên cho thấy các nhà đầu tư Việt Nam vẫn nhìn thấy rất nhiều cơ hội ở bên ngoài. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam không

chỉ đầu tư vào những thị trường truyền thống quen thuộc mà còn đầu tư vào những thị trường lớn, có trình độ công nghệ, khoa học kỹ thuật cao như: Mỹ, Canada, châu Âu... Theo các chuyên gia đây là tín hiệu tốt, cho thấy chất lượng đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam đang dần được cải thiện. Bên cạnh đó, trình độ đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam cũng có sự chuyển biến về chất, khi lĩnh vực đầu tư chuyển hướng từ lĩnh vực nông nghiệp với giá trị gia tăng thấp sang lĩnh vực dẫn đầu là công nghệ tạo cơ hội lớn cho hoạt động liên kết, nhập khẩu công nghệ về ứng dụng phục vụ phát triển trong nước.

Nỗ lực đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt đã đạt được kết quả tích cực. Đơn cử, Viettel Global trong quý II có doanh thu thuần đạt 5.259 tỷ đồng, tăng mạnh 22% so với mức 4.321 tỷ đồng của cùng kỳ; lợi nhuận trước thuế đạt 1.194 tỷ đồng. Lũy kế 6 tháng đầu năm, Viettel Global có doanh thu hợp nhất đạt gần 9.900 tỷ đồng, tăng 15%; lãi gộp đạt 4.063 tỷ đồng, tăng gần 800 tỷ đồng; Vinamilk quý II/2021, các chi nhánh nước ngoài của Công ty đạt doanh thu thuần 859 tỷ đồng, tăng 12,8% so với cùng kỳ năm ngoái.

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn các rào cản khiến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong triển khai dự án tại nước ngoài như: Sự khác biệt về thị trường, rào cản ngôn ngữ, văn hóa, thủ tục pháp lý, biến động kinh tế, chính trị tại địa bàn đầu tư và việc không lường hết các rủi ro tiềm ẩn...

Thêm vào đó là tiềm lực tài chính của đại đa số các doanh nghiệp Việt Nam còn yếu; các doanh nghiệp

Việt Nam còn thiếu kinh nghiệm đầu tư ra nước ngoài; năng lực cạnh tranh, trình độ quản lý của các doanh nghiệp Việt Nam còn thấp; thiếu sự liên kết và hợp tác với nhau để hỗ trợ cùng phát triển...

Cơ hội đẩy mạnh đầu tư vươn ra thị trường nước ngoài

Để khuyến khích, tạo điều kiện, cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài, trong thời gian qua, nhiều chủ trương, chính sách về hoạt động doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài đã được Đảng và Nhà nước Việt Nam ban hành. Đến nay, hệ thống chính sách hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp Việt đầu tư ra nước ngoài ngày càng hoàn thiện, trong đó đáng chú ý là việc ban hành Luật Đầu tư (sửa đổi) có hiệu lực từ ngày 1/1/2021 đã có những sửa đổi, bổ sung tạo cơ hội thuận lợi thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động đầu tư ra nước ngoài giúp doanh nghiệp Việt Nam mở rộng đầu tư vốn, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng khả năng hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó để khắc phục những rủi ro trong hoạt động đầu tư ra nước ngoài, mới đây, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đã kiến nghị Chính phủ giao cơ quan chức năng rà soát, đánh giá xu hướng đầu tư ra nước ngoài đối với một số lĩnh vực kinh doanh bất động sản, đầu tư của cá nhân, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đầu tư ra nước ngoài để có giải pháp quản lý và xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Đồng thời, thúc đẩy đàm phán, sớm ký kết các hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư với các nước có nhiều hoạt động đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam hoặc đối tác tiềm năng nhằm tạo khuôn khổ pháp lý, thúc đẩy hợp tác đầu tư thuận lợi, an toàn và hiệu quả.

Sự phát triển nhanh của nền kinh tế Việt Nam với việc ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới thông qua việc tham gia ký kết hàng loạt các hiệp định song phương, đa phương, đang tạo tiền đề thuận lợi cho hoạt động đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp Việt.

Những năm qua, tiềm lực tài chính của các doanh nghiệp trong nước liên tục gia tăng. Những doanh nghiệp thành công trong đẩy mạnh đầu tư vươn ra thị trường nước ngoài đã ghi dấu ấn, nâng cao vị thế doanh nghiệp và hình ảnh quốc gia Việt Nam trên trường quốc tế. Mặt khác, các doanh nghiệp Việt Nam cũng đã thấy rõ lợi ích của việc đẩy mạnh đầu tư ra nước ngoài có thể giúp doanh nghiệp tìm được những kênh đầu tư sinh lời tốt và đem về Việt Nam những kinh nghiệm từ nước ngoài, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ, để đóng góp vào phát triển của đất nước. /.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 13)

Từng bước mở cửa nền kinh tế, tập trung nguồn lực khôi phục lại hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đây là yêu cầu cấp thiết để tránh tác động dài hạn đến động lực tăng trưởng của nền kinh tế, làm suy giảm, cạn kiệt sức chống chịu của doanh nghiệp, người dân trong bối cảnh dịch bệnh, giãn cách xã hội kéo dài.

Bốn là, tăng cường các biện pháp siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, rà soát, hoàn thiện các quy trình thủ tục, bảo đảm đơn giản, thuận tiện cho triển khai dự án đầu tư công và thực hiện giải ngân, mở rộng hợp tác công tư. Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tập trung cao độ hoàn thiện các thủ tục về đầu tư công. Chú trọng công tác đối thoại chính sách, xúc tiến đầu tư tại chỗ, nắm bắt tình hình, có biện pháp kịp thời, phù hợp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Năm là, theo dõi sát thị trường trong nước và quốc tế, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đối với hoạt động xuất, nhập khẩu. Để khắc phục tình trạng nhập siêu, cần có các chính sách khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu sử dụng nguyên liệu đầu vào trong nước. Tăng cường công tác quản lý xuất khẩu, nhập khẩu; hạn chế nhập khẩu các mặt hàng có nguồn cung trong nước dồi dào để vừa hỗ trợ sản xuất trong nước, vừa cải thiện tình hình nhập siêu. Tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ miễn, giảm các loại phí cho các doanh nghiệp chịu chi phí tăng cao trong quá trình vận chuyển, lưu thông hàng hóa.

Sáu là, theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, chủ động phương án phòng chống thiên tai, cảnh báo mưa lũ, sạt lở, tác động của hạn hán, xâm nhập mặn nhằm hạn chế tối đa thiệt hại tới sản xuất và cuộc sống của người dân. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm. Thực hiện tốt công tác trợ giúp đột xuất, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống. Tăng cường công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ. /.

(Trích Thông cáo báo chí về tình hình kinh tế - xã hội tháng 9 và quý III năm 2021 - TCTK)



THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ CON ĐƯỜNG ĐỂ NÔNG SẢN VƯỢT QUA ĐẠI DỊCH

TS. Trần Thị Minh Trâm
Đại học Công nghiệp Hà Nội

Hành trình đưa các mặt hàng nông sản lên sàn thương mại điện tử chính thức được khởi động vào năm 2019 khi Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công Thương) đã ký kết Thỏa thuận hợp tác chiến lược với Tổng công ty Bưu chính Viettel (Viettel Post - Sàn thương mại điện tử Voso) và Sàn thương mại điện tử Sendo để xây dựng “Gian hàng Việt trực tuyến Quốc gia” được thiết kế theo mô hình phân phối trực tiếp từ nhà sản xuất tới người tiêu dùng, nhằm hỗ trợ, phát triển sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt trên các sàn thương mại điện tử cũng như đẩy mạnh hơn việc triển khai Cuộc vận động “Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt Nam”. Chỉ qua một thời gian ngắn triển khai hoạt động kết nối thương mại điện tử ở các tỉnh, thành phố

như Hà Nội, Sơn La, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, TPHCM, Đồng Tháp, Sóc Trăng,... đến nay “Gian hàng Việt trực tuyến Quốc gia” đã có độ phủ khá rộng tại nhiều địa phương khác trên cả nước, với sự tham gia ngày một nhiều sàn thương mại điện tử uy tín như Tiki, Postmart, Shopee và Lazada với các hình thức triển khai khác nhau. Thông qua “Gian hàng Việt trực tuyến Quốc gia”, nhiều chương trình đã được tổ chức như “Ngày Đặc sản Sơn La”, “Ngày hội xứ Dừa - Quê hương Bến Tre”, “Phiên chợ nông sản Việt”, “Tuần lễ nông sản Việt”..., đã đưa hàng trăm tấn nông sản thực phẩm đến với người tiêu dùng.

Trong hơn 1 năm qua với sự hành hoành của dịch bệnh Covid-19, đặc biệt là làn sóng dịch bệnh lần thứ 4 diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương trên cả nước,

nhất là tại các tỉnh phía Nam, đã khiến cho nhiều sản phẩm nông sản rơi vào tình trạng ứ ứ, tồn đọng do khó khăn trong tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu. Số liệu báo cáo của Bộ Công thương tại Hội nghị trực tuyến kết nối tiêu thụ, xúc tiến xuất khẩu nông sản, thủy sản khu vực Nam Bộ và Tây Nguyên 2021 được tổ chức ngày 6/8 vừa qua đã phản ánh, tại 26 tỉnh, thành phố phía Nam, miền Trung Tây Nguyên và một số tỉnh phía Bắc có sản lượng nông sản, thủy sản và sản phẩm chăn nuôi đã lên tới gần 5 triệu tấn lúa, 3,7 triệu tấn rau củ, hơn 4 triệu tấn các loại trái (thanh long, sầu riêng, bơ, nhãn, dưa, xoài, bưởi, cà phê, ca cao), 120 ngàn tấn hải sản, 600 ngàn tấn thịt gà, khoảng 400 triệu quả trứng... với trị giá hàng hóa ước tính lên tới chục nghìn tỷ đồng đang rất cần

được tiêu thụ và hỗ trợ tiêu thụ trong bối cảnh thực hiện Chỉ thị 16. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cũng cho biết, hàng tồn kho nông sản hiện rất lớn, trong đó phần lớn nằm ở 17.000 hợp tác xã và trên 100 nghìn tổ hợp tác của cả nước trong lĩnh vực nông nghiệp.

Trong tình hình đó, việc đưa các mặt hàng nông sản lên sàn thương mại điện tử đã và đang là giải pháp hiệu quả, giúp ngành nông nghiệp và người dân tiêu thụ nông sản và vững vàng vượt qua đại dịch.

Với vai trò đầu mối của Bộ Công Thương về quản lý và phát triển thương mại điện tử, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (TMĐT&KTS) đã tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai Chương trình “Gian hàng Việt trực tuyến” Quốc gia, đưa chương trình này trở thành một “Siêu thị hàng Việt uy tín” để các nông sản Việt Nam đến tay người tiêu dùng trên cả nước. Đơn cử, vào tháng 5/2021, Cục TMĐT&KTS đã phối hợp sàn TMĐT Voso.vn (Vỏ sò), Tổng công ty Bưu chính Viettel (Viettel Post) hỗ trợ nông dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện Chương trình hỗ trợ tiêu thụ hàng tím Vĩnh Châu thông qua sàn TMĐT và chương trình “Gian hàng Việt trực tuyến”; Cục XTMM tiếp tục hợp tác cùng các sở, ngành địa phương đưa vài thiếu Thanh Hà của Hải Dương chính thức lên sàn TMĐT Lazada... Bên cạnh đó, Cục TMĐT&KTS đã và đang kết nối cùng các Bộ, ngành liên quan và các sàn thương mại điện tử hỗ trợ đào tạo, hướng dẫn phân phối sản phẩm nông sản địa phương ở các tỉnh, thành phố. Đặc biệt, để thích ứng với tình hình giãn cách xã hội, Cục đã nhanh chóng phối hợp với các sàn thương mại điện tử triển khai các chương trình đặt hàng nông sản, hàng thiết yếu, thực phẩm

tươi sống, tạo điều kiện mua sắm cho người dân trên các kênh trực tuyến với hàng loạt các chương trình: “Đi chợ tại nhà”, trên sàn thương mại điện tử Sendo; “Thực phẩm bình ổn” của ShopeeFarm; “Đi chợ Online” trên Lazada...

Bên cạnh những hoạt động hỗ trợ tiêu thụ nông sản trên của Cục TMĐT&KTS, để tạo bước đột phá trong kinh tế số nông nghiệp, trong tháng 7/2021 Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã ban hành Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT, phê duyệt Kế hoạch Hỗ trợ đưa các hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn. Kế hoạch này hướng tới mục tiêu đưa các hộ sản xuất nông nghiệp tham gia kết nối, quảng bá, giới thiệu sản phẩm, thêm kênh phân phối mới, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; hỗ trợ hộ đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên sàn thương mại điện tử; thúc đẩy tiêu thụ nhanh, tránh ứ đọng nông sản. Cùng với sự đồng hành của Postmart.vn của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam và voso.vn của Tổng Công ty cổ phần bưu chính Viettel, đến nay một số địa phương đã đạt được những kết quả khả quan bước đầu trong triển khai Kế hoạch 1034. Đơn cử như tại tỉnh Lạng Sơn, nhiều hộ gia đình đã tiên phong trong việc mở rộng kinh doanh trên nền tảng số. Tính đến ngày 10/8 Lạng Sơn đã tạo được 4.445 gian hàng, số ví điện tử/tài khoản thanh toán điện tử là 2.971, số đơn hàng 2.759 đơn, 3.500 loại sản phẩm, tổng doanh thu gần 519 triệu đồng. Những kết quả này là nền tảng để đạt được mục tiêu mà Bộ TTTT đề ra là cố gắng hết năm 2021, đưa 5 triệu hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử và từng bước

triển khai trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

Trước yêu cầu lớn kết nối tiêu thụ nông sản trong tình hình dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, vào cuối tháng 8 mới đây, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cũng đã cho ra mắt diễn đàn “Thông tin kết nối sản xuất và tiêu thụ nông sản”. Theo đó, diễn đàn sẽ thường xuyên tổ chức các “Chợ online kết nối nông sản”, xây dựng triển lãm nông sản ảo để tạo một không gian gian hàng 3D, 4D giúp giới thiệu hình ảnh các sản phẩm đến với người tiêu dùng. Trong kế hoạch dài hạn, diễn đàn sẽ tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn sản xuất, kinh doanh tiêu thụ nông sản; hoàn thiện hệ thống truyền thông đa phương tiện về cung - cầu nông sản; tổ chức định kỳ các diễn đàn thông tin kết nối; tập hợp thông tin dữ liệu khách hàng cung-cầu; hoàn thiện vận hành chợ online; hoàn thiện, vận hành triển lãm ảo. Thông tin chuyển đổi số, đẩy mạnh áp dụng mã số vùng trồng, tổ chức liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc, đảm bảo an toàn chất lượng nông sản.

Trong bối cảnh dịch bệnh như hiện nay, việc tham gia vào các sàn TMĐT rõ ràng không chỉ khuyến khích tinh thần “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, mà còn đã chứng minh đây là một trong những phương thức hỗ trợ hiệu quả cho các hộ nông dân trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, giảm các thiệt hại về kinh tế; cũng như tạo thêm một kênh phân phối mới, hiện đại và bền vững cho sản phẩm nông sản tiềm năng của các địa phương; tạo nên một không gian kinh doanh mở, định vị đúng giá trị thương hiệu, nâng cao giá trị sản phẩm, hình ảnh doanh nghiệp Việt Nam. Đồng thời mang lại cơ hội để đưa

sản phẩm nông sản chất lượng tốt đến tay người tiêu dùng trong phạm vi trong nước cũng như vươn tầm ra quốc tế và giúp cho người mua tìm kiếm, tiếp cận nhà cung cấp, sản phẩm thực phẩm sạch nhanh hơn với chi phí tiết kiệm hơn, hướng đến phát triển mục tiêu kép vừa phòng chống dịch, giữ an toàn sức khỏe toàn dân, vừa phục hồi và duy trì phát triển kinh tế - xã hội.

Sự góp mặt của các mặt hàng nông sản trên sàn TMĐT còn giúp người nông dân, HTX, DN nông nghiệp tăng cường sử dụng công nghệ, từng bước chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh nông sản. Ở một góc nhìn khác, thông qua các sàn TMĐT và nền tảng số cung cấp các thông tin hữu ích cho các hộ sản xuất nông nghiệp như thông tin thị trường nông sản, dự báo nhu cầu và năng lực sản xuất nông sản, thông tin thời tiết, mùa vụ, giống, phân... để xây dựng kế hoạch sản xuất hiệu quả.

Mặc dù thời gian qua việc đưa nông sản lên sàn TMĐT được các bộ, ngành quan tâm và nhận được sự hưởng ứng tham gia tích cực của nhiều doanh nghiệp, người dân, thế nhưng hiện sản lượng hàng nông sản tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử còn khiêm tốn. Theo số liệu của Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), tính đến đầu tháng 8 vừa qua cả nước mới chỉ có khoảng 8.000 hộ nông dân và 14,6 nghìn sản phẩm nông sản đã được đưa lên các sàn thương mại điện tử. Nếu so với mức tiêu thụ trực tiếp và mô hình kinh doanh truyền thống thì vẫn cần bước tiến mạnh mẽ hơn.

Các chuyên gia đánh giá trên thực tế việc đưa được sản phẩm nông sản lên sàn TMĐT không hề

đơn giản, do nhận thức của các DN, HTX và người nông dân đối với phương thức kinh doanh qua TMĐT còn hạn chế. Bên cạnh đó, hiện nay các sản phẩm nông nghiệp của Việt Nam có quá nhiều chủng loại, chất lượng không đồng đều cũng như chưa có sự minh bạch thông tin nguồn gốc hàng hóa. Quan trọng nhất các doanh nghiệp và người nông dân còn hạn chế về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có hiểu biết về công nghệ thông tin, quy trình và kỹ năng bán hàng, cách thức quảng bá trực tuyến, xây dựng hình ảnh sản phẩm và hình ảnh sản phẩm, doanh nghiệp... do phần lớn số họ có thói quen buôn bán qua thương lái.

Việc đẩy mạnh kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp qua các sàn TMĐT là giải pháp quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, chuyển đổi số ngành nông nghiệp nước ta. Bộ Công Thương cho biết trong thời gian tới sẽ tiếp tục phối hợp Sở Công Thương, Sở NN&PTNT các địa phương đánh giá sản lượng, nắm diễn biến thị trường để đưa ra kế hoạch tiêu thụ, tổ chức XTTM theo hình thức trực tuyến, hỗ trợ tiêu thụ nông sản cho nông dân.

Để đưa sản phẩm nông sản lên sàn TMĐT thì trước hết cần thiết từng bước tháo gỡ các nút thắt

trên và cần sự nỗ lực rất lớn các bộ ngành, các doanh nghiệp và của người nông dân. Các chuyên gia cho rằng, cần có chính sách ưu đãi cho hộ SXNN khi mua sắm các sản phẩm, nguyên liệu, vật tư đầu vào phục vụ sản xuất kinh doanh trên sàn TMĐT. Bên cạnh đó, từng địa phương cũng cần lên kế hoạch xây dựng sàn thương mại điện tử để phục vụ cho xuất khẩu. Môi trường thanh toán cho người nông dân cũng là một vấn đề đáng được quan tâm do tại một số tỉnh có tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh thấp, việc thực hiện thanh toán trực tuyến sẽ rất khó khăn.

Đối với các hộ sản xuất nông nghiệp là lực lượng chính để triển khai kinh tế số nông nghiệp, cần nâng cao nhận thức về lợi ích trong việc bán hàng và mua hàng trên sàn thương mại điện tử. Đồng thời, các doanh nghiệp, hợp tác xã, người nông dân cần được hướng dẫn, đào tạo kỹ năng số, kỹ năng tham gia hoạt động cũng như quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp trên môi trường số.

Thực hiện tốt các giải pháp trên thì việc đưa nông sản lên các sàn TMĐT sẽ giúp người nông dân vững vàng vượt qua đại dịch, ngành nông nghiệp nhanh chóng hồi phục sản xuất, tiêu thụ hàng hóa hậu Covid-19 và hòa mình vào dòng chảy chuyển đổi số quốc gia./.



THÚC ĐẨY DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Minh Linh

Việt Nam có hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển sôi động, là một trong những động lực thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) khởi nghiệp sáng tạo. Theo các chuyên gia, nếu biết nắm bắt cơ hội và thời cơ phát triển sẽ giúp thúc đẩy các DNNVV khởi nghiệp sáng tạo phát triển lớn mạnh trong tương lai.

Môi trường khởi nghiệp sáng tạo ngày càng hoàn thiện

Khởi nghiệp sáng tạo (KNST) ở Việt Nam được bắt đầu từ những năm 2004-2005. Đến nay, Việt Nam đã xây dựng được Hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia ngày càng hoàn thiện, với đầy đủ các thành tố quan trọng như: Các DN KNST, nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm, tổ chức hỗ trợ kinh doanh, vườn ươm, công viên nghiên cứu, mạng lưới các huấn luyện viên/tư vấn, các cơ sở/đơn vị hỗ trợ nghiên cứu và KNST tại các trường đại học, viện nghiên cứu... thuộc cả khối tư nhân và Nhà nước.

Các cơ chế pháp lý trong hỗ trợ và khuyến khích hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại Việt Nam cũng đã và đang dần được hoàn thiện. Đáng chú ý các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, quy trình đầu tư và thoái vốn dành cho nhà đầu tư nước ngoài đã được quy định ngày càng rõ ràng đưa Việt Nam trở thành điểm đến đầu tư hấp dẫn trong khu vực.

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động tới mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam, Chính



phủ đã và đang có những bước đi quyết liệt trong phát triển nền kinh tế số với việc triển khai khung pháp lý thử nghiệm (sandbox) cho các ngành nghề mới như: Công nghệ, tài chính (fintech) để kiến tạo nên môi trường hệ sinh thái KNST thuận lợi nhất và là nơi các DN đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, các nhà đầu tư có thể hợp lực tạo nên những đóng góp đáng kể cho nền kinh tế.

Ngoài ra, Việt Nam cũng đã xây dựng được cơ sở dữ liệu tương đối đồ sộ với nhiều nội dung phục vụ KNST trên cổng thông tin

khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia www.startup.gov.vn. Hàng năm, Bộ Khoa học & Công nghệ tổ chức “Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia” thu hút hàng trăm chuyên gia và nhà đầu tư tham gia với tổng giá trị kết nối đầu tư trong Ngày hội qua các năm lên đến cả chục triệu đô la Mỹ.

Với môi trường KNST phát triển rất sôi động, hoạt động KNST tại Việt Nam trong các năm 2016, 2017, 2018 đã ra đời nhiều DN KNST. Năm 2019 là năm đánh dấu tăng trưởng mạnh mẽ của khởi nghiệp

Việt Nam khi các thương vụ đầu tư công nghệ lớn đạt giá trị hơn 800 triệu USD. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, tổng giá trị đầu tư vào start-up công nghệ Việt Nam vượt qua cả Singapore. Năm 2020 chịu tác động của đại dịch Covid-19 trong khi nhiều mô hình kinh doanh gặp bất lợi, thì vẫn có nhiều dự án KNST thành công. Trong đó, nhiều dự án KNST trực tiếp giải quyết những nhu cầu bức thiết trong tình hình mới, ứng dụng những công nghệ mới như: Trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo tăng cường; công cụ dạy học/phòng học trực tuyến, khám bệnh trực tuyến... Đây là những giải pháp không chỉ đóng góp vào thực hiện phòng chống dịch bệnh Covid-19 mà còn giúp giải quyết nhiều vấn đề hữu ích trong cộng đồng khi thực hiện giãn cách xã hội trong phòng chống dịch Covid-19.

Kết quả đạt được trong hoạt động KNST những năm qua đã tạo niềm tin cho các nhà đầu vào tiềm năng của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Việt Nam. Năm 2020, theo đánh giá của Start-up Blink, hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam đứng ở vị trí 59 trên thế giới. Tính trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam nằm trong top 20-25 hệ sinh thái hàng đầu. Ngoài ra, các quỹ đầu tư mạo hiểm cũng đánh giá Việt Nam là thị trường ưu tiên hàng đầu tại Đông Nam Á trong năm 2021 và kỳ vọng Việt Nam sẽ trở thành thị trường đầu tư lớn trong khu vực, trên thế giới.

Thúc đẩy doanh nghiệp vừa và nhỏ khởi nghiệp sáng tạo

Cách mạng công nghiệp đang diễn ra mạnh mẽ, được xem là cơ hội để Việt Nam vươn lên trong phát triển kinh tế, trong đó các DNNVV KNST đóng vai trò quan

trọng trong đẩy nhanh quá trình chuyển giao ứng dụng và phát triển các công nghệ tiên tiến. Đặc biệt là tiên phong trong ứng dụng các giải pháp sáng tạo và công trình khoa học công nghệ.

Hiện, DNNVV đang đứng trước cơ hội lớn có sự đồng hành của Chính phủ, sự quan tâm của các nhà đầu tư - định chế tài chính, sự hỗ trợ của hệ sinh thái khởi nghiệp đang phát triển sôi động. Để nắm bắt cơ hội thúc đẩy DNNVV KNST, những năm qua Chính phủ đã ban hành hàng loạt các chính sách hỗ trợ đã và đang đem lại hiệu quả thiết thực trong thúc đẩy DNNVV KNST. Cụ thể, năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 38/2018/NĐ-CP quy định chi tiết về đầu tư cho DNNVV KNST. Kết quả sau 3 năm triển khai, cả nước có 7 quỹ đầu tư KNST tư nhân thành lập với số vốn điều lệ 5,91 tỷ đồng; 38 tỉnh có chương trình, đề án hỗ trợ DNNVV KNST.

Ngày 10/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2019/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển DNNVV. Theo đó, Quỹ thực hiện chức năng cho vay, tài trợ, hỗ trợ tăng cường năng lực cho DNNVV trong đó quy định một số ưu đãi đối với DN KNST gồm: Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; hợp đồng tư vấn về xây dựng và thực hiện chính sách, chiến lược hoạt động sở hữu trí tuệ; hợp đồng tư vấn về thiết kế, đăng ký bảo hộ, khai thác và phát triển giá trị của nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế; Hỗ trợ từ 50-100% giá trị hợp đồng hoặc phí thử nghiệm trong việc thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm mới, mô hình kinh doanh mới; Hỗ trợ 50%



chi phí hợp đồng ứng dụng công nghệ cao, hợp đồng chuyển giao công nghệ nhưng không quá 100 triệu đồng trên một hợp đồng và không quá một hợp đồng mỗi năm; Hỗ trợ từ 50-100% chi phí liên quan đến đào tạo, thông tin, xúc tiến thương mại, thương mại hóa...

Mới đây, Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV trong đó quy định hỗ trợ DNNVV KNST với tổng số tiền đến hàng trăm triệu đồng mỗi năm. Theo Tổng cục Thống kê, 8 tháng đầu năm 2021, cả nước có 85,5 nghìn DN tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 24,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trung bình mỗi tháng có gần 10,7 nghìn DN rút lui khỏi thị trường. Đa số các DN gặp khó khăn thuộc khối DNNVV. Do đó việc ban hành Nghị định số 80/2021/NĐ-CP trong bối cảnh Việt Nam phải đối mặt với làn sóng Covid-19 lần thứ tư bùng phát mạnh và thực hiện các đợt giãn cách liên tiếp khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của



DN bị ảnh hưởng nặng nề được kỳ vọng sẽ sớm tạo lực đỡ chính sách, giúp các DN trụ lại thương trường và tìm cơ hội phát triển trong thời gian tới.

Ngoài ra, nâng cao chất lượng hoạt động hỗ trợ DNNVV KNST, Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) có Quyết định số 1468/QĐ-BKH&CN ban hành Kế hoạch triển khai Thông tư số 07/2020/TT-BKH&CN của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn việc thành lập cơ sở ương tạo DNNVV, cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV, khu làm việc chung hỗ trợ DNNVV KNST.

Theo Báo cáo “Bức tranh khởi nghiệp sáng tạo ở Việt Nam 2019” do Cơ quan Thương mại và Đầu tư của chính phủ Australia (Austrade) công bố, Việt Nam là nước đứng thứ 3 trong Đông Nam Á về số lượng DN khởi nghiệp, Top 20 nền kinh tế có tinh thần khởi nghiệp dẫn đầu thế giới. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong giai đoạn năm 2016-2019, Việt Nam có hơn 120.000 DN thành lập mới mỗi năm, tăng gấp 1,6 lần so với giai đoạn 2011-2015. Riêng trong 2 năm 2018-2019, số DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chiếm đa số trong số các DN đăng ký thành lập mới.

Việt Nam đặt mục tiêu đến năm 2030 có 100.000 DN công nghệ số. Việt Nam cũng đã khởi công xây dựng Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia, đặt mục tiêu tạo đột phá trong thực hiện thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo ra nhiều sản phẩm “Make in Vietnam”.

Tuy nhiên, bên cạnh những cơ hội trong hoạt động KNST của các DNNVV, thời gian qua các DNNVV KNST vẫn còn gặp những khó khăn như: Hạn chế về vốn, cơ sở vật chất, kỹ năng quản trị, điều hành kinh doanh, xúc tiến, quảng bá phát triển, khả năng đáp ứng các thủ tục hành chính cần thiết; Tại địa phương chủ yếu là DN siêu nhỏ, nhỏ và vừa, khởi nghiệp theo phương thức truyền thống, tự tạo, tự lập; Việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ chưa mạnh mẽ, sức cạnh tranh của sản phẩm chưa hiệu quả, sự tăng trưởng chưa nhanh và mạnh; DN mới thành lập chưa chủ động tìm và thu hút các nguồn đầu tư cho DN; Hoạt động trao đổi, liên kết hợp tác giữa các DN KNST trong nước và nước ngoài chưa cao; chính sách thuế hiện hành chưa có sự phân biệt giữa các DN KNST với DN thông thường.

Chính vì vậy, trong thời gian tới, để thúc đẩy DNNVV KNST cần tập trung vào các giải pháp như:

Về phía các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục xây dựng các chính sách vĩ mô hỗ trợ DNNVV tiếp cận được với nguồn vốn tín dụng; thực hiện triệt để và kiên trì các giải pháp hỗ trợ lãi suất, tạo điều kiện thuận lợi cho DNNVV có thể tiếp cận được sự hỗ trợ của Chính phủ.

Các tổ chức tín dụng cần thiết kế các sản phẩm cho vay đặc thù phù hợp với đối tượng khách hàng là DNNVV theo từng nhóm ngành nghề để có các giải pháp

đáp ứng yêu cầu khách hàng được linh hoạt. Cải tiến, đơn giản hóa quy trình cho vay, yêu cầu thông tin cung cấp phù hợp với thực tế và có tư vấn, hướng dẫn chi tiết để các DNNVV có thể dễ dàng nắm bắt và thực hiện.

Hiệp hội DNNVV Việt Nam cần chủ động, tích cực hơn nữa trong việc tham gia các chương trình, dự án của các bộ, ngành, địa phương đang triển khai thực hiện để hỗ trợ tốt hơn cho DN hội viên; đặc biệt là các chương trình hỗ trợ DN chuyển đổi số, áp dụng nền tảng công nghệ 4.0.

Về phía các DNNVV KNST

Cần nắm bắt được các cơ hội lớn từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 giúp các DN Việt Nam có thể đi tắt đón đầu, vươn lên mạnh mẽ, tạo ra những cú hích quan trọng nhằm đạt được những bước phát triển vượt bậc. Đồng thời cần phải tập trung vào những kế hoạch, chiến lược, những giải pháp trọng tâm, trọng điểm mang lại hiệu quả cao.

Năng động, sáng tạo, chủ động triển khai tìm kiếm nguồn vốn từ các quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khác, ngân hàng, công ty tài chính, các định chế tài chính; các thị trường vốn; Tích cực tham gia các hiệp hội DN để tiếp cận thông tin về các chính sách, chương trình hỗ trợ đối với DNNVV của Chính phủ, Nhà nước cũng như các tổ chức tín dụng.

Chủ động nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động, thiết lập hệ thống quản lý, quản trị DN tốt ngay từ khi bắt đầu hình thành bước đầu của quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường; Tăng cường áp dụng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ mới, tiên tiến hiện đại./.



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHO ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, MIỀN NÚI GÓC NHÌN TỪ CHÍNH SÁCH

TS. Đặng Quang Trung

Đại học Lao động - Xã hội

Những năm qua, Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm, ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách... nhờ vậy chất lượng giáo dục của các trường học, trường dạy nghề ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước được cải thiện và nâng lên. Hầu hết trẻ em trong độ tuổi được đến trường, học sinh dân tộc thiểu số được học tiếng phổ thông, học văn hóa, được giao lưu và tiếp cận thông tin, khoa học kỹ thuật. Đây là những kết quả tích cực cho thấy chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo nhằm đảm bảo sự công bằng, đoàn kết của các dân tộc trên mọi miền tổ quốc.

Nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi (DTTS) được ban hành và triển khai đồng bộ

Thời gian qua, trên cơ sở chủ trương, đường lối đúng đắn, kịp thời của Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã có những chính sách phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cho đồng bào DTTS. Trong đó, hệ thống chính sách phát triển giáo dục đối với vùng DTTS và miền núi đã được ban hành khá đầy đủ cho các nhóm đối tượng học sinh và giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục.

Các chính sách cho học sinh, sinh viên vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm chính sách học bổng; miễn giảm học phí; trợ cấp xã hội, hỗ trợ học tập; chính sách ưu tiên tuyển sinh vào đại học, cao đẳng; chính sách phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người; chính sách tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh vùng DTTS, triển khai thực hiện chế độ cử tuyển.

Về chính sách miễn, giảm học phí, trợ cấp xã hội: Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Nghị định số 145/2018/NĐ-CP ngày 16/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP. Theo đó, trẻ em học mẫu giáo và học sinh là người DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được giảm học phí 70%. Sinh viên ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn tập trung được trợ cấp 140.000 đồng/tháng.

Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được triển khai theo tinh thần Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên các DTTS rất ít người. Theo đó, hỗ trợ học tập đối với trẻ em, học sinh, sinh viên 16 DTTS rất ít người (có số dân dưới 10.000 người) học tại các cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học sơ sở, trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông dân tộc nội trú, tùy từng đối tượng, được hưởng chính sách hỗ trợ về học tập hằng tháng từ 30% đến 100% mức lương tối thiểu chung.

Theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên đối với sinh viên là

người DTTS (thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước), thi đỗ vào học đại học, cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng.

Đối với sinh viên thực hiện chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân được hưởng học bổng bằng 80% mức lương tối thiểu chung/sinh viên/tháng và được hưởng 12 tháng/năm, hỗ trợ thiết bị, hiện vật bằng 50% mức lương tối thiểu/SV trong suốt thời gian học tập.

Về học bổng, theo Quyết định số 82/2006/QĐ-TTg ngày 14/4/2006 và Quyết định số 152/2007/QĐ-TTg ngày 14/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường dự bị đại học được hưởng học bổng bằng 80% mức lương tối thiểu chung/học sinh/tháng và được hưởng 12 tháng/năm.

Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 09/5/2018 của chính phủ quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non. Theo đó, trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi đi học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc các xã biên giới, núi cao, hải đảo và các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được hỗ trợ 10% mức lương cơ sở/trẻ/tháng (một năm học 9 tháng) để duy trì bữa ăn trưa tại trường.

Học sinh bán trú cấp tiểu học, trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông là người DTTS ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhà ở xa trường, không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày được hỗ trợ tiền ăn (40% mức lương tối thiểu chung) và tiền nhà ở (10% mức

lương tối thiểu chung), hỗ trợ 15 kg gạo/tháng/học sinh theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn.

Học sinh trường PTDTNT, trường dự bị đại học còn được hưởng các chế độ hỗ trợ khác như: hỗ trợ tiền tàu xe nghỉ hè hoặc nghỉ tết; học phẩm; tiền điện nước, bảo hiểm y tế...

Về chính sách đối với đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục công tác tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn gồm có các chính sách về phụ cấp như: Phụ cấp ưu đãi, phụ cấp thu hút, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp vận chuyển mua nước ngọt và sạch, phụ cấp lưu động và một số phụ cấp khác; trợ cấp chuyển vùng, trợ cấp lần đầu, trợ cấp học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; chính sách dạy và học tiếng nói, chữ viết DTTS, trợ cấp một lần khi chuyển công tác ra khỏi vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn hoặc nghỉ hưu.

Ngoài các chính sách nhằm hỗ trợ học sinh, sinh viên, người làm công tác giáo dục tại các vùng đồng bào DTTS, Đảng, Nhà nước còn quan tâm đầu tư cơ sở vật chất phục vụ giáo dục vùng đồng bào DTTS. Cụ thể, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng DTTS, vùng khó khăn giai đoạn 2016-2020 với mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ bản và trang thiết bị cho các trường PTDTNT với tổng mức vốn là 641,707 tỷ đồng, bao gồm: nguồn vốn đầu tư phát triển trung ương là 401,696 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn nhưng không vượt quá 1.100 tỷ đồng); Hỗ trợ trang thiết

bị, sửa chữa, cải tạo nâng cấp, mở rộng các hạng mục thiết yếu của các trường PTDTBT và các trường/điểm trường tiểu học, trung học cơ sở công lập có học sinh bán trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Trung ương và địa phương...

Có thể thấy, với việc triển khai đồng bộ nhiều chính sách xã hội, nhất là các chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục vùng đồng bào DTTS đã mang lại nhiều chuyển biến tích cực trong giáo dục và đào tạo cho con em DTTS. Theo đó, mạng lưới, quy mô trường lớp được củng cố, phát triển từ cấp học mầm non, phổ thông đến cao đẳng, đại học, đáp ứng được nhu cầu học tập của con em đồng bào DTTS.

Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục cho đồng bào DTTS

Tại Việt Nam, trong mỗi thời kỳ phát triển của đất nước, thế hệ trẻ cả nước nói chung, thế hệ trẻ DTTS nói riêng luôn được tạo những điều kiện thuận lợi nhất để phát triển cả về thể lực, trí lực và tâm lực. Đây là tiền đề quan trọng để giáo dục vùng DTTS và miền núi tiếp tục đạt được những thành tựu đột phá trong giai đoạn mới. Chính vì vậy, để tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục vùng đồng bào DTTS, trong thời gian tới, Chính phủ sẽ tiếp tục rà soát việc ban hành các cơ chế chính sách phân định vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển; phân định các đơn vị hành chính xã, huyện, tỉnh là những đơn vị hành chính thuộc vùng miền núi, vùng cao bảo đảm không bị chồng chéo. Sớm ban hành nghị định mới hợp nhất các văn bản quy định chế độ đãi ngộ, tránh việc triển khai chính sách chồng

chéo, bất cập giữa các nghị định Chính phủ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong ngành giáo dục đang công tác tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo hướng quy định rõ ràng, hợp lý về đối tượng, địa bàn, định mức cụ thể.

Dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo, các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương sẽ quy hoạch phát triển hợp lý các trường PTDTNT, đẩy mạnh phát triển mạng lưới trường PTDTBT. Quan tâm quy hoạch, đầu tư hệ thống trường dự bị đại học dân tộc ở 3 vùng: Trung du, miền núi phía Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

Từng bước triển khai đào tạo hệ dự bị đại học tại Học viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc để đào tạo đại học chuyên ngành bác sĩ, dược sĩ, kỹ sư công nghệ thông tin, chế biến nông, lâm sản... cho vùng DTTS hiện đang còn thiếu nhân lực.

Đổi mới căn bản phương thức cử tuyển học sinh DTTS học đại học theo hướng: học sinh DTTS rất ít người, học sinh nhóm DTTS có tỷ lệ tốt nghiệp đại học/dân số dưới 1% phải trải qua học dự bị đại học hệ 1 năm hoặc 2 năm để đạt mặt bằng kiến thức chung trước khi học đại học, nhằm nâng cao chất lượng đầu vào, làm cơ sở nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho vùng DTTS và miền núi.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp để giữ vững thành quả phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ, phổ cập trung học cơ sở đúng độ tuổi.

Bên cạnh đó, gia tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước

để đầu tư xây dựng phòng học các cấp, phần đầu đạt 95% phòng học hệ phổ thông ở vùng DTTS và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được kiên cố hóa.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cho biết, mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vùng đồng bào DTTS hiện đã được đưa vào Dự án 5 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi giai đoạn 2021 - 2030. Trong Dự án này, có tiểu dự án: "Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường PTDTNT, PTDTBT và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS". Trong đó, phần đầu đến 2030, 100% số trường PTDTNT, PTDTBT được đầu tư xây dựng kiên cố phục vụ việc giảng dạy, học tập và các công trình phụ trợ đáp ứng tốt việc nuôi dưỡng, chăm sóc, sinh hoạt của học sinh nội trú, bán trú. Phần đầu trên 90% người dân vùng đồng bào DTTS từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo chữ phổ thông...

Với sự nỗ lực và những giải pháp căn cơ, cụ thể cùng những chính sách phù hợp, đồng bộ, tin tưởng rằng giáo dục và đào tạo cho đồng bào DTTS sẽ phát triển lên tầm cao mới; tạo cơ hội để có nhiều hơn nữa học sinh người DTTS được bảo đảm điều kiện sinh hoạt và học tập tốt hơn, bảo đảm theo đúng tinh thần nhất quán của Đảng, Nhà nước: "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân". Trong đó, đối với vùng DTTS, giáo dục và đào tạo là cơ sở quan trọng để thực hiện chính sách "Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc"/.

AN GIANG:

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

ThS. Trương Văn Tấn
Cục Thống kê tỉnh An Giang

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo kinh tế xã hội của tỉnh, trong 5 năm qua nền kinh tế của Tỉnh luôn đạt mức tăng trưởng khá, từng bước dịch chuyển sang chiều sâu. Bình quân giai đoạn 2016-2019, tốc độ tăng GRDP đạt 5,26%/năm, cao hơn 0,28 điểm phần trăm so với mức tăng bình quân giai đoạn 2011-2015. Năm 2020 dù chịu tác động của dịch Covid-19 làm gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh song nền kinh tế Tỉnh vẫn duy trì tăng trưởng dương 2,46%... Tuy nhiên, bình quân giai đoạn 2016-2020 tốc độ tăng GRDP chỉ đạt 4,52%/năm, thấp hơn 0,46 điểm phần trăm so với mức tăng bình quân giai đoạn 2011-2015.

Xét theo khu vực kinh tế, giai đoạn 2016-2020 khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản tăng bình quân 2,02%/năm; Khu vực công nghiệp, xây dựng tăng khá cao, bình quân 7,76%/năm. Khu vực dịch vụ, giai đoạn 2016-2019

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ XI đặt mục tiêu giai đoạn 2020-2025 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 05 năm của tỉnh phải đạt từ 6,5% - 7%. Trong bối cảnh phải thực hiện “mục tiêu kép” là vừa phòng chống dịch, vừa phát triển kinh tế thì đánh chất lượng tăng trưởng kinh tế là rất cần thiết nhằm rút kinh nghiệm và đưa ra giải pháp phát triển phù hợp trong thời gian tới.

đều có tốc độ tăng khá cao, trung bình 6,7%/năm, trong đó năm 2016 cao nhất đạt 7,08%,... riêng năm 2020 do chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên khu vực dịch vụ có tốc độ tăng thấp nhất đạt 1,48% khiến bình quân giai đoạn 2016-2020 chỉ đạt 4,95%/năm...

Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, quy mô nền kinh tế cũng dần được mở rộng qua các năm, GRDP năm 2020 đạt 88,76 ngàn tỷ đồng, tăng gấp 1,36 lần so quy mô GRDP năm 2016 và gấp 2,65 lần so quy mô GRDP năm 2010. Bình quân giai đoạn 2016-2020, GRDP đạt 77,61 ngàn tỷ đồng, tăng gấp 1,58 lần so quy mô GRDP bình quân giai đoạn 2010-2015. Tốc độ tăng GRDP bình quân đầu người cũng tăng nhanh qua các năm: Năm 2020 đạt 46,60 triệu đồng/người, tăng gấp 1,41 lần năm 2016 và tăng gấp 2,95 lần năm 2010.

Cơ cấu kinh tế của Tỉnh cũng có sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng tích cực: Tỷ trọng trong GRDP của khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch tăng dần, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản thì giảm dần. Năm 2020, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 35,72% trong GRDP, giảm 11,26 điểm phần trăm so với năm 2010; khu vực công nghiệp,



xây dựng chiếm 14,37%, tăng 1,93 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chiếm 46,25%, tăng 8,97 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,66%, tăng 0,36 điểm phần trăm so với năm 2010.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế không chỉ diễn ra giữa các khu vực kinh tế mà còn có xu hướng chuyển đổi tích cực trong nội bộ từng khu vực kinh tế. Đồng thời, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng đã tác động rõ rệt vào nền kinh tế. Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tỷ trọng ngành nông nghiệp từ 40,49% năm 2010 đã giảm xuống 34,78% năm 2015 và 29,16% năm 2020. Sản xuất nông nghiệp có sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi hiệu quả từ giá trị kinh tế thấp sang giá trị kinh tế cao và được điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế sản xuất của địa phương gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ.

Ngành công nghiệp tái cơ cấu theo hướng gia tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, trị giá xuất khẩu lớn và nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới sự phát triển bền vững. Nổi bật, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có tỷ trọng đóng góp vào GRDP tăng dần qua các năm: Nếu năm 2015 giá trị tăng thêm công nghiệp chế biến, chế tạo đóng góp vào GRDP là 6,61% thì đến năm 2020 đóng góp vào GRDP là 8,43%, tăng 1,82 điểm phần trăm so với năm 2015.

Các năm gần đây, khu vực dịch vụ trở thành động lực thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng. Tái cơ cấu ngành dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung phát triển cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm có năng lực cạnh tranh; phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học,

công nghệ cao như công nghệ thông tin, truyền thông, tài chính, ngân hàng, du lịch và thương mại điện tử, y tế, giáo dục. Năm 2015 tỷ trọng các ngành dịch vụ chiếm 43,99%, tăng 6,71 điểm phần trăm so năm 2010; năm 2020 tỷ trọng các ngành dịch vụ chiếm 46,25%, tăng 2,26 điểm phần trăm so năm 2015. Nhìn chung giai đoạn 2016-2019, các ngành dịch vụ luôn có tốc độ tăng giá trị tăng thêm bình quân đạt khá, cụ thể như vận tải kho bãi tăng 9,54%/năm, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 6,85%/năm, hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 6,75%/năm... Tuy nhiên, năm 2020 do tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đã khiến tốc độ tăng giá trị tăng thêm các ngành dịch vụ giai đoạn 2016-2020 thấp hơn giai đoạn 2016-2019.

So với vùng ĐBSCL, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của An Giang diễn ra với tốc độ nhanh hơn. Sau 10 năm, cơ cấu khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản của An Giang chuyển dịch giảm 11,3 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp, xây dựng chuyển dịch tăng 2,2 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ chuyển dịch tăng 9,0 điểm phần trăm. Trong khi vùng ĐBSCL khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ giảm 5,6 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp, xây dựng tăng 6,0 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 2,2 điểm phần trăm.

Chất lượng tăng trưởng kinh tế

Lực lượng lao động qua đào tạo tăng lên làm cho năng suất lao động cũng có sự cải thiện đáng kể theo hướng tích cực, tăng dần qua các năm. Theo giá hiện hành, năm 2020 đạt 92,23 triệu đồng/lao động, cao gấp 1,56 lần so năng suất lao động năm 2016 (58,98 triệu đồng/lao động) và tăng gấp

3,29 lần năng suất lao động năm 2010 (28,07 triệu đồng/lao động). Tính bình quân giai đoạn 2016-2020 năng suất lao động đạt 75,76 triệu đồng/lao động, cao gấp 1,81 lần bình quân giai đoạn 2010-2015 (đạt 41,89 triệu đồng/lao động).

Tuy nhiên năng suất lao động có sự chênh lệch rất rõ rệt giữa các khu vực kinh tế. Khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản có năng suất lao động tăng cao nhất trong ba khu vực kinh tế: Năm 2020 đạt 102,65 triệu đồng/lao động, tăng 2,54 lần so năng suất lao động năm 2010 là 40,40 triệu đồng/lao động. Bình quân giai đoạn 2016-2020, khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản có năng suất lao động là 82,23 triệu đồng/lao động, tăng 1,8 lần so với giai đoạn 2011-2015.

Khu vực dịch vụ có năng suất lao động năm 2020 đạt 99,21 triệu đồng/lao động, tăng gấp 3,25 lần so năng suất lao động năm 2010 (30,55 triệu đồng/lao động). Năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 là 78,86 triệu đồng/lao động, cao gấp 1,8 lần so giai đoạn 2011-2015 (43,86 triệu đồng/lao động).

Khu vực công nghiệp, xây dựng có năng suất lao động bình quân giai đoạn 2016-2020 là 47,25 triệu đồng/lao động, cao gấp 1,43 lần năng suất lao động bình quân 2011-2015 (32,94 triệu đồng/lao động). Tuy nhiên giai đoạn 2016-2020, bình quân năng suất lao động khu vực công nghiệp, xây dựng thấp hơn khá nhiều so khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; và dịch vụ. Đây chính là thách thức mà địa phương cần phải giải quyết để nâng cao năng suất lao động của toàn nền kinh tế.

Trong nhiều năm qua, việc huy động được nguồn vốn lớn đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng. Theo giá hiện hành,

tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 đạt 78,09 ngàn tỷ đồng, cao gấp 1,32 lần so với giai đoạn 2010-2015 (59,11 ngàn tỷ đồng). Nếu giai đoạn 2010-2015, tỷ lệ vốn đầu tư trên địa bàn so với GRDP bằng 20,05% thì đến giai đoạn 2016-2020 tỷ lệ này tăng lên 20,12%.

Bình quân tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 là 10,91%/năm, cao hơn 10,44 điểm phần trăm so bình quân giai đoạn 2011-2015. Song thấp hơn 1,61 điểm phần trăm so giai đoạn 2016-2019 khi nền kinh tế chưa chịu ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19 (12,05%). Giai đoạn 2016-2020 khu vực dịch vụ có bình quân tốc độ tăng vốn đầu tư cao nhất với 28,49%/năm; tiếp theo, khu vực công nghiệp và xây dựng có bình quân tốc độ tăng vốn đầu tư là 18,70%/năm; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vốn đầu tư bình quân thấp, 5,16%/năm.

Bình quân tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 đã cho thấy việc cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo xu hướng tích cực nhưng còn hạn chế do lợi thế sản xuất nông nghiệp chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Vì vậy, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản cần được tiếp tục đầu tư nguồn lực, hỗ trợ về chính sách hướng tới nông nghiệp công nghệ cao gia tăng chuỗi giá trị. Đối với khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ luôn có tỷ trọng vốn đầu tư lớn thì cần tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng chuỗi cung ứng sản xuất của thị trường. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh hình thành các khu công nghiệp hỗ trợ theo cụm liên kết chuỗi ngành hàng. Tập trung đầu tư

vào phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng và thế mạnh như kinh tế biên mậu, dịch vụ thương mại,... Bên cạnh đó, thực hiện phát triển có hiệu quả chương trình du lịch, đầu tư cho ngành du lịch để tạo chuyển biến mạnh mẽ, biến du lịch và thương mại thành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Hội nhập kinh tế thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa ngày càng phát triển, tuy nhiên năm 2020 do ảnh hưởng của dịch covid -19 khiến cả giai đoạn 2016-2020 tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa chỉ đạt 4.955 triệu USD, giảm 15,18% so với giai đoạn 2010-2015, tốc độ tăng bình quân giai đoạn 2016-2020 là 3,10%/năm. Trong đó, nhập khẩu hàng hóa tăng lên đạt 774 triệu USD (bình quân 155 triệu USD/năm), tăng 5,91% so với giai đoạn 2010-2015, nhưng xuất khẩu hàng hóa chỉ đạt 4.181 triệu USD (bình quân 836 triệu USD/năm), giảm 18,20%.

Cũng trong năm 2020, lợi thế cạnh tranh một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực giảm làm cho kim ngạch xuất bị sụt giảm. Nếu bình quân tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giai đoạn 2010-2015 là 3,77%/năm thì đến giai đoạn 2016-2020 bình quân tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá còn 3,28%/năm, giảm 0,49 điểm phần trăm so giai đoạn 2010-2015. Trong giai đoạn 2016-2020, đối với hai mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh (gạo, thủy sản) chỉ có mặt hàng gạo duy trì được tốc độ tăng trưởng bình quân là 4,34%/năm, còn mặt hàng thủy sản có tốc độ tăng trưởng âm, bình quân giảm 2,0%/năm.

Thị trường xuất khẩu giai đoạn 2016-2020 tiếp tục được duy trì với các thị trường truyền thống trong khu vực Châu Á như các nước thuộc khối ASEAN

(chiếm khoảng 9,85%), Trung Quốc (chiếm khoảng 35,1%), Nhật Bản (chiếm khoảng 7,0%), Hàn Quốc (chiếm khoảng 5,0%), Hoa Kỳ chiếm khoảng 12,22%, EU chiếm khoảng 10,12% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

Về nhập khẩu, hoạt động gia công các mặt hàng may mặc tăng làm cho kim ngạch nhập khẩu cũng tăng lên. Giai đoạn 2016-2020 tổng kim ngạch nhập khẩu qua các năm đạt 774 USD, tăng 5,91% so giai đoạn 2010-2015 (730 triệu USD). Trong đó mặt hàng vải có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất các loại đạt 269,8 triệu USD, chiếm 34,87% tổng kim ngạch nhập khẩu và tăng 33,55% so giai đoạn 2010-2015.

Mặc dù, kim ngạch nhập khẩu tăng nhưng tốc độ tăng bình quân qua các năm giảm so với giai đoạn trước. Nếu giai đoạn 2010-2015 tốc độ tăng bình quân kim ngạch hàng hóa nhập khẩu là 12,47%/năm thì giai đoạn 2016-2020 tốc độ bình quân hàng năm chỉ còn 2,54%/năm.

Thị trường nhập khẩu giai đoạn 2016-2020 lớn nhất vẫn thuộc về các nước trong khu vực châu Á. Trung Quốc đứng ở vị trí dẫn đầu với tỷ trọng chiếm khoảng 49,2% tổng kim ngạch nhập khẩu. Tiếp theo, các thị trường như Hàn Quốc khoảng 10,33%, khu vực ASEAN khoảng 11,8%, các nước khác khoảng 28,67%.

Cùng những chính sách, quan điểm chỉ đạo quyết liệt trong phát triển kinh tế - xã hội, năng lực cạnh tranh, chất lượng điều hành kinh tế và môi trường kinh doanh của tỉnh An Giang đã có nhiều cải thiện tích cực. Năm 2020, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của An Giang đạt 64,72 điểm (thang điểm 100) thuộc nhóm khá, xếp thứ 19/63 tỉnh trên cả nước

(đây cũng là năm thứ 4 liên tiếp An Giang có điểm số PCI trên 60 điểm). Trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, PCI của An Giang xếp thứ 6/13 tỉnh. Như vậy PCI của An Giang đã tăng 7,11 điểm và tăng 10 bậc so năm 2015 (57,61 điểm và xếp thứ 39/63). Xét trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, PCI của An Giang tăng được 4 bậc (năm 2015 là 10/13).

Điểm số PCI của An Giang năm 2020 cho thấy, công tác hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã được chính quyền tỉnh đưa vào nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên giải quyết. Thực hiện nhiều giải pháp phản ứng nhanh, linh hoạt để nâng cao sức chống chịu của doanh nghiệp trong bối cảnh tác động tiêu cực của dịch Covid-19 như: kịp thời áp dụng các biện pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy và cùng các ngân hàng hỗ trợ doanh nghiệp cơ cấu lại thời gian trả nợ, tìm kiếm đối tác, xây dựng thương hiệu sản phẩm. Đồng thời, nỗ lực cải cách hành chính nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh. Nhờ đó điểm số các chỉ số thành phần không ngừng tăng lên. So với năm 2019, có 04 chỉ số thành phần tăng điểm là chi phí gia nhập thị trường (+ 1,32 điểm), chi phí thời gian (+ 1,02 điểm), chi phí không chính thức (+ 0,41 điểm), dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (+ 0,6 điểm).

Trên cơ sở kết quả khả quan trong phát triển kinh tế giai đoạn 2010-2015, 2016-2020, bước sang giai đoạn tiếp theo, trong bối cảnh dịch covid 19 tác động tiêu cực tới mọi hoạt động kinh tế - xã hội trong nước và thế giới, Tỉnh An Giang đang nỗ lực xây dựng và thực hiện những giải pháp tích cực

nhằm duy trì thành quả, tiếp tục phát triển kinh tế xã hội địa phương theo hướng bền vững, đó là:

Đẩy mạnh phát triển khoa học - công nghệ và nguồn nhân lực

Hoạt động khoa học và công nghệ (KH & CN) tỉnh nhà những năm qua đạt được nhiều thành tựu, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên, Đầu tư cho KH & CN còn thấp, hiệu quả chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu phát triển,... Do đó thời gian tới Tỉnh cần tiếp tục đẩy mạnh phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tổ chức nghiên cứu về giống cây trồng, vật nuôi, ứng dụng, chuyển giao các quy trình canh tác tiên tiến... tạo nền tảng cho việc tham gia phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh; Huy động, tập trung nguồn lực, đặc biệt là vấn đề xã hội hóa hoạt động KH & CN, đưa khoa học và công nghệ thật sự trở thành động lực trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương...

Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực trong - ngoài nước và phát triển thị trường vốn

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quy hoạch, gắn quy hoạch với tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Tăng cường khả năng thu hút và nâng cao hiệu quả đầu tư công để tạo điều kiện thu hút các nguồn vốn trong và ngoài ngân sách có hiệu quả. Khơi thông các nguồn lực tích lũy và nhàn rỗi trong dân cư thông qua xã hội hóa đầu tư. Phát triển thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp huy động nguồn lực xã hội; các địa phương của vùng tìm kiếm nhà đầu tư có năng lực và thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa cho tất cả các ngành, lĩnh vực thông qua phương thức đầu tư đối tác công - tư (PPP), kích cầu

nguồn vốn xã hội để giảm áp lực ngân sách địa phương.

Cải thiện môi trường đầu tư, mở rộng hợp tác quốc tế và phát huy lợi thế

Tăng cường ứng dụng và triển khai chính phủ điện tử, nâng cao tỷ lệ người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh; phấn đấu áp dụng 100% các dịch vụ công thiết yếu đối với người dân như y tế, giáo dục và đào tạo, an sinh xã hội. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh và các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ phát triển thương mại điện tử, logistic cho doanh nghiệp. Tăng cường các hoạt động quảng bá, giới thiệu xúc tiến đầu tư, vận động đầu tư vào tỉnh một cách chuyên nghiệp; Đẩy mạnh công tác hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Phát triển cơ sở hạ tầng

Đầu tư phát triển xây dựng hạ tầng giao thông phù hợp quy hoạch, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hành khách, hàng hóa, kết nối các vùng kinh tế trong tỉnh, khu vực ĐBSCL, cả nước và với nước bạn Campuchia. Đồng thời, đổi mới mạnh mẽ phương thức kêu gọi đầu tư trong phát triển hạ tầng du lịch...

Phát huy lợi thế hội nhập để phát triển doanh nghiệp

Tăng cường hợp tác liên vùng thông qua các chương trình hợp tác và phối hợp phát triển liên vùng ĐBSCL. Phát triển, đa dạng hóa các loại hình thương mại bán lẻ hiện đại, thương mại điện tử, sản phẩm và thị trường xuất khẩu, trong đó, các hỗ trợ doanh nghiệp bán lẻ trong nước phát huy vai trò chủ đạo định hướng và dẫn dắt thị trường./.

DU LỊCH LÀO CAI

NHỮNG GIẢI PHÁP PHỤC HỒI HẬU COVID-19

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Đảng ủy phường Xuân Tăng, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Du lịch Lào Cai đã và đang bị thiệt hại nặng nề do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Trong bối cảnh đó, Lào Cai cần xây dựng những kịch bản cùng các giải pháp phù hợp để phục hồi du lịch sau khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát.

Những thành quả to lớn trước đại dịch

Trong thời gian qua, để phát huy lợi thế về du lịch, Lào Cai đã ban hành nhiều chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch, như: Nghị quyết số 39/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015 về Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030; Đề án phát triển kinh tế du lịch tỉnh Lào Cai giai đoạn 2011-2015; Chương trình hành động về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn... Lào Cai cũng đã hoàn thành việc xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển Khu du lịch quốc gia Sa Pa đến năm 2030; ban hành Bộ quy tắc ứng xử trong hoạt động du lịch tỉnh Lào Cai bằng 3 ngôn ngữ (tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc); phát triển Du lịch thông minh với việc đưa vào triển khai thí điểm bộ 3 sản phẩm, gồm: Cổng thông tin du lịch thông minh, Ứng dụng du lịch trên thiết bị thông minh (App) và Phần mềm quản lý lưu trú trực tuyến.



Bên cạnh đó, ngành du lịch cũng tăng cường liên kết, khai thác tối đa lợi thế tuyến hành lang kinh tế để kết nối du lịch núi với du lịch biển; mở rộng liên kết với các trung tâm du lịch lớn của Việt Nam để khai thác các loại hình du lịch nghỉ dưỡng núi cao cấp; tiếp tục chương trình hợp tác 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng để khai thác hiệu quả tuyến du lịch vòng cung Tây Bắc; liên kết với thành phố Luang Prabang - Lào, Chiang Mai - Thái Lan để phát triển các sản phẩm du

lịch chuyên biệt; phát triển tuyến du lịch ruộng bậc thang liên quốc gia: Mù Cang Chải, Yên Bái - Sa Pa, Lào Cai (Việt Nam) - Nguyên Dương (Trung Quốc). Duy trì hợp tác phát triển du lịch với vùng Aquitaine Nouvelle (cộng hòa Pháp), ADB, KOICA, JICA trong việc lập quy hoạch, phát triển hạ tầng du lịch... Hợp tác chặt chẽ với các tập đoàn lớn, nhà đầu tư chiến lược để phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch cao cấp, du lịch nông nghiệp...

Nhiều dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng, Khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, Khu dịch vụ vui chơi giải trí hiện đại đi vào hoạt động. Nhiều dự án khu du lịch nghỉ dưỡng, khu du lịch sinh thái đã hoạt động hiệu quả, góp phần nâng số lượng các cơ sở lưu trú du lịch nghỉ dưỡng với hơn 1.300 cơ sở lưu trú trên địa bàn Tỉnh (tăng gấp 2 lần so với năm 2015). Các khách sạn, khu nghỉ dưỡng tiêu chuẩn 3 đến 5 sao được đầu tư; các thương hiệu hàng đầu về kinh doanh lưu trú nổi tiếng đã có mặt tại Lào Cai, như: Victoria, Acord...

Chất lượng cơ sở lưu trú du lịch, nguồn nhân lực du lịch cũng được nâng lên và thay đổi tích cực. Điểm đến: Fansipan Legend, Topas Ecolodge, Hàm Rồng, Cát Cát ... và các khách sạn 5 sao, như: Hotel de la coupole - Mgallery by Sofite, Silk Path, Pao's Sa Pa... đem lại nhiều trải nghiệm mới, hấp dẫn cho du khách.

Lào Cai đã xây dựng, phát triển được một số sản phẩm du lịch thành "thương hiệu" nổi tiếng, hấp dẫn du khách trong và ngoài nước, như: Giải đua ngựa truyền thống Bắc Hà; Giải Marathon leo núi quốc tế (VMM); Giải đua xe đạp quốc tế "Một đường đua hai quốc gia" (Việt Nam - Trung Quốc); Lễ hội 4 mùa; Lễ hội trên mây Sa Pa...

Lào Cai được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Tổng cục Du lịch ghi nhận là địa phương đứng đầu cả nước về phát triển hiệu quả mô hình du lịch cộng đồng homestay, phổ biến tại các xã: Tả Van, Tả Phìn (thị xã Sa Pa), Ý Tý (huyện Bát Xát), Tả Chải, Na Hối, Bản Phố, Tả Van Chư, Bản Liễn (huyện Bắc Hà), Nghĩa Đô (huyện Bảo Yên).

Giai đoạn 2016-2020, du lịch Lào Cai đã đạt được kết quả ấn tượng. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch đến Lào Cai bình quân

22,6%/năm (gấp 2 lần so với giai đoạn 2010-2015), tổng lượt khách du lịch đến Lào Cai năm 2019 đạt 5,1 triệu lượt, tổng thu từ du lịch đạt 19.200 tỷ đồng. Kinh doanh du lịch phát triển cả về chất và lượng, nhiều khách sạn, khu, điểm du lịch đạt tiêu chuẩn cao. Năm 2020, lường trước những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Lào Cai sớm đề ra nhiều giải pháp kích cầu, khôi phục du lịch, nhờ đó, đến hết tháng 6/2021, tổng lượt khách đến Lào Cai đạt trên 2 triệu lượt, doanh thu đạt khoảng 9.000 tỷ đồng [4].

Điều đáng tự hào nhất là du lịch Lào Cai đã, đang trở thành một trong những trụ cột chính trong phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thúc đẩy giảm nghèo nhanh và bền vững cho tỉnh. Thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai cho thấy: năm 2018, từ du lịch, dịch vụ, Lào Cai đã tạo việc làm cho trên 22.000 lao động, trong đó, gần 10.000 lao động có việc làm trực tiếp và gần 13.000 lao động gián tiếp; đến năm 2019, con số này tăng lên khoảng trên 25.000 người [3].

Thích ứng với đại dịch

Với việc xuất hiện làn sóng thứ 4 của Covid-19, các chương trình kế hoạch phát triển du lịch của Lào Cai. Theo báo cáo, do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, 7 tháng đầu năm năm 2021, lượng khách đến Lào Cai ước đạt 1,2 triệu lượt khách, giảm 7% so với cùng kỳ năm 2020, đạt 24,1% kế hoạch năm. Tổng thu từ khách du lịch 7 tháng năm 2021 chỉ đạt 3.797 tỷ đồng, giảm 15,1% so với cùng kỳ 2020. Đạt 23,7 % so với kế hoạch năm. Tính riêng trong tháng 7/2021 (tính từ 01-31/7/2021) lượng khách đến Lào Cai ước đạt 30.100 lượt khách. Tổng thu du lịch ước đạt 137.2 tỷ đồng.

Những giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới

Để tiếp tục phấn đấu đưa ngành du lịch trở thành khâu đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn 2030, xây dựng Lào Cai trở thành điểm đến đặc biệt hấp dẫn, với các sản phẩm du lịch đặc sắc nhất khu vực Tây Bắc. Ngay từ thời điểm này, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới ngành du lịch, tỉnh Lào Cai cần triển khai nhiều giải pháp dài hơi, chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản để bước vào cuộc đua phát triển du lịch trong giai đoạn mới, khi dịch bệnh được kiểm soát, cụ thể là:

Thứ nhất, tiếp tục quan điểm phát triển du lịch bền vững

Lào Cai phải đẩy mạnh du lịch nhưng vẫn giữ được cảnh quan tự nhiên, sự đa dạng sinh học, những nét văn hóa bản địa đặc sắc và bảo vệ được môi trường sinh thái, đồng thời mọi đối tượng trong xã hội đều được thụ hưởng thành quả từ phát triển du lịch tương xứng với những gì đã đóng góp.

Trước mắt, cần tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 92/NQ-CP, ngày 08/12/2014 của Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh phát triển du lịch Việt Nam trong thời kỳ mới; Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 04/09/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác quản lý môi trường du lịch, đảm bảo an ninh, an toàn cho khách du lịch; Chỉ thị số 14/CT-TTg, ngày 02/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, tập trung khắc phục yếu kém, thúc đẩy phát triển du lịch, để đảm bảo môi trường phát triển du lịch bền vững, lành mạnh. Đồng thời, ban hành Quy chế quản lý du lịch của Tỉnh, trong đó có cơ chế

hỗ trợ bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, đặc biệt là danh thắng ruộng bậc thang; sưu tầm, bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa, di tích, danh thắng để phục vụ phát triển du lịch bền vững. Khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng theo hướng đặc sắc, bền vững, chuyên nghiệp, góp phần giảm nghèo bền vững tại các địa phương trong tỉnh. Phát triển sản phẩm, dịch vụ đi đôi với bảo vệ tài nguyên du lịch.

Thứ hai, cơ cấu lại thị trường và sản phẩm du lịch

Trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, mọi hoạt động du lịch quốc tế đều đóng băng, thì khách nội địa là thị trường vô cùng tiềm năng với gần 100 triệu dân cần được quan tâm thu hút.

Nhu cầu của khách du lịch hiện nay, đặc biệt là du khách Việt muốn được sống trong không gian xanh, gần gũi thiên nhiên, ăn thực phẩm sạch, tận hưởng môi trường phù hợp với cả người già lẫn trẻ nhỏ, trải nghiệm những hoạt động hứng thú, lạ lẫm. Do đó, xu hướng du lịch được ưa chuộng hiện nay tại Lào Cai là du lịch cộng đồng bằng hình thức homestay cao cấp, còn gọi là mô hình chia sẻ gia đình.

Bên cạnh đó, việc phát triển mô hình du lịch nông nghiệp, được liệu theo hướng thân thiện với môi trường đang được nhân rộng và trở thành một cách làm hay ở Lào Cai. Du lịch thân thiện với môi trường đang trở thành hình thức du lịch hấp dẫn và được nhiều du khách trong, ngoài nước thích thú. Vì thế, thời gian tới việc tập trung phát triển các sản phẩm du lịch mới, như: du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng cao cấp với không gian riêng cần được thực hiện để bắt kịp xu hướng thay đổi của du khách.

Để đạt mục tiêu xây dựng hệ thống sản phẩm du lịch đa dạng, đặc sắc mang thương hiệu riêng của Lào Cai, thu hút du khách có khả năng chi tiêu cao, trở thành địa phương có nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn nhất so với các tỉnh miền núi, cần tập trung thực hiện các giải pháp theo Kế hoạch số 254/KH-UBND về "Phát triển sản phẩm du lịch trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030" được UBND tỉnh Lào Cai ban hành ngày 28/9/2020. Cụ thể, Lào Cai sẽ phát triển các sản phẩm du lịch có tiềm năng và lợi thế cạnh tranh cao, ưu tiên xây dựng sản phẩm du lịch gắn với tiềm năng thiên nhiên, văn hóa của Khu du lịch quốc gia Sa Pa và hai huyện Bát Xát, Bắc Hà. Từ nay đến năm 2030, Lào Cai xác định sẽ xây dựng thêm 130 sản phẩm du lịch mới để đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách, đảm bảo tính bền vững, có khả năng thu hút khách chi tiêu cao và khách trở lại nhiều lần.

Thứ ba, chuyển đổi số và coi đó là điều quyết định sống còn của du lịch địa phương trong bối cảnh mới.

Theo đó, các doanh nghiệp du lịch có điều kiện cần bắt kịp xu hướng chuyển đổi số để tiếp cận khách hàng nhiều hơn, chăm sóc khách hàng tốt hơn. Chuyển đổi số sẽ giúp doanh nghiệp làm tốt hơn việc quản lý xây dựng sản phẩm mới, quảng bá sản phẩm, giao dịch với khách hàng thông qua việc khai thác các ứng dụng.

Tuy vậy, chuyển đổi số không chỉ về mặt công nghệ, mà còn là chuyển đổi cả cách quản lý, phương thức tiếp cận, xúc tiến, quảng bá... Điều này đòi hỏi sự đổi mới trong cả tư duy lẫn hành động của toàn ngành du lịch, từ cơ quan quản lý đến các doanh nghiệp.

Thứ tư, tăng cường quảng bá và liên kết trong phát triển du lịch

Tỉnh Lào Cai cần tăng cường hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch mang tính đồng bộ, thống nhất, thường xuyên, hấp dẫn với đẩy mạnh liên kết hợp tác phát triển du lịch. Đẩy mạnh công tác thông tin truyền thông, thông tin đại chúng, ứng dụng công nghệ thông tin trong quảng bá, xúc tiến du lịch.

Khai thác tối đa lợi thế tuyến hành lang kinh tế để kết nối du lịch núi với du lịch biển; mở rộng liên kết với các trung tâm du lịch lớn của Việt Nam để khai thác các loại hình du lịch nghỉ dưỡng núi cao cấp; tiếp tục chương trình hợp tác 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng để khai thác hiệu quả tuyến du lịch vòng cung Tây Bắc; liên kết với thành phố Luang Prabang - Lào, Chiang Mai - Thái Lan để phát triển các sản phẩm du lịch chuyên biệt; phát triển tuyến du lịch ruộng bậc thang liên quốc gia: Mù Cang Chải, Yên Bái - Sa Pa, Lào Cai (Việt Nam) - Nguyên Dương (Trung Quốc). Hợp tác chặt chẽ với các tập đoàn lớn, nhà đầu tư chiến lược để phát triển sản phẩm, dịch vụ du lịch cao cấp, du lịch nông nghiệp... Duy trì hợp tác phát triển du lịch với vùng Aquitaine Nouvelle (cộng hòa Pháp), ADB, KOICA, JICA trong việc lập quy hoạch, phát triển hạ tầng du lịch...

Thứ năm, phát triển nguồn nhân lực và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về du lịch

Thực tiễn phát triển du lịch tại Lào Cai cho thấy nhiều bất cập tồn tại, như: Tiềm năng du lịch chưa được khai thác đồng bộ, thiếu sự đa dạng hóa và làm mới sản phẩm du lịch; Hạ tầng giao thông còn hạn chế. Đặc biệt, sự phát triển quá "nóng" về du lịch, việc khai thác tài nguyên du lịch một cách ồ ạt

dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái và mai một di sản văn hóa truyền thống. Các loại thực vật, động vật từ rừng được khai thác quá mức để phục vụ cho nhu cầu của khách du lịch đã dẫn đến việc mất dần đi hệ động, thực vật của rừng; việc xây dựng các khu nghỉ dưỡng, khu vui chơi làm giảm diện tích, nguồn tài nguyên rừng. Khai thác di sản văn hóa để phục vụ du lịch cũng xuất hiện hiện tượng “thương mại hóa” văn hóa, lai căng văn hóa.

Nguồn nhân lực du lịch còn thiếu và yếu, nhất là nhân lực chất lượng cao. Đây là những khó khăn lớn cho du lịch Lào Cai trong quá trình triển khai, tổ chức các hoạt động du lịch mang tính chuyên nghiệp, hiện đại. Chất lượng của các đơn vị lữ hành du lịch và đội ngũ hướng dẫn viên còn hạn chế...

Vì thế, trong thời gian tới, những hạn chế này cần được khắc phục, Theo đó, cần tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý du lịch tỉnh Lào Cai. Kien toàn bộ máy quản lý nhà nước về du lịch từ cấp tỉnh đến các huyện, thành phố theo hướng đồng bộ, chuyên nghiệp, hiệu lực và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý du lịch.

Về phát triển nguồn nhân lực, cần gắn đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch tại chỗ của địa phương với thu hút nguồn nhân lực du lịch có trình độ cao từ các địa phương khác về làm việc tại tỉnh Lào Cai./.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XV (2018). *Chương trình hành động số 148-CTr/TU, ngày 28/07/2017 của thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa XVI (2020). Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Lào Cai (2015-2020). *Báo cáo tổng kết các năm, từ năm 2015 đến 2020*

4. Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Thị Tâm (2021). Du lịch Lào Cai tìm hướng phục hồi tăng trưởng và phát triển bền vững, Tạp chí Tài chính, kỳ 2, tháng 6/2021.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Quảng Nam - vốn đầu tư thực hiện 9 tháng đầu năm tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Nam quý III/2021 ước đạt gần 8,5 nghìn tỷ đồng; tăng 2,6% so với quý trước và tăng 8% so với cùng kỳ. Phân theo nguồn vốn, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước quản lý thực hiện trên 02 nghìn tỷ đồng (tăng 10,6% so quý trước và giảm 9,4% so cùng kỳ); tương tự, nguồn vốn huy động từ khu vực ngoài nhà nước đạt trên 5,2 nghìn tỷ đồng (tăng 2,5%; tăng 21%); nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ước thực hiện gần 1,2 nghìn tỷ đồng (giảm 8,8%; giảm 4,8%). Phân theo khoản mục đầu tư, vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt gần 6,2 nghìn tỷ đồng, tăng 11,8% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản đạt trên 1,6 tỷ đồng (tăng 1,6%); vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định đạt 361 tỷ đồng (giảm 1%); vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động đạt 283 tỷ đồng (tăng 1,7%).

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh ước đạt trên 23 nghìn tỷ đồng, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Phân theo nguồn vốn, vốn đầu tư thuộc nguồn vốn nhà nước quản lý ước thực hiện trên 5,3 nghìn tỷ đồng, giảm 8% so cùng kỳ; nguồn vốn huy động từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện trên 13,3 nghìn tỷ đồng (tăng 21,2%); nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài gần 4,5 nghìn tỷ đồng (giảm 10,2%). Phân theo khoản mục đầu tư, vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước đạt gần 17,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với cùng kỳ; vốn đầu tư mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản ước đạt gần 04 nghìn tỷ đồng (giảm 0,4%); vốn đầu tư sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định ước đạt trên 01 nghìn tỷ đồng (giảm 7,8%); vốn đầu tư bổ sung vốn lưu động ước đạt 718 tỷ đồng (giảm 11%)./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Nam

Khánh Hòa: Tổng sản lượng thủy sản 9 tháng đầu năm ước đạt 92,7 nghìn tấn, giảm 0,29% so cùng kỳ năm trước

Hoạt động thủy sản tuy đang là cao điểm mùa vụ khai thác nhưng bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19; đặc biệt là các cảng cá lớn (Hòn Rớ, Vĩnh Lương ở thành phố Nha Trang) bị phong tỏa tạm thời nhiều tháng khiến cho nhiều tàu đánh bắt xa bờ hầu như không vươn khơi,

ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản biển. Nuôi trồng thủy sản gặp khó khăn do thời tiết bất lợi; dịch bệnh xuất hiện trên một số diện tích ao nuôi; hoạt động thu mua chậm lại, xuất khẩu khó khăn, giá bán thủy sản xuống thấp nên nhiều hộ thua lỗ, một số hộ nuôi chỉ thả nuôi cầm chừng.

Đó là những nguyên nhân khiến tổng sản lượng thủy sản tháng 9/2021 ước đạt 7,6 nghìn tấn, giảm 7,53% so cùng kỳ năm trước; Trong đó cá được 6,45 nghìn tấn, giảm 6,42%; tôm 498 tấn, giảm 12,08% và thủy sản khác 683,3 tấn, giảm 13,96%. Trong tổng sản lượng thủy sản tháng 9/2021, sản lượng thủy sản khai thác ước được 6,8 nghìn tấn, giảm 6,32% so cùng kỳ năm trước (sản lượng thủy sản khai thác biển được 6,8 nghìn tấn, giảm 6,32%; sản lượng thủy sản khai thác nội địa được 10,3 tấn, giảm 7,21%); sản lượng thủy sản nuôi trồng ước được 809 tấn, giảm 16,61%.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, tổng sản lượng thủy sản được 92,7 nghìn tấn, giảm 0,29% so cùng kỳ năm trước, trong đó có gần 79,6 nghìn tấn cá, tăng 0,11%; 3,8 nghìn tấn tôm, giảm 4,54%; 9,4 nghìn tấn thủy sản khác, giảm 1,88%. Trong tổng sản lượng thủy sản 9 tháng đầu năm 2021, sản lượng thủy sản khai thác được 82.068,2 tấn, giảm 0,18% so cùng kỳ năm trước (74,5 nghìn tấn cá, tăng 0,08%; 793,8 tấn tôm, giảm 2,15%; 6,7 nghìn tấn thủy sản khác, giảm 2,7%); sản lượng thủy sản nuôi trồng được 10,7 nghìn tấn, giảm 1,16% (3,0 nghìn tấn tôm, giảm 5,15%; 5,0 nghìn tấn cá, tăng 0,6%; 2,7 nghìn tấn thủy sản khác, tăng 0,32%).

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa

Vĩnh Phúc: Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 9 tháng đầu năm 2021 tăng 13,55% so với cùng kỳ năm trước

Nhờ kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc duy trì được sự ổn định và phát triển, các doanh nghiệp tích cực sản xuất nhằm hoàn thành kế hoạch năm. Tính chung 9 tháng đầu năm 2021, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 13,55% so với cùng kỳ năm trước.

Trong các ngành công nghiệp cấp II, có tới 17/24 ngành có chỉ số sản xuất 9 tháng đầu năm tăng so với cùng kỳ năm trước, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp: Ngành sản xuất linh kiện điện tử tăng 25,75%; ngành sản xuất xe có động cơ tăng 10,72%, ngành sản xuất kim loại tăng 17,12%; sản xuất sản phẩm từ cao su

và plastic tăng 28,31%, ngành sản xuất trang phục tăng 11,03% và ngành sản xuất giày da tăng 18,81%... Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số giảm: Ngành sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 26,96%; ngành khai khoáng khác giảm 18,53%; ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 10,7%...

Đối với 3 ngành công nghiệp trọng điểm, ngành linh kiện điện tử tiếp tục là ngành mũi nhọn, chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị ngành công nghiệp của tỉnh, vẫn duy trì được năng lực sản xuất ổn định và đạt mức tăng khá trong khi ngành sản xuất ô tô và xe máy gặp khó khăn trong các tháng quý III do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, hoạt động thông thương giữa các tỉnh/thành phố bị hạn chế. Trước tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn duy trì tổ chức sản xuất, vừa nắm bắt tình hình dịch bệnh để kịp thời có biện pháp ứng phó, chủ động điều chỉnh kế hoạch sản xuất cho phù hợp với nhu cầu thị trường./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc

Hải Dương: Doanh thu bán lẻ hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng xã hội 9 tháng ước đạt gần 48,7 nghìn tỷ đồng

Hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh Hải Dương đảm bảo thông suốt ngay cả trong các đợt cao điểm phòng, chống dịch, do vậy tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội toàn tỉnh trong 9 tháng vẫn tăng 5,0% so với cùng kỳ năm trước, ước đạt gần 48,7 nghìn tỷ đồng.

Về doanh thu bán lẻ hàng hoá, tính chung 9 tháng đầu năm ước đạt gần 42,2 nghìn tỷ đồng tăng 6,5% so với cùng kỳ. Phân theo mặt hàng: Nhóm lương thực, thực phẩm chiếm cơ cấu lớn nhất với 36,9% trong tổng số và đạt 15,6 nghìn tỷ đồng, tăng 10,2%; nhóm gỗ và vật liệu xây dựng cũng chiếm cơ cấu tương đối với 13,7% trong tổng số, đạt gần 5,8 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8%; nhóm đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình đạt gần 5,6 nghìn tỷ đồng, tăng 11,0%...

Về doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tính chung 9 tháng ước đạt trên 6,5 nghìn tỷ đồng, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành kinh tế: dịch vụ lưu trú đạt 72 tỷ đồng, giảm 38,8% so với cùng kỳ; dịch vụ ăn uống đạt gần 2 nghìn tỷ đồng, giảm 19,1%; dịch vụ khác đạt gần 4,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1% so với cùng kỳ./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hải Dương

TỔNG QUAN KINH TẾ THẾ GIỚI 9 THÁNG VÀ QUÝ III NĂM 2021

I. XU HƯỚNG KINH TẾ VĨ MÔ TOÀN CẦU

1. Tăng trưởng toàn cầu được cải thiện đáng kể

Tình hình kinh tế thế giới khá khởi sắc trong 9 tháng năm 2021 khi triển khai tiêm phòng vắc-xin nhanh chóng đã giúp giảm nhanh số ca lây nhiễm tại nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên, tăng trưởng của các nền kinh tế cho thấy sự khác biệt do tốc độ triển khai vắc-xin và hỗ trợ chính sách khác nhau ở các quốc gia. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) giữ nguyên dự báo kinh tế toàn cầu, với mức tăng trưởng 6,0% năm 2021. Tuy nhiên, một số tổ chức điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2021: Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2021 đạt 5,7%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra vào tháng 5/2021; Fitch Ratings dự báo GDP thế giới sẽ tăng 6,0% vào năm 2021, điều chỉnh giảm 0,3 điểm phần trăm so với dự báo của tổ chức này trong tháng 6/2021.

2. Tổng quan biến động thị trường thế giới

Thương mại toàn cầu. Thương mại toàn cầu tiếp tục phục hồi nhưng có xu hướng chậm dần. WTO dự báo khối lượng thương mại hàng hóa thế giới chỉ tăng 8% trong năm 2021 và có sự phân hóa giữa các khu vực. UNCTAD có cùng nhận định với WTO nhưng

dự báo mức tăng trưởng thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu đạt 9,5% trong năm 2021 do dòng chảy thương mại hàng hóa cuối năm 2020 tăng mạnh dẫn đến các mô hình dự báo của UNCTAD đưa ra cao hơn.

Giá cả và lạm phát. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), giá nhiều mặt hàng đã tăng mạnh trong năm 2021 so với năm 2020. Giá dầu Brent, giá kim loại cơ bản, giá một số mặt hàng nông sản đều tăng.

IMF và OECD cùng nhận định lạm phát giá tiêu dùng trên toàn thế giới tăng trong những tháng gần đây do giá hàng hóa cao hơn, trở ngại từ phía cung, nhu cầu tiêu dùng mạnh khi các nền kinh tế mở cửa trở lại. Rủi ro lạm phát trong ngắn hạn đang tăng lên. Tác động của chi phí vận chuyển và giá hàng hóa tăng sẽ khiến gia tăng lạm phát có khả năng kéo dài đến hết năm 2022.

Thị trường tài chính. Theo WB, điều kiện tài chính toàn cầu khá khác biệt giữa các nền kinh tế phát triển và các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Ở các nền kinh tế phát triển, các điều kiện tài chính tương đối hỗ trợ. Tại các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, các điều kiện tài chính đã thắt chặt hơn kể từ giữa tháng 6/2021. Việc chưa thể kiểm soát dịch bệnh và rủi ro của từng quốc gia tiếp tục tạo ra chênh lệch lãi suất và chi phí đi vay, đồng thời làm suy yếu

đồng nội tệ tại một số nền kinh tế mới nổi và đang phát triển.

Đầu tư quốc tế. Các biện pháp phong tỏa để đối phó với đại dịch Covid-19 đã làm chậm lại các dự án đầu tư hiện có. Cuộc khủng hoảng đã tác động tiêu cực đến hầu hết các loại hình đầu tư, nhất là đầu tư trực tiếp vào các dự án công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) giảm mạnh ở các nền kinh tế phát triển và chuyển đổi, tuy nhiên giảm vừa phải ở các nền kinh tế đang phát triển do gia tăng luồng đầu tư vào châu Á. Tại Đông Nam Á, FDI có thể sẽ tăng lên, phụ thuộc vào mức độ các quốc gia trong khu vực kiểm chế làn sóng đại dịch mới bùng phát trong năm 2021.

Rủi ro và các yếu tố phi kinh tế khác. Theo IMF, tăng trưởng kinh tế thế giới đang đối mặt với bốn rủi ro và yếu tố phi kinh tế sau:

Thứ nhất, tăng trưởng sẽ yếu hơn dự báo nếu các rào cản hậu cần trong việc mua sắm và phân phối vắc xin ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển làm chậm tốc độ tiêm chủng so với dự kiến. Sự thận trọng trong sử dụng khoản tiết kiệm của hộ gia đình đi kèm với lo lắng về triển vọng việc làm và thu nhập sẽ ảnh hưởng đến tổng chi tiêu dùng nói chung.

Thứ hai, ngoài các yếu tố liên quan đến đại dịch, kích thích tài chính tại Mỹ có thể yếu hơn dự kiến, làm tăng trưởng của Mỹ

thấp hơn dẫn đến lan tỏa yếu hơn đến các đối tác thương mại của quốc gia này.

Thứ ba, tăng trưởng có thể sẽ không như kỳ vọng khi các điều kiện tài chính bị thắt chặt đột ngột. Thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển nói riêng có thể phải đối mặt với tác động kép từ các điều kiện tài chính bên ngoài thắt chặt hơn và cuộc khủng hoảng sức khỏe, làm gia tăng đứt gãy trong quá trình phục hồi toàn cầu. Ngoài ra, tăng trưởng yếu hơn sẽ tiếp tục ảnh hưởng tiêu cực đến dư nợ và rủi ro tài khóa kép.

Thứ tư, bất ổn xã hội, căng thẳng địa chính trị, các cuộc tấn công nhằm vào cơ sở hạ tầng quan trọng, hoặc thiên tai ngày càng tăng về tần suất và cường độ do biến đổi khí hậu có thể tiếp tục gây áp lực lên phục hồi kinh tế toàn cầu.

II. TĂNG TRƯỞNG CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ

1. Mỹ

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ đạt 6% năm 2021, điều chỉnh giảm 0,5 điểm phần trăm so với mức dự báo 6,5% trong tháng 4/2021 do tốc độ tăng GDP Quý II/2021 yếu hơn dự kiến.

OECD cũng điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ xuống 6,0%, giảm 0,9 điểm phần trăm so với mức dự báo 6,9% trong tháng 5/2021.

Fitch Ratings điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng GDP của Mỹ xuống còn 6,2%, giảm 0,6 điểm phần trăm so với mức dự báo 6,8% đưa ra trong T6/2021.

Theo Trading Economics, GDP Quý III/2021 của Mỹ dự báo tăng 5,1% so với quý trước và tăng 3,7% so với Quý III/2020. Chỉ số PMI tổng hợp của Hoa Kỳ dự kiến đạt 58,0 điểm vào cuối Quý III/2021.

2. Khu vực đồng Euro

OECD nâng mức dự báo tăng trưởng GDP khu vực đồng Euro năm 2021 lên 5,3%, điều chỉnh tăng 1 điểm phần trăm so với mức dự báo 4,3% trong tháng 5/2021.

ADB điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP của khu vực đồng Euro lên 4,6% năm 2021, tăng 0,3 điểm phần trăm so với mức dự báo 4,3% đưa ra vào tháng 4/2021.

Fitch Ratings điều chỉnh tăng trưởng GDP của khu vực đồng Euro năm 2021, tăng 0,2 điểm phần trăm, từ mức 5,0% dự báo hồi tháng 5/2021 lên 5,2%.

Nguyên nhân điều chỉnh tăng là do khu vực này triển khai nhanh chóng tiêm phòng vắc-xin Covid-19. Ngoài ra, nhu cầu bị kìm nén, chính sách tiền tệ phù hợp và tiến độ giải ngân vốn từ chương trình hỗ trợ NextGenerationEU là động lực thúc đẩy tăng trưởng. Thương mại hàng hóa toàn cầu mạnh mẽ và sự phục hồi của ngành du lịch cũng đóng góp vào tăng trưởng trong năm 2021.

Trading Economics dự báo chỉ số PMI tổng hợp của khu vực đồng Euro đạt 58,5 điểm vào cuối Quý III/2021.

3. Nhật Bản

ADB dự báo nền kinh tế Nhật Bản sẽ tăng trưởng 2,2% năm 2021, điều chỉnh giảm 0,7 điểm phần trăm so với mức dự báo 2,9% trong tháng 4/2021. OECD dự báo tăng trưởng GDP của Nhật Bản đạt 2,5% năm 2021, điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm so với mức dự báo 2,6% trong tháng 5/2021.

Theo Trading Economics, GDP Quý III/2021 của quốc gia này dự báo tăng 1,5% so với quý trước và tăng 4,5% so với Quý III/2020.

4. Trung Quốc

ADB giữ nguyên mức dự báo tăng trưởng GDP của nền kinh tế Trung Quốc ở mức 8,1% năm 2021, bằng với dự báo của Fitch Ratings.

OECD giữ nguyên mức dự báo tăng trưởng GDP của nền kinh tế Trung Quốc năm 2021 như đã đưa ra hồi tháng 5/2021, theo đó tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2021 đạt 8,5%.

Theo Trading Economics, tăng trưởng GDP Quý III/2021 của quốc gia này dự báo đạt 1,1% so với Quý II/2021 và đạt 6,3% so với cùng kỳ năm trước.

5. Đông Nam Á

Tăng trưởng GDP của khu vực Đông Nam Á (gồm cả Đông Ti-mo) được ADB dự báo ở mức 3,1% trong năm 2021, giảm so với mức 4,4% đưa ra vào tháng 4/2021. Trong đó, ADB giảm dự báo tăng trưởng năm 2021 của hầu hết các nền kinh tế trong khu vực Đông Nam Á như In-đô-nê-xi-a (từ 4,5 xuống 3,5%), Ma-lai-xi-a (từ 6,0 xuống 4,7%), Thái Lan (từ 3,0% xuống 0,8%) và Việt Nam (từ 6,7% xuống 3,8%); không thay đổi dự báo của Phi-li-pin (4,5%); duy chỉ có Xin-ga-po được dự báo tăng so với báo cáo trước đây (từ 6,0% lên 6,5%).

6. Việt Nam

Trong Báo cáo điểm lại tháng 9/2021, WB cho rằng nền kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng khoảng 4,8% trong năm 2021. Dự báo này được điều chỉnh giảm so với con số 6,6% cho năm 2021 trong Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 6/2021 và giữ nguyên so với dự báo đưa ra vào tháng 8/2021 của tổ chức này.

Theo ADB, tình trạng phong tỏa nghiêm ngặt ở khu vực phía Nam của Việt Nam, ở Hà Nội và các khu công nghiệp lân cận đã ảnh hưởng lớn đến kinh tế Việt Nam. ADB giảm mạnh dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2021 từ mức 6,7% xuống 3,8%./.

**Vụ Thống kê Nước ngoài
và Hợp tác quốc tế - TCTK**

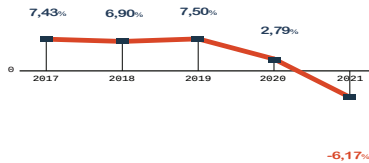


TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2021

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP)

Tốc độ tăng/giảm GDP quý III so với cùng kỳ năm trước giai đoạn 2017-2021



Quý III năm 2021

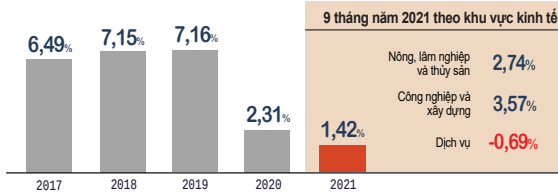
GDP -6,17%

Nông, lâm nghiệp và thủy sản 1,04%

Công nghiệp và xây dựng -5,02%

Dịch vụ -9,28%

Tốc độ tăng/giảm GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước giai đoạn 2017-2021



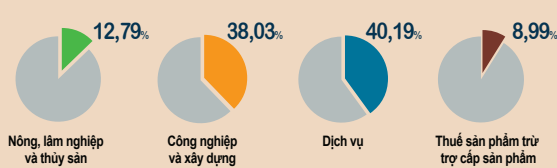
9 tháng năm 2021 theo khu vực kinh tế

Nông, lâm nghiệp và thủy sản 2,74%

Công nghiệp và xây dựng 3,57%

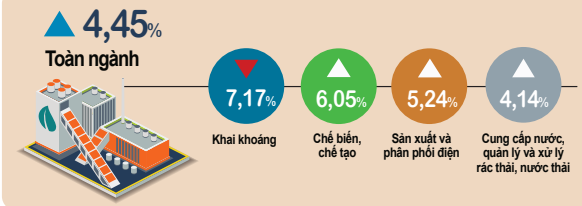
Dịch vụ -0,69%

Cơ cấu GDP 9 tháng năm 2021

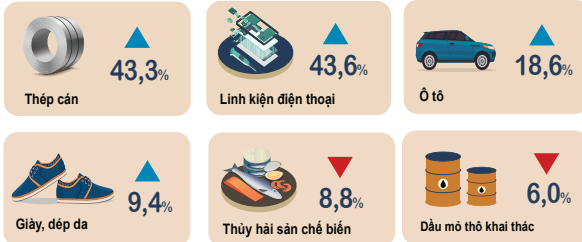


SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 9 THÁNG NĂM 2021

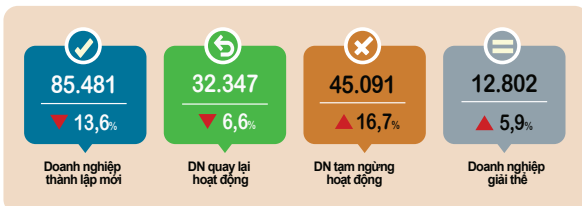
Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành công nghiệp so với cùng kỳ năm trước



Tốc độ tăng/giảm một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với cùng kỳ năm trước

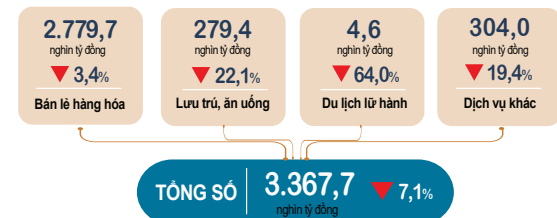


TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP 9 THÁNG NĂM 2021

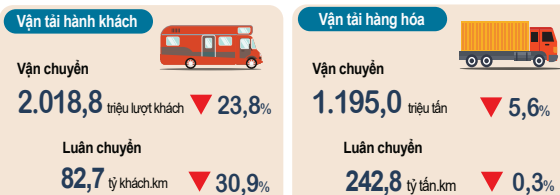


HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ 9 THÁNG NĂM 2021

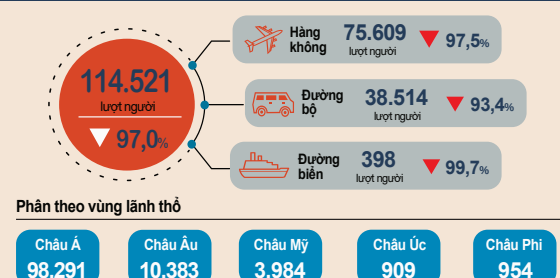
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



Vận tải hành khách và hàng hóa



Khách quốc tế đến Việt Nam

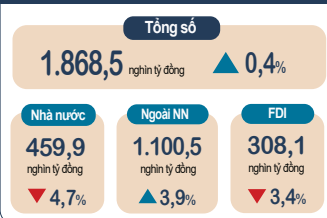


Phân theo vùng lãnh thổ

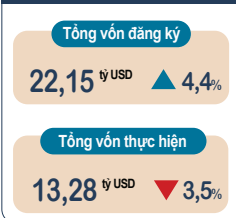
Châu Á	98.291	Châu Âu	10.383	Châu Mỹ	3.984	Châu Úc	909	Châu Phi	954
--------	--------	---------	--------	---------	-------	---------	-----	----------	-----

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

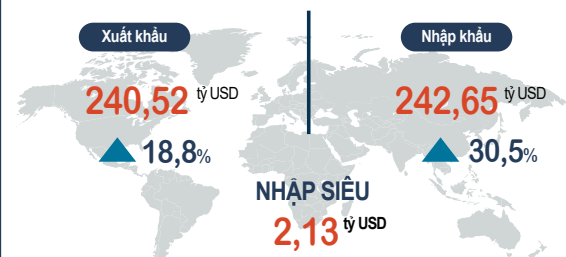
Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng năm 2021



Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từ 1/1 đến 20/9/2021



XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA 9 THÁNG NĂM 2021



CHỈ SỐ GIÁ

